

TỜ TRÌNH

Về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thành phố Thanh Hóa là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh Thanh Hóa; là một trong những trung tâm kinh tế, dịch vụ, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao của vùng phía Nam Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Diện tích tự nhiên là 146,77 km² với 20 phường và 17 xã, dân số khoảng 500.000 người, là một trong những đô thị trực thuộc tỉnh có quy mô dân số, diện tích và có số đơn vị hành chính lớn nhất trong các đô thị trực thuộc tỉnh của Việt Nam. Kể từ năm 2010 đến nay, thành phố Thanh Hóa đã có những bước phát triển mạnh mẽ, hệ thống công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư ngày càng hoàn chỉnh, các tuyến đường nội thị ngày một khang trang với nhiều khu nhà được xây mới. Trong những năm qua, thành phố Thanh Hóa luôn quan tâm đến công tác đặt tên, đổi tên các đường phố và công trình công cộng, kể từ năm 1994 đến 2010 đã có 5 lần đặt tên (vào các năm 1994, 2000, 2004, 2008 và 2010) với tổng số 523 đường phố, ngõ (426 đường phố; 96 ngõ; 01 ngách) được đặt tên.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố vẫn còn khoảng 500 đường, phố tại các mặt bằng quy hoạch và khu vực các phường mới được thành lập (An Hoạch và Tào Xuyên) và 17 xã (Đông Hưng; Đông Lĩnh; Đông Tân; Đông Vinh; Hoàng Anh; Hoàng Đại; Hoàng Long; Hoàng Lý; Hoàng Quang; Quảng Cát; Quảng Đông; Quảng Phú; Quảng Tâm; Quảng Thịnh; Thiệu Dương; Thiệu Khánh; Thiệu Vân) chưa được đặt tên đường, phố, người dân trên địa bàn thành phố vẫn gọi tên đường, tên phố theo thói quen, theo các mặt bằng quy hoạch mà chưa được đặt tên một cách khoa học, dẫn đến khó khăn trong việc kê khai hành chính, giao dịch, tìm kiếm địa chỉ của người dân.

Thực hiện quy định của pháp luật về việc đặt tên đường phố và công trình công cộng; nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin, địa chỉ, phục vụ cho việc giao dịch, giao lưu, tạo điều kiện cho nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương, góp phần chỉnh trang diện mạo đô thị; tạo điều kiện cho việc quản lý hành chính, quản lý hạ tầng kỹ thuật đạt hiệu quả đáp ứng được yêu cầu của một thành phố ngày càng văn minh, hiện đại. Ngoài ra, việc đặt tên đường phố và công trình công cộng còn nhằm mục đích giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, nâng cao nhận thức về tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào của nhân dân thành phố Thanh Hóa về những danh nhân, anh hùng, các địa danh, sự kiện lịch sử tiêu biểu. Vì vậy, việc lập Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa năm 2019 là hết sức cần thiết và cấp

bách, phù hợp với sự phát triển của đô thị, đáp ứng mong muốn của chính quyền các cấp và nguyện vọng của nhân dân.

Trên cơ sở Ngân hàng tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017; nguyện vọng của cấp ủy, chính quyền và nhân dân thành phố Thanh Hóa về đặt tên đường, phố và công trình công cộng; Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn tỉnh phối hợp với các ban, sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện việc xây dựng, hoàn chỉnh Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa; tổ chức phiên họp Hội đồng tư vấn tỉnh thẩm định Đề án; xin ý kiến tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Văn học nghệ thuật, Hội Khoa học lịch sử tỉnh về Đề án;

Ủy ban nhân dân tỉnh đã họp, thông qua Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa tại Phiên họp thường kỳ Ủy ban nhân dân tỉnh tháng 6 năm 2019, trên cơ sở đó, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã có tờ trình báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 25/6/2019; Tại hội nghị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất giao đồng chí Đỗ Trọng Hưng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa chủ trì, đồng chí Trần Quảng Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Văn Phát, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đồng chí Phạm Đăng Quyền, Phó Chủ tịch UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương có liên quan nghe và cho ý kiến về Đề án đặt tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa. Tiếp thu, thực hiện ý kiến kết luận tại hội nghị ngày 01/7/2019 do đồng chí Đỗ Trọng Hưng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa chủ trì, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, UBND thành phố Thanh Hóa hoàn thiện Đề án, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét để trình tại Kỳ họp thứ 9, HĐND tỉnh Khóa XVII. Nhưng Thường trực HĐND tỉnh đã đề nghị tiếp tục nghiên cứu, rà soát để trình Đề án vào kỳ họp sau.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao UBND thành phố Thanh Hóa phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án và đã xin ý kiến thẩm định của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng cấp tỉnh ngày 16/9/2019; Sở Tư pháp đã có báo cáo số 522/BCTĐ-STP ngày 26/9/2019 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa; đồng chí Chủ tịch, các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh và các đồng chí Ủy viên UBND tỉnh về Đề án đã xem xét, thống nhất với Đề án; Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình, xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án tại Tờ trình số 287/TTr-BCS ngày 10/10/2019.

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; Thông tư

36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị đặt tên 256 đường, phố; 16 công trình công cộng và đổi tên 01 phố trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, cụ thể như sau:

I. ĐỀ NGHỊ ĐẶT TÊN: Đặt tên 256 đường, phố.

Trong 256 đường, phố đề nghị đặt tên, có 247 tên của các danh nhân, các địa danh có trong Ngân hàng tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Ngân hàng tên) và 09 tên địa danh chưa có trong Ngân hàng tên, cụ thể như sau:

1. Đặt tên 04 đại lộ (Có trong Ngân hàng tên của tỉnh)

1) *Đại lộ Lê Lợi*: Từ Đại lộ Hùng Vương (ngã tư BigC) đến ngã ba Nhôi; chiều dài 5.720 m; chiều rộng 43m.

2) *Đại lộ Nam Sông Mã*: Từ cầu Hàm Rồng đến địa phận thành phố Sầm Sơn; chiều dài 11.650m; chiều rộng 67m.

3) *Đại lộ Hùng Vương*: Từ đường Nguyễn Chí Thanh tại Km 320+254 (Quốc lộ 1A) đến đường Quang Trung (xã Quảng Thịnh) tại Km 330+274 (Quốc lộ 1A); chiều dài 10.020m; chiều rộng 76,0m.

4) *Đại lộ Nguyễn Hoàng*: Từ phía cầu Nguyệt Viên tại Km 324+406 (Quốc lộ 1A) đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.000m; chiều rộng 91,0m.

2. Đặt tên 79 đường

2.1. Đặt tên 70 đường (Có trong Ngân hàng tên của tỉnh)

1) *Đường Võ Nguyên Giáp*: Từ đường Nguyễn Doãn Chấp đến đường Quang Trung; chiều dài 8.510m; chiều rộng 50m.

2) *Đường Nguyễn Duy Hiệu*: Từ đại lộ Lê Lợi đến đường Lê Lai; chiều dài 1.020m; chiều rộng 42m.

3) *Đường Tây Đô*: Từ đường Trường Xuân tại Km 06+020 (Đường vành đai phía Tây) đến đường Quang Trung tại Km 14+600 (Đường Vành đai phía Tây); chiều dài 8.580m; chiều rộng 76m.

4) *Đường Trịnh Kiểm*: Từ đường Lê Lai đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 8.040m; chiều rộng 34m.

5) *Đường Lạc Long Quân*: Từ đường Lê Lai đến đường Quang Trung; chiều dài 2.500m; chiều rộng 39m.

6) *Đường Nguyễn Thiếp*: Từ đường Quang Trung đến địa phận thị trấn Rừng Thông; chiều dài 5.220m; chiều rộng 39m.

7) *Đường Âu Cơ*: Từ Lạc Long Quân đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.500m; chiều rộng 39m.

8) *Đường Nguyễn Kim*: Từ địa phận xã Hoằng Quang tại Km 322+800 (Quốc lộ 1A) đến cầu Nguyệt Viên tại Km 324+406; chiều dài 1.606m; chiều rộng 36m.

9) *Đường Văn Tiến Dũng*: Từ địa phận xã Hoằng Lý tại Km 317+463 (Quốc

lộ 1A) đến cầu Hoàng Long tại Km 320+763 (Quốc lộ 1A); chiều dài 3.300m; chiều rộng 36m.

10) *Đường Quang Trung*: Từ ngã ba Tịch Điền tại Km 325+710 (Quốc lộ 1A) đến hết địa phận xã Quảng Thịnh tại Km 331+200 (Quốc lộ 1A); chiều dài 5.490m; chiều rộng 36m.

11) *Đường An Dương Vương*: Từ địa phận xã Quảng Tâm tại Km 05+450 (Quốc lộ 47) đến đường Lê Lai tại Km 10+660 (Quốc lộ 47); chiều dài 5.210m; chiều rộng 42m.

12) *Đường Nguyễn Đình Thuần*: Từ Ngã ba Nhồi tại Km 20+900 (Quốc lộ 47) đến hết địa phận xã Đông Tân tại Km 23+730; chiều dài 2.830m; chiều rộng 20.5m.

13) *Đường Trường Xuân*: Từ đường Tây Đô (cổng chào thôn Tân Cộng, xã Đông Tân) tại Km 22+620 (Quốc lộ 47) đến giáp xã Đông Thịnh và xã Đông Xuân Km 23+800 (Quốc lộ 47); chiều dài 1.180m; chiều rộng 42m.

14) *Đường Trịnh Huy Quang*: Từ ngã ba Nhồi tại Km 76+600 (Quốc lộ 45) đến đường Nguyễn Hữu Cảnh tại Km 80+350 (Quốc lộ 47); chiều dài 3.750 m; chiều rộng 13m.

15) *Đường Nguyễn Hữu Cảnh*: Từ Cầu Voi tại Km 01+693 (Quốc lộ 45) đến địa phận xã Quảng Trạch (hết địa phận thành phố) tại Km 04+533 (Quốc lộ 45); chiều dài 2.840m; chiều rộng 25m.

16) *Đường Hoàng Nghiêu*: Từ cuối địa phận phường Phú Sơn tại Km 73+150 (Quốc lộ 45) đến địa phận thị trấn Rừng Thông tại Km 71+880 (Quốc lộ 45); chiều dài 1.270m; chiều rộng 20m.

17) *Đường Nguyễn Đình Ngân*: Từ đường Văn Tiến Dũng tại Km 231+500 (Quốc lộ 10) đến cuối địa phận xã Hoàng Anh tại Km 229+550 (Quốc lộ 10); chiều dài 1.950m; chiều rộng 10,5m.

18) *Đường Dương Xá*: Từ đầu đường Đình Hương (phường Đông Cương) đến đê sông Mã (xã Thiệu Dương); chiều dài 1.200m; chiều rộng 10,5m.

19) *Đường Tư Phố*: Từ đường Dương Xá đến cuối địa phận xã Thiệu Vân; chiều dài 6.410m; chiều rộng 7,5m.

20) *Đường Nguyễn Doãn Cháp*: Từ đường An Dương Vương đến đường Võ Nguyên Giáp; chiều dài 2.000m; chiều rộng 10,5m.

21) *Đường Nguyễn Thị Lợi*: Từ phố Trần Bảo đến sông Nhà Lê (phường An Hoạch); chiều dài 2.040m; chiều rộng 10,5m.

22) *Đường Nguyễn Phúc Chu*: Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Trần Hưng Đạo; chiều dài 1.350m; chiều rộng 15m.

23) *Đường Dương Đình Nghệ*: Từ đường Bà Triệu đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 2.420m; chiều rộng 20m.

24) *Đường Lý Thiên Bảo*: Từ đường Bà Triệu đến đường Vạn Lại - Yên Trường; chiều dài 2.000m; chiều rộng 15m.

25) *Đường Lý Nhân Tông*: Từ đường Vạn Lại - Yên Trường đến phố Phan Chu Chinh; chiều dài 2.380m; chiều rộng 10,5m.

- 26) *Đường Đào Cam Mộc*: Từ đường Vạn Lại - Yên Trường đến đường Đô Dương; chiều dài 1.700m; chiều rộng 10,5m.
- 27) *Đường Đô Dương*: Từ đường Vạn Lại - Yên Trường đến phố Dốc Ga; chiều dài 1.950m; chiều rộng 10,5m.
- 28) *Đường Vạn Hạnh*: Từ đường Vạn Lại - Yên Trường đến phố Thăng Lợi; chiều dài 1.500m; chiều rộng 10,5m.
- 29) *Đường Trường Chinh*: Từ Khu đô thị Vinhomes đến đại lộ Nguyễn Hoàng; chiều dài 1.350m; chiều rộng 36m.
- 30) *Đường Tố Hữu*: Từ đại lộ Nguyễn Hoàng đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.900m; chiều rộng 36m.
- 31) *Đường Phạm Văn Đồng*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.100m; chiều rộng 36m.
- 32) *Đường Võ Chí Công*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.110m; chiều rộng 10,5m.
- 33) *Đường Lê Nhân Tông*: Từ đường Nguyễn Huy Tự đến đường Âu Cơ; chiều dài 1.030m; chiều rộng 10,5m.
- 34) *Đường Nguyễn Công Trứ*: Từ đường Lê Lai đến đường Âu Cơ; chiều dài 1.360m; chiều rộng 10,5m.
- 35) *Đường Lê Cảo*: Từ trường Đại học Hồng Đức (cơ sở 2) đến đường Âu Cơ; chiều dài 1.140m; chiều rộng 7,5m.
- 36) *Đường Lê Dụ Tông*: Từ đường Âu Cơ đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 1.730m; chiều rộng 10,5m.
- 37) *Đường Lê Hiến Tông*: Từ đường Âu Cơ đến đường Quang Trung; chiều dài 1.600m; chiều rộng 10,5m.
- 38) *Đường Ngô Thuyền*: Từ đường Nguyễn Phục đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 1.200m; chiều rộng 10,5m.
- 39) *Đường Nguyễn Chí Thanh*: Từ cầu Hoàng Long đến đường Bà Triệu; chiều dài 2.450m; chiều rộng 36,0m.
- 40) *Đường Lê Lai*: Từ đường Bạch Đằng đến Cầu Cốc; chiều dài 3.780m; chiều rộng 30,0m.
- 41) *Đường Hà Huy Tập*: Từ đường Vệ Yên đến đường Phù Lưu; chiều dài 1.250m; chiều rộng 10,5m.
- 42) *Đường Đỗ Huy Cư*: Từ đường Sơn Vạn đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.190m; chiều rộng 10,5m.
- 43) *Đường Bạch Đằng*: Từ đường Chương Dương (Cảng Lễ Môn) đến đường Lê Lai; chiều dài 1.750m; chiều rộng 13,0m.
- 44) *Đường Chương Dương*: Từ đường Bạch Đằng đến đường Sơn Vạn; chiều dài 1.200m; chiều rộng 13,0m.
- 45) *Đường Hàm Tử*: Từ đường Chương Dương đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.410m; chiều rộng 13,0m.
- 46) *Đường Ái Sơn*: Từ đường Hàm Nghi đến cầu Nguyệt Viên; chiều dài

1.760m; chiều rộng 10,5m.

47) *Đường Sơn Vạn*: Từ cầu Nguyệt Viên đến phố Lễ Môn; chiều dài 2.530m; chiều rộng 10,5m.

48) *Đường Đồng Lễ*: Từ nhà văn hóa Đồng Lễ (phường Đồng Hải) đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.360m; chiều rộng 10,5m.

49) *Đường Trần Nhân Tông*: Từ đường Bạch Đằng đến đường Chương Dương; chiều dài 1.400m; chiều rộng 10,5m.

50) *Đường Lê Niệm*: Từ đường Hàm Tử đến đường Trần Nhân Tông; chiều dài 2.000m; chiều rộng 10,5m.

51) *Đường Nguyễn Phúc*: Từ đường Quang Trung đến đường Phù Lưu; chiều dài 2.460m; chiều rộng 20,5m.

52) *Đường Vệ Đà*: Từ đường Quang Trung đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng); chiều dài 1.060m; chiều rộng 10,5m.

53) *Đường Vệ Yên*: Từ đường Vệ Đà đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng); chiều dài 1.670m; chiều rộng 10,5m.

54) *Đường Đỗ Đại*: Từ đường Nguyễn Phúc đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 1.140m; chiều rộng 10,5m.

55) *Đường Lê Hưng*: Từ đường Nguyễn Phúc đến đường Vệ Yên; chiều dài 1.730m; chiều rộng 10,5m.

56) *Đường Phù Lưu*: Từ sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng) đến cầu Voi (xã Quảng Thịnh); chiều dài 3.580m; chiều rộng 10,0m.

57) *Đường Yên Ngựa*: Từ đường Đức Thánh Cả đến đường Bà Triệu; chiều dài 1.150m; chiều rộng 10,5m.

58) *Đường Phương Hoàng*: Từ đường Yên Ngựa đến đường Kim Quy; chiều dài 1.520m; chiều rộng 10,5m.

59) *Đường Tiên Sơn*: Từ đường Trịnh Thế Lợi đến động Tiên Sơn (phường Hàm Rồng); chiều dài 1.000m; chiều rộng 10,5m.

60) *Đường Đình Hòa*: Từ đường Đình Hương đến sông Hạc (xã Đông Lĩnh); chiều dài 2.100m; chiều rộng 12,0m.

61) *Đường Lê Thành*: Từ đường Đại Khôi đến đường Vạn Lại – Yên Trường; chiều dài 1.170m; chiều rộng 10,5m.

62) *Đường Đại Khôi*: Từ đường Đình Hương đến hết làng Đại Khôi; chiều dài 2.300m; chiều rộng 6m.

63) *Đường Thanh Chương*: Từ đường Lê Lai đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thành); chiều dài 3.400m; chiều rộng 7,5 m.

64) *Đường Chi Lăng*: Từ đường Quang Trung đến đường Võ Nguyên Giáp; chiều dài 3.190m; chiều rộng 7,5 m.

65) *Đường Ngọc Mai*: Từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Bùi Sĩ Lâm; chiều dài 1.100m, chiều rộng 6,5m.

66) *Đường Vĩnh Yên*: Từ đường Trịnh Kiểm đến đường Võ Nguyên Giáp

chiều dài 1.800m; chiều rộng 6,5m.

67) *Đường Đồng Cuôn*: Từ đường Lê Lai đến đường Đồng Khoai; chiều dài 1.600m; chiều rộng 5m.

68) *Đường Đồng Khoai*: Từ đường Thanh Chương đến đường Ngọc Mai; chiều dài 1.450m, chiều rộng 5,5m.

69) *Đường Bùi Khắc Nhất*: Từ phố Tôn Thất Thuyết đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.050m, chiều rộng 42,0m.

70) *Đường Phú Thứ*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 2.200m; chiều rộng 7,5 m.

2.2. Đặt tên 09 đường (chưa có trong Ngân hàng tên của tỉnh).

1) *Đường Vạn Lại - Yên Trường*: Từ đường Nguyễn Chí Thanh tại Km 0+00 (Đường vành đai phía Tây) đến đường Trường Xuân tại Km 06+020 (Đường vành đai phía Tây); chiều dài 6.020m; chiều rộng 76,0m.

2) *Đường Thủ Phác*: Từ đường Lê Lai đến đường Trần Bình Trọng; chiều dài 450m; chiều rộng 4,0m.

3) *Đường Đức Hậu*: Từ làng Đức Hậu (phường Quảng Hưng) đến làng Thủ Phác (phường Quảng Hưng); chiều dài 800m; chiều rộng 3,5m.

4) *Đường Nhân Phong*: Từ đường Dã Tượng đến làng Hưng Long (phường Quảng Hưng); chiều dài 700m; chiều rộng 4,0m.

5) *Đường Hưng Thuận*: Từ đường Chương Dương đến đại lộ Nam sông Mã; chiều dài 700m; chiều rộng 4,0m.

6) *Đường Đồng Bái*: Từ đường Hàm Tử đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 450m; chiều rộng 3,5m.

7) *Đường Duy Tiếu*: Từ đường Chương Dương đến địa phận xã Quảng Phú; chiều dài 1.200m; chiều rộng 5,0m.

8) *Đường Văn Thọ*: Từ đường Bạch Đằng đến làng Nhân Thọ (phường Quảng Hưng); chiều dài 1.100m; chiều rộng 5,0m.

9) *Đường Hưng Xá*: Từ đường Chương Dương đến đại lộ Nam sông Mã; chiều dài 1.000m; rộng 7,0m.

3. Đặt tên 173 phố (Có trong Ngân hàng tên của tỉnh)

1) *Phố Đặng Việt Châu*: Từ đại lộ Lê Lợi đến đường Nguyễn Thị Lợi; chiều dài 850m; chiều rộng 36,0m.

2) *Phố Trần Bảo*: Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 850m; chiều rộng 34m.

3) *Phố Nguyễn Văn Huệ*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Lê Chủ; chiều dài 530m; chiều rộng 7,5m.

4) *Phố Lưu Đô*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 895m; chiều rộng 7,5m.

5) *Phố Đặng Văn Hỷ*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 540m; chiều rộng 7,5m.

- 6) *Phố Trịnh Ngọc Diệt*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 895m; chiều rộng 7,5m.
- 7) *Phố Nguyễn Văn Hò*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 540m; chiều rộng 7,5m.
- 8) *Phố Ngô Đức*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 540m; chiều rộng 7,5m.
- 9) *Phố Bùi Đạt*: Từ đại lộ Lê Lợi đến ngõ Cao Sơn; chiều dài 630m; chiều rộng 10,5m.
- 10) *Phố Lê Chủ*: Từ phố Bùi Đạt đến trường THCS Đông Hưng (xã Đông Hưng); chiều dài 610m; chiều rộng 7,5m.
- 11) *Phố Nguyễn Đôn Tiết*: Từ đường Triệu Quốc Đạt đến phố Phan Chu Trinh; chiều dài 120m; chiều rộng 7,5m.
- 12) *Phố Lê Hữu Kiều*: Từ ngõ 44 Lê Hoàn đến phố Ngô Quyền; chiều dài 260m; chiều rộng 7,5m.
- 13) *Phố Nguyễn Cẩn*: Từ đường Lê Hoàn đến đường Trần Phú; chiều dài 255m; chiều rộng 10,5m.
- 14) *Phố Trần Quốc Toàn*: Từ đường Trường Thi đến phố Nguyễn Du; chiều dài 365m; chiều rộng 10,5m.
- 15) *Phố Nguyễn Thái Bình*: Từ phố Trần Quốc Toàn đến phố Nguyễn Cẩn; chiều dài 185m; chiều rộng 7,5m.
- 16) *Phố Nguyễn Trinh Cơ*: Từ phố Trần Quốc Toàn đến phố Nguyễn Thái Bình; chiều dài 120m; chiều rộng 7,5m.
- 17) *Phố Trần Hữu Duyệt*: Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 420m; chiều rộng 10,5m.
- 18) *Phố Nguyễn Hữu Dật*: Từ đường Nguyễn Phúc Chu đến phố Nguyễn Văn Thân; chiều dài 450m; chiều rộng 7,5m.
- 19) *Phố Đặng Thi*: Từ đường Nguyễn Phúc Chu đến đường Trần Hưng Đạo; chiều dài 625m; chiều rộng 7,5m.
- 20) *Phố Nguyễn Đức Nhuận*: Từ phố Ngô Đức Mậu đến phố Nguyễn Văn Thân; chiều dài 360m; chiều rộng 7,5m.
- 21) *Phố Nguyễn Hữu Khiếu*: Từ đường Thành Thái đến đường Nguyễn Phúc Chu; chiều dài 450m; chiều rộng 7,5m.
- 22) *Phố Võ Nguyên Lượng*: Từ đường Nguyễn Phúc Chu đến phố Nguyễn Văn Thân; chiều dài 735m; chiều rộng 7,5m.
- 23) *Phố Ngô Đức Mậu*: Từ phố Trần Hữu Duyệt đến đường Nguyễn Hữu Dật; chiều dài 489m; chiều rộng 7,5m.
- 24) *Phố Thành Thái*: Từ đại lộ Hùng Vương đến Cầu Hạc, đường Bà Triệu; chiều dài 1.290m; chiều rộng 17,5m.
- 25) *Phố Nghiêm Quý Ngãi*: Từ phố Nguyễn Đức Nhuận đến đường Nguyễn Hữu Dật; chiều dài 274m; chiều rộng 7,5m.
- 26) *Phố Hồ Viết Thắng*: Từ phố Nguyễn Đức Nhuận đến đường Nguyễn

Hữu Dật; chiều dài 275m; chiều rộng 7,5m.

27) *Phố Nguyễn Văn Thân*: Từ phố Võ Nguyên Lượng đến phố Nam Sơn; chiều dài 421m; chiều rộng 7,5m.

28) *Phố Thiều Thốn*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến phố Hoàng Đạo Thành; chiều dài 550m; chiều rộng 10,5m.

29) *Phố Đào Tiêu*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Chu Văn Lương; chiều dài 650m; chiều rộng 10,5m.

30) *Phố Lê Phụ Trần*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Duy Tân; chiều dài 550m; chiều rộng 10,5m.

31) *Phố Nguyễn Văn Bích*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Duy Tân; chiều dài 760m; chiều rộng 10,5m.

32) *Phố Nguyễn Phúc Nguyên*: Từ đường Nguyễn Văn Thân đến đường Trần Khánh Dư; chiều dài 650m; chiều rộng 10,5m.

33) *Phố Nguyễn Phúc Lan*: Từ phố Thiều Thốn đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài 325m; chiều rộng 7,5m.

34) *Phố Nguyễn Phúc Khoát*: Từ phố Thiều Thốn đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài 326m; chiều rộng 7,5m.

35) *Phố Khương Công Phụ*: Từ đường Chu Văn Lương đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài 395m; chiều rộng 7,5m.

36) *Phố Hoàng Đạo Thành*: Từ đường Chu Văn Lương đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài 400m; chiều rộng 7,5m.

37) *Phố Trương Huy Dục*: Từ phố Nguyễn Văn Bích đến đường Duy Tân; chiều dài 470m; chiều rộng 7,5m.

38) *Phố Nguyễn Phúc Khê*: Từ phố Nguyễn Văn Bích đến phố Nguyễn Phúc Nguyên; chiều dài 220m; chiều rộng 7,5m.

39) *Phố Lê Ngọc*: Từ phố Nguyễn Văn Bích đến phố Nguyễn Phúc Nguyên; chiều dài 221m; chiều rộng 7,5m.

40) *Phố Hoàng Quốc Việt*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đường Đồng Lê; chiều dài 610m; chiều rộng 24m.

41) *Phố Ngô Thị Nhâm*: Từ đường Trịnh Tùng đến đường Ngô Văn Sở; chiều dài 700m; chiều rộng 7,5m.

42) *Phố Trịnh Tùng*: Từ đường Nguyễn Huy Tụ đến đường Lê Nhân Tông; chiều dài 898m; chiều rộng 10,5m.

43) *Phố Thôi Hữu*: Từ đường Lê Nhân Tông đến trường THCS Nguyễn Văn Trỗi (phường Ngọc Trạo); chiều dài 920m; chiều rộng 7,5m.

44) *Phố Trịnh Doanh*: Từ Sông Nhà Lê (phường Đông Vệ) đến đường Trịnh Khả; chiều dài 680m; chiều rộng 7,5m.

45) *Phố Trịnh Cương*: Từ Sông Nhà Lê (phường Đông Vệ) đến đường Trịnh Khả; chiều dài 610m; chiều rộng 7,5m.

46) *Phố Trịnh Căn*: Từ đường Lê Nhân Tông đến đường Âu Cơ; chiều dài 505m; chiều rộng 7,5m.

- 47) *Phố Trịnh Tạc*: Từ đường Lê Nhân Tông đến đường Âu Cơ; chiều dài 358m; chiều rộng 7,5m.
- 48) *Phố Trịnh Tráng*: Từ đường Lê Nhân Tông đến đường Âu Cơ; chiều dài 505m; chiều rộng 7,5m.
- 49) *Phố Lê Phụ*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Lương Đắc Bằng; chiều dài 281m; chiều rộng 7,5m.
- 50) *Phố Nguyễn Hữu Liêu*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Lương Đắc Bằng; chiều dài 282m; chiều rộng 7,5m.
- 51) *Phố Hoàng Đình Ái*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 670m; chiều rộng 10,5m.
- 52) *Phố Lê Ngân*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Lê Trang Tông; chiều dài 720m; chiều rộng 24m.
- 53) *Phố Lê Trang Tông*: Từ Cầu qua sông nhà Lê (phường Đông Vệ) đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 561m; chiều rộng 7,5m.
- 54) *Phố Nguyễn Đình Giản*: Từ phố Hoàng Đình Ái đến đường Âu Cơ; chiều dài 431m; chiều rộng 7,5m.
- 55) *Phố Bùi Bị*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến phố Nguyễn Đình Giản; chiều dài 460m; chiều rộng 10,5m.
- 56) *Phố Đinh Bô*: Từ đường Lê Dụ Tông đến đường Phạm Cuồng; chiều dài 520m; chiều rộng 7,5m.
- 57) *Phố Phạm Cuồng*: Từ đường Lê Dụ Tông đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 574m; chiều rộng 7,5m.
- 58) *Phố Lê Thiếu Dĩnh*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 450m; chiều rộng 7,5m.
- 59) *Phố Nguyễn Công Duẩn*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 451m; chiều rộng 7,5m.
- 60) *Phố Phạm Đốc*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 452m, rộng 7,5m.
- 61) *Phố Lê Lâm*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 453m; chiều rộng 7,5m.
- 62) *Phố Lê Duy Mật*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 449m; chiều rộng 7,5m.
- 63) *Phố Phạm Đức Kỳ*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 730m; chiều rộng 7,5m.
- 64) *Phố Lê Trung Giang*: Từ đường Trịnh Kiểm đến đường Quang Trung; chiều dài 707m; chiều rộng 7,5m.
- 65) *Phố Nguyễn Nhĩ Lãm*: Từ đường Âu Cơ đến phố Phạm Đức Kỳ; chiều dài 760m; chiều rộng 10,5m.
- 66) *Phố Phạm Công Trứ*: Từ phố Lê Trung Giang đến đường Quang Trung; chiều dài 667m; chiều rộng 7,5m.
- 67) *Phố Nguyễn Thị Anh*: Từ phố Lê Trung Giang đến đường Quang Trung;

chiều dài 667m; chiều rộng 7,5m.

68) *Phố Võ Quyết*: Từ đường Lê Phụng Hiểu đến đường Đào Tấn; chiều dài 130m; chiều rộng 7,5m.

69) *Phố Minh Hiệu*: Từ phố Võ Quyết đến phố Đào Duy Từ; chiều dài 110m; chiều rộng 7,5m.

70) *Phố Nguyễn Văn Huyền*: Từ đường Lê Phụng Hiểu đến đường Đào Tấn; chiều dài 130m; chiều rộng 7,5m.

71) *Phố Yên Trường*: Từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng); chiều dài 1000m; chiều rộng 7,0m.

72) *Phố Lê Huy Toán*: Từ đường Nguyễn Phục đến phía Đông Chợ Quảng Thắng; chiều dài 970m; chiều rộng 7,0m.

73) *Phố Lý Nam Đế*: Từ đường Hàm Nghi đến đại lộ Lê Lợi; chiều dài 1.430m, chiều rộng 20,5m

74) *Phố Phan Đình Phùng*: Từ đại lộ Hùng Vương đến đường Bùi Khắc Nhất; chiều dài 687m; chiều rộng 14m.

75) *Phố Tôn Thất Thuyết*: Từ đại lộ Hùng Vương đến đường Bùi Khắc Nhất; chiều dài 580m; chiều rộng 10,5m.

76) *Phố Hoàng Hoa Thám*: Từ đại lộ Hùng Vương đến phố Hà Văn Nho; chiều dài 580m; chiều rộng 39m.

77) *Phố Hà Văn Nho*: Từ đại lộ Hùng Vương đến phố Hoàng Hoa Thám; chiều dài 530m; chiều rộng 10,5m.

78) *Phố Đinh Chương Long*: Từ đại lộ Hùng Vương đến trường Tiểu học Đông Hương (phường Đông Hương); chiều dài 458m; chiều rộng 10,5m.

79) *Phố Mai Hắc Đế*: Từ phố Đinh Chương Long đến phố Phan Đình Phùng; chiều dài 516m; chiều rộng 14m.

80) *Phố Phùng Hưng*: Từ phố Đinh Chương Long đến phố Phan Đình Phùng; chiều dài 520m; chiều rộng 14m.

81) *Phố Nguyễn Xuân Thúy*: Từ đại lộ Hùng Vương đến phố Lý Nam Đế; chiều dài 400m; chiều rộng 14m.

82) *Phố Phạm Thị Ngọc Trân*: Từ ngõ 533 Hàm Nghi đến đại lộ Lê Lợi; chiều dài 810m; chiều rộng 14m.

83) *Phố Phạm Văn Xảo*: Từ đường Nguyễn Duy Hiệu đến đường Nguyễn Tĩnh; chiều dài 780m; chiều rộng 22,5m.

84) *Phố Trần Quang Huy*: Từ đường Trịnh Khả đến đường Quang Trung; chiều dài 200m; chiều rộng 13,0m.

85) *Phố Lê Bá Giác*: Từ đường Trịnh Khả đến đường Nguyễn Sơn; chiều dài 128m; chiều rộng 10,5m.

86) *Phố Phú Liên*: Từ đường Phú Vinh đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 325m; chiều rộng 5,0m.

87) *Phố Lê Chân*: Từ phố Thê Lữ đến phố Việt Bắc; chiều dài 148m; chiều rộng 10,5m.

- 88) *Phố Nguyễn Bình*: Từ phố Thề Lữ đến phố Việt Bắc; chiều dài 145m; chiều rộng 10,5m.
- 89) *Phố Nguyễn Xiển*: Từ phố Lê Chân đến đường Bà Triệu; chiều dài 135m; chiều rộng 10,5m.
- 90) *Phố Triệu Quang Phục*: Từ đường Ý Lan đến ngõ 141 Lý Nhân Tông; chiều dài 249m; chiều rộng 10,5m.
- 91) *Phố Nguyễn Bặc*: Từ đường Trần Xuân Soạn đến đường Đặng Tiến Đông; chiều dài 301m; chiều rộng 10,5m.
- 92) *Phố Tú Xương*: Từ đường Lý Nhân Tông đến đường Dương Đình Nghệ; chiều dài 170m; chiều rộng 10,5m.
- 93) *Phố Lê Văn An*: Từ đường Trần Xuân Soạn đến phố Phan Chu Trinh; chiều dài 652m; chiều rộng 10,5m.
- 94) *Phố Cù Chính Lan*: Từ đường Cao Bá Quát đến phố Quán Giò; chiều dài 330m; chiều rộng 10,5m.
- 95) *Phố Hải Triều*: Từ đường Đội Cung đến phố Nguyễn Thái Học; chiều dài 186m; chiều rộng 7,5m.
- 96) *Phố Hàn Mặc Tử*: Từ đường Đội Cung đến phố Nguyễn Thái Học; chiều dài 245m; chiều rộng 7,5m.
- 97) *Phố Nguyễn Khắc Viện*: Từ phố Nhà Thờ đến 757 Bà Triệu; chiều dài 175m; chiều rộng 7,5m.
- 98) *Phố Trần Oanh*: Từ đường Mai An Tiêm đến đường Lê Hoàn; chiều dài 289m; chiều rộng 10,5m.
- 99) *Phố Trần Đức*: Từ khu dân cư Hòa Bình (phường Trường Thi) đến phố Võ Thị Sáu; chiều dài 156m; chiều rộng 7,5m.
- 100) *Phố Võ Thị Sáu*: Từ phố Trần Đức đến phố Trần Oanh; chiều dài 87m; chiều rộng 7,5m.
- 101) *Phố Hồng Nguyên*: Từ đường Trường Thi đến phố Lò Chum; chiều dài 140m; chiều rộng 7,5m.
- 102) *Phố Trần Thị Nam*: Từ đường Trường Thi đến phố Lò Chum; chiều dài 216m; chiều rộng 7,5m.
- 103) *Phố Nguyễn Hiệu*: Từ đường Lê Lai đến đại lộ Lê Lợi; chiều dài 520m; chiều rộng 6,0m.
- 104) *Phố Xuân Diệu*: Từ phố Phan Chu Trinh đến phố Triệu Quốc Đạt; chiều dài 100m; chiều rộng 10,5m.
- 105) *Phố Phan Đình Giót*: Từ ngõ 03 Triệu Quốc Đạt đến khách sạn Thành Công; chiều dài 172m; chiều rộng 10,5m.
- 106) *Phố Trịnh Thị Ngọc Lữ*: Tuyến đường từ đường Mai An Tiêm đến ngõ 99 Lê Lợi; chiều dài 250m; chiều rộng 5,0m.
- 107) *Phố Đinh Liệt*: Từ đại lộ Lê Lợi đến phố Tống Duy Tân; chiều dài 450m; chiều rộng 10,5m.
- 108) *Phố Lê Khôi*: Từ đại lộ Lê Lợi đến đường Đinh Lễ; chiều dài 200m;

chiều rộng 10,5m.

109) *Phố Lê Tất Đắc*: Từ phố Ngô Sỹ Liên đến phố Phan Huy Ích; chiều dài 230m; chiều rộng 10,5m

110) *Phố Trần Huy Liệu*: Từ phố Ngô Sỹ Liên đến phố Phan Huy Ích; chiều dài 200m; chiều rộng 10,5m.

111) *Phố Nguyễn Xuân Khoát*: Từ phố Cửa Hữu đến đường Dương Đình Nghệ; chiều dài 135,0 m; chiều rộng 10,0m.

112) *Phố Tây Ga*: Từ phố Dốc Ga đến đường Phú Vinh; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.

113) *Phố Nguyễn Sơn*: Từ đường Lạc Long Quân đến đường Kiều Đại; chiều dài 850m; chiều rộng 10,5m.

114) *Phố Nhữ Bá Sĩ*: Từ đường Ngô Sỹ Liên đến đường Lê Tất Đắc; chiều dài 150m; chiều rộng 10,5m.

115) *Phố Thế Lữ*: Từ phố Lê Hồng Sơn đến đường Bà Triệu; chiều dài 300m; chiều rộng 10,5m.

116) *Phố Việt Bắc*: Từ phố Lê Hồng Sơn đến đường Bà Triệu; chiều dài 300m; chiều rộng 10,5m.

117) *Phố Lý Đạo Thành*: Từ đường Ý Lan đến ngõ 41 Lý Nhân Tông; chiều dài 210m; chiều rộng 10,5m.

118) *Phố Đào Đức Thông*: Từ phố Trần Oanh đến đường Lê Hoàn; chiều dài 253m; chiều rộng 10,5m.

119) *Phố Nguyễn Trinh Tiếp*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Hàn Thuyên; chiều dài 250m; chiều rộng 10,5m.

120) *Phố Lê Thế Long*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Hàn Thuyên; chiều dài 251m; chiều rộng 10,5m.

121) *Phố Hồ Nguyên Trừng*: Từ phố Trần Mai Ninh đến đường Lạc Long Quân; chiều dài 135m; chiều rộng 10,5m.

122) *Phố Trịnh Thị Ngọc Trúc*: Từ đường Quang Trung đến phố Ngọc Nữ; chiều dài 310m; chiều rộng 10,5m.

123) *Phố Ngọc Nữ*: Từ đường Quang Trung đến sông Bồ Vệ (phường Đông Vệ); chiều dài 320m; chiều rộng 10,5m.

124) *Phố Kim Đồng*: Từ Khu dân cư phường Đông Vệ đến đường Mật Sơn; chiều dài 320m; chiều rộng 10,5m.

125) *Phố Chùa Đại Bi*: Từ đường Mật Sơn đến sông Bồ Vệ (phường Đông Vệ); chiều dài 300m; chiều rộng 10,5m.

126) *Phố Lai Thành*: Từ Trung tâm Triển lãm – Hội chợ - Quảng cáo tỉnh đến đường Dã Tượng; chiều dài 795m; chiều rộng 10,5m.

127) *Phố Lê Môn*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đường Sơn Vạn; chiều dài 535m; chiều rộng 10,5m.

128) *Phố Nguyễn Thị Định*: Từ đường Đức Hậu đến địa phận phường Quảng Thành; chiều dài 784,24m; chiều rộng 10,5m.

- 129) *Phố Đồng Cổ*: Từ đường Long Quang đến đường đi vào cổng chính Thiền viện Trúc Lâm Hàm Rồng; chiều dài 714m; chiều rộng 10,5m.
- 130) *Phố Quyết Thắng*: Từ đường Bà Triệu đến Đền thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sĩ; chiều dài 430m; chiều rộng 5,5m.
- 131) *Phố Đông Khối*: Từ khu dân cư phố 01 (phường Đông Cương) đến đường Đại Khối; chiều dài 855m; chiều rộng 6,0m.
- 132) *Phố Hạc Oa*: Từ đường Đình Hương đến đường Phụng Hoàng; chiều dài 800m; chiều rộng 8,0m.
- 133) *Phố Đông Thổ*: Từ đường Đình Hương đến đường Hạc Oa; chiều dài 740m; chiều rộng 5,5m.
- 134) *Phố Chùa Tăng Phúc*: Từ đường Đình Hương đến đường Hạc Oa; chiều dài 280m; chiều rộng 5,0m.
- 135) *Phố Phú Thứ Đông*: Từ Ngõ 2 Phú Thứ đến Ngõ 6 Phú Thứ; chiều dài 180m; chiều rộng 7,5m.
- 136) *Phố Phú Thứ Tây*: Từ đường Phú Thứ đến ngõ 3 Phú Thứ; chiều dài 309m, chiều rộng 7,5m.
- 137) *Phố Tây Sơn*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Phú Chung; chiều dài 287m, chiều rộng 7,5m.
- 138) *Phố Phú Chung*: Từ đường Nguyễn Trãi đến mặt bằng quy hoạch Tân Thọ (phường Phú Sơn); chiều dài 400m, chiều rộng 7,5 m.
- 139) *Phố Phú Thượng*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Tây Sơn; chiều dài 270m, chiều rộng 7,5m.
- 140) *Phố Nguyễn Nhĩ Soạn*: Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Phú Thọ 3; chiều dài 393m, chiều rộng 9m.
- 141) *Phố Đặng Tiến Đông*: Từ đường Minh Không đến đường Tô Vĩnh Diện; chiều dài 838m, chiều rộng 7,5m.
- 142) *Phố Thọ Hạc*: Từ đường Bà Triệu đến đường Minh Không; chiều dài 812 m, chiều rộng 10,5m.
- 143) *Phố Trần Xuân Soạn*: Từ đường Bà Triệu đến đường Minh Không; chiều dài 768m, chiều rộng 14,5m.
- 144) *Phố Quán Giò*: Từ đường Đội Cung đến phố Chu Văn An; chiều dài 500m, chiều rộng 15,0m.
- 145) *Phố Từ Đạo Hạnh*: Từ đường Trần Xuân Soạn đến Quảng trường Lam Sơn; chiều dài 500m; chiều rộng 10,5m.
- 146) *Phố Lý Thái Tông*: Từ đường Lý Nhân Tông đến Ga Thanh Hóa; chiều dài 900m; chiều rộng 10,5m.
- 147) *Phố Minh Không*: Từ đường Nguyễn Bặc đến khách sạn Phù Đồng; chiều dài 850m, chiều rộng 10,5m.
- 148) *Phố Trần Đại Nghĩa*: Từ phố Nguyễn Thị Thập đến đường Thành Thái; chiều dài 350m; chiều rộng 10,5m.
- 149) *Phố Tôn Quang Phiệt*: Từ phố Nguyễn Thị Thập đến phố Trần Đại

Nghĩa; chiều dài 215m; chiều rộng 16,5m.

150) *Phố Hồ Đắc Di*: Từ đường Thành Thái đến đường Bà Triệu; chiều dài 413m; chiều rộng 13,5m.

151) *Phố Hoàng Xuân Viện*: Từ đường Thành Thái đến phố Trần Đại Nghĩa; chiều dài 240m, chiều rộng 13,0m.

152) *Phố Nguyễn Đức Thuận*: Từ đường Thành Thái đến phố Trần Đại Nghĩa; chiều dài 207m; chiều rộng 12,0m.

153) *Phố Nguyễn Thị Thập*: Từ đường Thành Thái đến đường Nguyễn Chí Thanh; chiều dài 303m; chiều rộng 12,0m.

154) *Phố Tô Hiệu*: Từ phố Cù Chính Lan đến đường Mai Xuân Dương; chiều dài 158m, chiều rộng 12,0m.

155) *Phố Lê Hồng Sơn*: Từ phố Cù Chính Lan đến đường Đội Cung; chiều dài 437m; chiều rộng 12,0m.

156) *Phố Lê Phụng Hiểu*: Từ đường Cẩm Bá Thước đến đường Trần Phú; chiều dài 460m; chiều rộng 8,0m.

157) *Phố Tân Nam*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến phố Tân Nam 10; chiều dài 350m, chiều rộng 11,0m.

158) *Phố Tân Nam 1*: Từ phố Tân Nam 2 đến phố Tân Nam 10; chiều dài 200m, chiều rộng 10,5m.

159) *Phố Tân Nam 2*: Từ phố Tân Nam đến phố Thiều Thốn; chiều dài 155m, chiều rộng 10,5m.

160) *Phố Tân Nam 3*: Từ ngõ Nam Thượng đến phố Tân Nam 10; chiều dài 145m, chiều rộng 10,5m.

161) *Phố Tân Nam 4*: Từ phố Tân Nam 10 đến phố Tân Nam 3; chiều dài 145m, chiều rộng 10,5m.

162) *Phố Tân Nam 5*: Từ ngõ Nam Đồng đến phố Tân Nam 10; chiều dài 135m, chiều rộng 10,5m.

163) *Phố Tân Nam 6*: Từ phố Tân Nam 5 đến phố Tân Nam 3; chiều dài 147m, chiều rộng 10,5m.

164) *Phố Tân Nam 8*: Từ phố Tân Nam 5 đến phố Tân Nam 3; chiều dài 146m, chiều rộng 10,5m.

165) *Phố Tân Nam 10*: Từ phố Tân Nam 5 đến đường Chu Văn Lương; chiều dài 310m, chiều rộng 7,5 m.

166) *Phố Chu Văn Lương*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Duy Tân; chiều dài 530m, chiều rộng 10,5 m.

167) *Phố Trần Thủ Độ*: Từ đường Đồng Lễ đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 655m, chiều rộng 10,5m.

168) *Phố An Biên*: Từ ngã tư đường An Biên đến đường Phù Lưu; chiều dài 640m, chiều rộng 10,5m.

169) *Phố Tiến Lực*: Từ đường Lý Nhân Tông đến đường Phú Thứ; chiều dài 960m; chiều rộng 10,5m.

170) *Phố Vạn Tiến*: Từ đường Lý Nhân Tông đến đường Phú Thứ; chiều dài 961m; chiều rộng 10,5m.

171) *Phố Quang Vinh*: Từ đường Đào Cam Mộc đến đường Phú Thứ; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.

172) *Phố Thành Công*: Từ đường Đào Cam Mộc đến đường Vạn Hạnh; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.

173) *Phố Thăng Lợi*: Từ đường Đô Dương đến đường Phú Thứ; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.

II. ĐẶT TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Đặt tên 4 công viên, vườn hoa và 12 cầu (Có trong Ngân hàng tên), cụ thể như sau:

1. *Vườn hoa Phan Chu Trinh*: Là công viên cộng cộng nằm tại Ngã tư Hạc Thành - Phan Chu Trinh; diện tích 2.400 m².

2. *Công viên Quảng Xá*: Là công viên cộng cộng tại khu đô thị Nam thành phố (phường Đông Vệ); diện tích 18.240 m².

3. *Công viên Bồ Vệ*: Là công viên cộng cộng tại khu đô thị Nam thành phố (phường Đông Vệ); diện tích 158.328 m².

4. *Công viên Tạnh Xá*: Là công viên cộng cộng nằm tại Khu tái định cư Đông Vệ 5 (phường Đông Vệ), diện tích 20.820 m².

5. *Cầu vượt đường Nguyễn Chí Thanh*: Là cầu vượt qua đường Nguyễn Chí Thanh (phường Đông Thọ).

6. *Cầu vượt đường Trần Hưng Đạo*: Là cầu vượt qua đường Trần Hưng Đạo (phường Nam Ngạn).

7. *Cầu vượt đường Lê Lai*: Là cầu vượt qua đường Lê Lai (phường Quảng Hưng).

8. *Cầu Bến Ngự*: Là cầu vượt qua sông Bến Ngự (phường Nam Ngạn), trên đại lộ Hùng Vương.

9. *Cầu Thống Nhất*: Là cầu vượt qua sông Thống Nhất (xã Quảng Phú), trên đại lộ Nam sông Mã.

10. *Cầu Định Hòa*: Là cầu vượt qua sông Hạc (phường Đông Cương), trên đường Lê Thành.

11. *Cầu Hợp Tiến*: Là cầu vượt qua sông Hạc (phường Đông Thọ), trên đường Lý Thiên Bảo.

12. *Cầu Thọ Hạc*: Là cầu vượt qua sông Hạc (phường Đông Cương), trên đường Vạn Lại - Yên Trường.

13. *Cầu Tạnh Xá 1*: Là cầu vượt qua sông Nhà Lê (phường Đông Vệ), nối đường Lạc Long Quân và đường Lê Thánh Tông.

14. *Cầu Tạnh Xá 2*: Là cầu vượt qua sông Nhà Lê (phường Đông Vệ), trên đường Âu Cơ.

15. *Cầu An Hoạch*: Là cầu vượt qua kênh Bắc (phường An Hoạch), trên phố Trần Bảo.

16. Cầu Đông Hương 2: Là cầu vượt qua sông Bến Ngự (phường Đông Hương) nối đường Hàm Nghi và đường Mai An Tiêm.

III. ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ

Đổi tên phố Lê Văn thành phố Phạm Văn (Có trong Ngân hàng tên).

- Phố Lê Văn được đặt tên tại Quyết định số 1187-QĐ/UBND ngày 24/9/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Lý do của việc đổi tên: Theo ý kiến của Hội khoa học Lịch sử Thanh Hóa thì lý lịch nhân vật Lê Văn chưa được ghi chép rõ ràng, chưa phải là nhân vật tiêu biểu của đất nước và của địa phương. Mặt khác, danh nhân Phạm Văn có nhiều công lao, công trạng lớn đối với đất nước, lý lịch danh nhân có trong Ngân hàng tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 28/12/2017. Vì vậy, Hội đồng tư vấn đặt tên thống nhất đề nghị đổi tên phố Lê Văn thành phố Phạm Văn như sau:

Phố Phạm Văn: Từ đường Tống Duy Tân đến đường Lạc Long Quân; chiều dài 900m; chiều rộng 10,5m.

IV. BỔ SUNG CÁC ĐỊA DANH VÀO NGÂN HÀNG TÊN ĐƯỜNG, PHỐ

Đề nghị bổ sung 09 tên địa danh vào Ngân hàng tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở cho việc đặt tên đường, phố. Bao gồm:

- 08 tên đường, phố đặt sai quy định, chưa có trong Ngân hàng tên nhưng đã được sử dụng ổn định trên thực tế: Thủ Phác, Đức Hậu, Nhân Phong, Hưng Thuận, Đồng Bái, Duy Tiều, Văn Thọ và Hưng Xá.

- 01 tên đường đặt mới: Vạn Lại - Yên Trường.

(Có tóm tắt lý lịch kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr.Tỉnh ủy, TTr.HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND thành phố Thanh Hóa;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

TÓM TẮT
LÝ LỊCH CÁC ĐỊA DANH ĐỀ NGHỊ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ
CHƯA CÓ TÊN TRONG NGÂN HÀNG TÊN CỦA TỈNH

TT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch
1	Vạn Lại - Yên Trường	Vạn Lại - Yên Trường là kinh đô kháng chiến của nhà Lê Trung Hưng. Năm 1546, sau khi giải phóng toàn bộ phần đất đai Thanh - Nghệ, Thái sư Trịnh Kiểm tìm đến sách Vạn Lại (cách Lam Kinh gần 7km về phía Đông, nay thuộc xã Xuân Châu - Thọ Xuân) để lập hành cung, sai đào hào, đắp lũy, xây dựng hành điện, mời vua Lê Trang Tông đến đóng tại đó. Năm 1553, cho rằng Vạn Lại gần Lam Kinh, địa thế chật hẹp, thấy xã Yên (An) Trường (nay thuộc xã Thọ Lập - Thọ Xuân) “bên tả có nhiều núi, bên hữu có sông to, cảnh tượng tươi đẹp”. Trịnh Kiểm cho dời hành điện đến đó, rước vua đến ở. Là kinh đô kháng chiến, Vạn Lại - Yên Trường được xây dựng, kiến thiết, thiết lập triều nghi: có chợ búa, trường thi, đàn Nam Giao. Yên Trường cách Vạn Lại gần 4km về phía Đông cũng được xây dựng, phố xá, trại lính, giải vũ, phủ dinh...tới vãn ngàn nóc nhà. Năm 1593 dẹp tan nhà Mạc vua về Thăng Long, Vạn Lại bị bỏ phế, nhưng cung phủ Yên Trường vẫn còn. Khi nội chiến Đàng Trong - Đàng Ngoài bùng nổ, các chúa Trịnh lại xây dựng phủ khổ ở Yên Trường - nơi chứa quân lương của nhà Lê Trịnh. Đây cũng là nơi các vua Lê thường về lánh nạn mỗi khi ngại vàng bị uy hiếp (nên gọi là nghi kinh). Cho đến khi Tây Sơn ra Bắc, Yên Trường bị đánh phá hết (Theo Lịch sử Thanh Hóa, tập 3 - NXB KHXH HN 2002).
2	Thủ Phác	Đường Thủ Phác được lấy tên từ làng Thủ Phác, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Làng Thủ Phác đã có từ khi mới hình thành và được nhân dân thường dùng. Đặt tên đường Thủ Phác là để các thế hệ sau này luôn nhớ về cuội nguồn.
3	Đức Hậu	Đường Đức Hậu được lấy tên từ làng Đức Hậu. Làng Đức Hậu đã có từ khi mới hình thành và được nhân dân thường dùng, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Đặt tên đường Đức Hậu là để các thế hệ sau này luôn nhớ về cuội nguồn.
4	Nhân Phong	Đường Nhân Phong được lấy tên từ làng Nhân Phong, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Làng Nhân phong đã có từ khi mới hình thành và được Nhân dân thường dùng. Đặt tên đường Nhân phong là để các thế hệ sau này luôn nhớ về cuội nguồn.
5	Hưng Thuận	Đường Hưng Thuận được lấy tên từ làng Hưng Thuận. Làng Hưng Thuận có từ khi mới hình thành, sau này làng đã đổi thành nhiều tên khác nhau, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Vì vậy, đặt tên đường Hưng Thuận là để gợi nên một làng cổ từ xưa để các thế hệ sau này luôn nhớ về cuội nguồn.
6	Đồng Bái	Đường Đồng Bái được lấy tên từ một xứ đồng đã trồng trọt rau màu và đã nuôi dưỡng các thế hệ con cháu ăn học thành tài, sau này cánh đồng này đã được nhân dân đầu tư xây dựng thành một khu dân cư, nay thuộc

TT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch
		phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Vì vậy, đặt tên đường Đồng Bái là muốn giữ tên cánh đồng này luôn trong tâm thức của các thế hệ sau này.
7	Duy Tiếu	Đường Duy Tiếu được lấy tên từ Làng Duy Tiếu. Làng Duy Tiếu từ khi mới hình thành là một làng lớn gồm làng Hưng Đồng, Làng Duy Hưng và nay là phố 6, phố 7 phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Vì vậy đặt tên đường Duy Tiếu là nguyện vọng của nhân dân của hai phố: Phố 6 và phố 7 để muốn giữ mối đoàn kết gắn chặt của hai phố. Đường Duy Tiếu được chạy qua địa bàn của hai phố.
8	Văn Thọ	Đường Văn Thọ được lấy tên của hai làng trước đây, sau này tách thành một phố đó là làng Văn Xá và Làng Hưng Thọ, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Tuyến đường này nay chạy giữa hai làng nhưng chung một phố. Đây là nguyện vọng của nhân dân của cả hai làng mà nay là một phố.
9	Hưng Xá	Đường Hưng Xá được lấy tên của hai làng trước đây, sau này tách thành một phố đó là làng Văn Xá và Làng Hưng Thọ. Tuyến đường này nay chạy qua làng Hưng Xá và Làng Hưng Thọ nhưng chung một phố, được gọi là phố 4, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Đây là nguyện vọng của nhân dân của cả hai làng.

Số: /NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng
trên địa bàn thành phố Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số 224/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 506/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đặt tên 256 đường, phố, công trình công cộng và đổi tên 01 phố trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, cụ thể như sau:

I. ĐẶT TÊN 256 ĐƯỜNG, PHỐ

- Đặt tên 04 đại lộ:

1. Đại lộ Lê Lợi: Từ Đại lộ Hùng Vương (ngã tư BigC) đến ngã ba Nhồi; chiều dài 5.720 m; chiều rộng 43m.

2. Đại lộ Nam Sông Mã: Từ cầu Hàm Rồng đến địa phận thành phố Sầm

Son; chiều dài 11.650m; chiều rộng 67m.

3. *Đại lộ Hùng Vương*: Từ đường Nguyễn Chí Thanh tại Km 320+254 (Quốc lộ 1A) đến đường Quang Trung (xã Quảng Thịnh) tại Km 330+274 (Quốc lộ 1A); chiều dài 10.020m; chiều rộng 76,0m.

4. *Đại lộ Nguyễn Hoàng*: Từ phía cầu Nguyệt Viên tại Km 324+406 (Quốc lộ 1A) đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.000m; chiều rộng 91,0m.

- **Đặt tên 79 đường:**

1. *Đường Võ Nguyên Giáp*: Từ đường Nguyễn Doãn Chấp đến đường Quang Trung; chiều dài 8.510m; chiều rộng 50m.

2. *Đường Nguyễn Duy Hiệu*: Từ đại lộ Lê Lợi đến đường Lê Lai; chiều dài 1.020m; chiều rộng 42m.

3. *Đường Tây Đô*: Từ đường Trường Xuân tại Km 06+020 (Đường vành đai phía Tây) đến đường Quang Trung tại Km 14+600 (Đường Vành đai phía Tây); chiều dài 8.580m; chiều rộng 76m.

4. *Đường Trịnh Kiểm*: Từ đường Lê Lai đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 8.040m; chiều rộng 34m.

5. *Đường Lạc Long Quân*: Từ đường Lê Lai đến đường Quang Trung; chiều dài 2.500m; chiều rộng 39m.

6. *Đường Nguyễn Thiếp*: Từ đường Quang Trung đến địa phận thị trấn Rừng Thông; chiều dài 5.220m; chiều rộng 39m.

7. *Đường Âu Cơ*: Từ Lạc Long Quân đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.500m; chiều rộng 39m.

8. *Đường Nguyễn Kim*: Từ địa phận xã Hoàng Quang tại Km 322+800 (Quốc lộ 1A) đến cầu Nguyệt Viên tại Km 324+406; chiều dài 1.606m; chiều rộng 36m.

9. *Đường Văn Tiến Dũng*: Từ địa phận xã Hoàng Lý tại Km 317+463 (Quốc lộ 1A) đến cầu Hoàng Long tại Km 320+763 (Quốc lộ 1A); chiều dài 3.300m; chiều rộng 36m.

10. *Đường Quang Trung*: Từ ngã ba Tịch Điền tại Km 325+710 (Quốc lộ 1A) đến hết địa phận xã Quảng Thịnh tại Km 331+200 (Quốc lộ 1A); chiều dài 5.490m; chiều rộng 36m.

11. *Đường An Dương Vương*: Từ địa phận xã Quảng Tâm tại Km 05+450 (Quốc lộ 47) đến đường Lê Lai tại Km 10+660 (Quốc lộ 47); chiều dài 5.210m; chiều rộng 42m.

12. *Đường Nguyễn Đình Thuần*: Từ Ngã ba Nhồi tại Km 20+900 (Quốc lộ 47) đến hết địa phận xã Đông Tân tại Km 23+730; chiều dài 2.830m; chiều rộng 20.5m.

13. *Đường Trường Xuân*: Từ đường Tây Đô (cổng chào thôn Tân Cộng, xã Đông Tân) tại Km 22+620 (Quốc lộ 47) đến giáp xã Đông Thịnh và xã Đông Xuân Km 23+800 (Quốc lộ 47); chiều dài 1.180m; chiều rộng 42m.

14. *Đường Trịnh Huy Quang*: Từ ngã ba Nhồi tại Km 76+600 (Quốc lộ 45) đến đường Nguyễn Hữu Cảnh tại Km 80+350 (Quốc lộ 47); chiều dài 3.750 m; chiều rộng 13m.

15. *Đường Nguyễn Hữu Cảnh*: Từ Cầu Voi tại Km 01+693 (Quốc lộ 45) đến địa phận xã Quảng Trạch (hết địa phận thành phố) tại Km 04+533(Quốc lộ 45); chiều dài 2.840m; chiều rộng 25m.

16. *Đường Hoàng Nghiêu*: Từ cuối địa phận phường Phú Sơn tại Km 73+150 (Quốc lộ 45) đến địa phận thị trấn Rừng Thông tại Km 71+880 (Quốc lộ 45); chiều dài 1.270m; chiều rộng 20m.

17. *Đường Nguyễn Đình Ngân*: Từ đường Văn Tiến Dũng tại Km 231+500 (Quốc lộ 10) đến cuối địa phận xã Hoàng Anh tại Km 229+550 (Quốc lộ 10); chiều dài 1.950m; chiều rộng 10,5m.

18. *Đường Dương Xá*: Từ đầu đường Đình Hương (phường Đông Cương) đến đê sông Mã (xã Thiệu Dương); chiều dài 1.200m; chiều rộng 10,5m.

19. *Đường Tư Phố*: Từ đường Dương Xá đến cuối địa phận xã Thiệu Vân; chiều dài 6.410m; chiều rộng 7,5m.

20. *Đường Nguyễn Doãn Cháp*: Từ đường An Dương Vương đến đường Võ Nguyên Giáp; chiều dài 2.000m; chiều rộng 10,5m.

21. *Đường Nguyễn Thị Lợi*: Từ phố Trần Bảo đến sông Nhà Lê (phường An Hoạch); chiều dài 2.040m; chiều rộng 10,5m.

22. *Đường Nguyễn Phúc Chu*: Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Trần Hưng Đạo; chiều dài 1.350m; chiều rộng 15m.

23. *Đường Dương Đình Nghệ*: Từ đường Bà Triệu đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 2.420m; chiều rộng 20m.

24. *Đường Lý Thiên Bảo*: Từ đường Bà Triệu đến đường Vạn Lại – Yên Trường; chiều dài 2.000m; chiều rộng 15m.

25. *Đường Lý Nhân Tông*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến phố Phan Chu Chinh; chiều dài 2.380m; chiều rộng 10,5m.

26. *Đường Đào Cam Mộc*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến đường Đô Dương; chiều dài 1.700m; chiều rộng 10,5m.

27. *Đường Đô Dương*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến phố Dốc Ga; chiều dài 1.950m; chiều rộng 10,5m.

28. *Đường Vạn Hạnh*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến phố Thăng Lợi; chiều dài 1.500m; chiều rộng 10,5m.

29. *Đường Trường Chinh*: Từ Khu đô thị Vinhomes đến đại lộ Nguyễn Hoàng; chiều dài 1.350m; chiều rộng 36m.

30. *Đường Tố Hữu*: Từ đại lộ Nguyễn Hoàng đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.900m; chiều rộng 36m.

31. *Đường Phạm Văn Đồng*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.100m; chiều rộng 36m.

32. *Đường Võ Chí Công*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.110m; chiều rộng 10,5m.
33. *Đường Lê Nhân Tông*: Từ đường Nguyễn Huy Tự đến đường Âu Cơ; chiều dài 1.030m; chiều rộng 10,5m.
34. *Đường Nguyễn Công Trứ*: Từ đường Lê Lai đến đường Âu Cơ; chiều dài 1.360m; chiều rộng 10,5m.
35. *Đường Lê Cảo*: Từ trường Đại học Hồng Đức (cơ sở 2) đến đường Âu Cơ; chiều dài 1.140m; chiều rộng 7,5m.
36. *Đường Lê Dụ Tông*: Từ đường Âu Cơ đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 1.730m; chiều rộng 10,5m.
37. *Đường Lê Hiến Tông*: Từ đường Âu Cơ đến đường Quang Trung; chiều dài 1.600m; chiều rộng 10,5m.
38. *Đường Ngô Thuyền*: Từ đường Nguyễn Phục đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 1.200m; chiều rộng 10,5m.
39. *Đường Nguyễn Chí Thanh*: Từ cầu Hoàng Long đến đường Bà Triệu; chiều dài 2.450m; chiều rộng 36,0m.
40. *Đường Lê Lai*: Từ đường Bạch Đằng đến Cầu Cốc; chiều dài 3.780m; chiều rộng 30,0m.
41. *Đường Hà Huy Tập*: Từ đường Vệ Yên đến đường Phù Lưu; chiều dài 1.250m; chiều rộng 10,5m.
42. *Đường Đỗ Huy Cư*: Từ đường Sơn Vạn đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.190m; chiều rộng 10,5m.
43. *Đường Bạch Đằng*: Từ đường Chương Dương (Cảng Lễ Môn) đến đường Lê Lai; chiều dài 1.750m; chiều rộng 13,0m.
44. *Đường Chương Dương*: Từ đường Bạch Đằng đến đường Sơn Vạn; chiều dài 1.200m; chiều rộng 13,0m.
45. *Đường Hàm Tử*: Từ đường Chương Dương đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.410m; chiều rộng 13,0m.
46. *Đường Ái Sơn*: Từ đường Hàm Nghi đến cầu Nguyệt Viên; chiều dài 1.760m; chiều rộng 10,5m.
47. *Đường Sơn Vạn*: Từ cầu Nguyệt Viên đến phố Lễ Môn; chiều dài 2.530m; chiều rộng 10,5m.
48. *Đường Đồng Lễ*: Từ nhà văn hóa Đồng Lễ (phường Đông Hải) đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.360m; chiều rộng 10,5m.
49. *Đường Trần Nhân Tông*: Từ đường Bạch Đằng đến đường Chương Dương; chiều dài 1.400m; chiều rộng 10,5m.
50. *Đường Lê Niệm*: Từ đường Hàm Tử đến đường Trần Nhân Tông; chiều dài 2.000m; chiều rộng 10,5m.
51. *Đường Nguyễn Phục*: Từ đường Quang Trung đến đường Phù Lưu; chiều dài 2.460m; chiều rộng 20,5m.

52. *Đường Vệ Đà*: Từ đường Quang Trung đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng); chiều dài 1.060m; chiều rộng 10,5m.
53. *Đường Vệ Yên*: Từ đường Vệ Đà đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng); chiều dài 1.670m; chiều rộng 10,5m.
54. *Đường Đỗ Đại*: Từ đường Nguyễn Phục đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 1.140m; chiều rộng 10,5m.
55. *Đường Lê Hưng*: Từ đường Nguyễn Phục đến đường Vệ Yên; chiều dài 1.730m; chiều rộng 10,5m.
56. *Đường Phù Lưu*: Từ sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng) đến cầu Voi (xã Quảng Thịnh); chiều dài 3.580m; chiều rộng 10,0m.
57. *Đường Yên Ngựa*: Từ đường Đức Thánh Cả đến đường Bà Triệu; chiều dài 1.150m; chiều rộng 10,5m.
58. *Đường Phượng Hoàng*: Từ đường Yên Ngựa đến đường Kim Quy; chiều dài 1.520m; chiều rộng 10,5m.
59. *Đường Tiên Sơn*: Từ đường Trịnh Thế Lợi đến động Tiên Sơn (phường Hàm Rồng); chiều dài 1.000m; chiều rộng 10,5m.
60. *Đường Định Hòa*: Từ đường Đình Hương đến sông Hạc (xã Đông Lĩnh); chiều dài 2.100m; chiều rộng 12,0m.
61. *Đường Lê Thành*: Từ đường Đại Khôi đến đường Vạn Lại – Yên Trường; chiều dài 1.170m; chiều rộng 10,5m.
62. *Đường Đại Khôi*: Từ đường Đình Hương đến hết làng Đại Khôi; chiều dài 2.300m; chiều rộng 6m.
63. *Đường Thanh Chương*: Từ đường Lê Lai đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thành); chiều dài 3.400m; chiều rộng 7,5 m.
64. *Đường Chi Lăng*: Từ đường Quang Trung đến đường Võ Nguyên Giáp; chiều dài 3.190m; chiều rộng 7,5 m.
65. *Đường Ngọc Mai*: Từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Bùi Sĩ Lâm; chiều dài 1.100m; chiều rộng 6,5m.
66. *Đường Vĩnh Yên*: Từ đường Trịnh Kiểm đến đường Võ Nguyên Giáp; chiều dài 1.800m; chiều rộng 6,5m.
67. *Đường Đồng Cuốn*: Từ đường Lê Lai đến đường Đồng Khoai; chiều dài 1.600m; chiều rộng 5m.
68. *Đường Đồng Khoai*: Từ đường Thanh Chương đến đường Ngọc Mai; chiều dài 1.450m; chiều rộng 5,5m.
69. *Đường Bùi Khắc Nhất*: Từ phố Tôn Thất Thuyết đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.050m; chiều rộng 42,0m.
70. *Đường Phú Thứ*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 2.200m; chiều rộng 7,5 m.
71. *Đường Vạn Lại – Yên Trường*: Từ đường Nguyễn Chí Thanh tại Km 0+00 (Đường vành đai phía Tây) đến đường Trường Xuân tại Km 06+020

(Đường vành đai phía Tây); chiều dài 6.020m; chiều rộng 76,0m.

72. *Đường Thủ Phác*: Từ đường Lê Lai đến đường Trần Bình Trọng; chiều dài 450m; chiều rộng 4,0m.

73. *Đường Đức Hậu*: Từ làng Đức Hậu (phường Quảng Hưng) đến làng Thủ Phác (phường Quảng Hưng); chiều dài 800m; chiều rộng 3,5m.

74. *Đường Nhân Phong*: Từ đường Dã Tượng đến làng Hưng Long (phường Quảng Hưng); chiều dài 700m; chiều rộng 4,0m.

75. *Đường Hưng Thuận*: Từ đường Chương Dương đến đại lộ Nam sông Mã; chiều dài 700m; chiều rộng 4,0m.

76. *Đường Đồng Bái*: Từ đường Hàm Tử đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 450m; chiều rộng 3,5m.

77. *Đường Duy Tiểu*: Từ đường Chương Dương đến địa phận xã Quảng Phú; chiều dài 1.200m; chiều rộng 5,0m.

78. *Đường Văn Thọ*: Từ đường Bạch Đằng đến làng Nhân Thọ (phường Quảng Hưng); chiều dài 1.100m; chiều rộng 5,0m.

79. *Đường Hưng Xá*: Từ đường Chương Dương đến đại lộ Nam sông Mã; chiều dài 1.000m; rộng 7,0m.

- Đặt tên 173 phố:

1. *Phố Đặng Việt Châu*: Từ đại lộ Lê Lợi đến đường Nguyễn Thị Lợi; chiều dài 850m; chiều rộng 36,0m.

2. *Phố Trần Bảo*: Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 850m; chiều rộng 34m.

3. *Phố Nguyễn Văn Huệ*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Lê Chủ; chiều dài 530m; chiều rộng 7,5m.

4. *Phố Lưu Đô*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 895m; chiều rộng 7,5m.

5. *Phố Đặng Văn Hỷ*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 540m; chiều rộng 7,5m.

6. *Phố Trịnh Ngọc Diệt*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 895m; chiều rộng 7,5m.

7. *Phố Nguyễn Văn Hồ*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 540m; chiều rộng 7,5m.

8. *Phố Ngô Đức*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 540m; chiều rộng 7,5m.

9. *Phố Bùi Đạt*: Từ đại lộ Lê Lợi đến ngõ Cao Sơn; chiều dài 630m; chiều rộng 10,5m.

10. *Phố Lê Chủ*: Từ phố Bùi Đạt đến trường THCS Đông Hưng (xã Đông Hưng); chiều dài 610m; chiều rộng 7,5m.

11. *Phố Nguyễn Đôn Tiết*: Từ đường Triệu Quốc Đạt đến phố Phan Chu Trinh; chiều dài 120m; chiều rộng 7,5m.

12. *Phố Lê Hữu Kiều*: Từ ngõ 44 Lê Hoàn đến phố Ngô Quyền; chiều dài 260m; chiều rộng 7,5m.
13. *Phố Nguyễn Cẩn*: Từ đường Lê Hoàn đến đường Trần Phú; chiều dài 255m; chiều rộng 10,5m.
14. *Phố Trần Quốc Toàn*: Từ đường Trường Thi đến phố Nguyễn Du; chiều dài 365m; chiều rộng 10,5m.
15. *Phố Nguyễn Thái Bình*: Từ phố Trần Quốc Toàn đến phố Nguyễn Cẩn; chiều dài 185m; chiều rộng 7,5m.
16. *Phố Nguyễn Trinh Cơ*: Từ phố Trần Quốc Toàn đến phố Nguyễn Thái Bình; chiều dài 120m; chiều rộng 7,5m.
17. *Phố Trần Hữu Duyệt*: Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 420m; chiều rộng 10,5m.
18. *Phố Nguyễn Hữu Dật*: Từ đường Nguyễn Phúc Chu đến phố Nguyễn Văn Thân; chiều dài 450m; chiều rộng 7,5m.
19. *Phố Đặng Thi*: Từ đường Nguyễn Phúc Chu đến đường Trần Hưng Đạo; chiều dài 625m; chiều rộng 7,5m.
20. *Phố Nguyễn Đức Nhuận*: Từ phố Ngô Đức Mậu đến phố Nguyễn Văn Thân; chiều dài 360m; chiều rộng 7,5m.
21. *Phố Nguyễn Hữu Khiếu*: Từ đường Thành Thái đến đường Nguyễn Phúc Chu; chiều dài 450m; chiều rộng 7,5m.
22. *Phố Võ Nguyên Lượng*: Từ đường Nguyễn Phúc Chu đến phố Nguyễn Văn Thân; chiều dài 735m; chiều rộng 7,5m.
23. *Phố Ngô Đức Mậu*: Từ phố Trần Hữu Duyệt đến đường Nguyễn Hữu Dật; chiều dài 489m; chiều rộng 7,5m.
24. *Phố Thành Thái*: Từ đại lộ Hùng Vương đến Cầu Hạc, đường Bà Triệu; chiều dài 1.290m; chiều rộng 17,5m.
25. *Phố Nghiêm Quý Ngãi*: Từ phố Nguyễn Đức Nhuận đến đường Nguyễn Hữu Dật; chiều dài 274m; chiều rộng 7,5m.
26. *Phố Hồ Viết Thắng*: Từ phố Nguyễn Đức Nhuận đến đường Nguyễn Hữu Dật; chiều dài 275m; chiều rộng 7,5m.
27. *Phố Nguyễn Văn Thân*: Từ phố Võ Nguyên Lượng đến phố Nam Sơn; chiều dài 421m; chiều rộng 7,5m.
28. *Phố Thiều Thôn*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến phố Hoàng Đạo Thành; chiều dài 550m; chiều rộng 10,5m.
29. *Phố Đào Tiêu*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Chu Văn Lương; chiều dài 650m; chiều rộng 10,5m.
30. *Phố Lê Phụ Trần*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Duy Tân; chiều dài 550m; chiều rộng 10,5m.
31. *Phố Nguyễn Văn Bích*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Duy Tân; chiều dài 760m; chiều rộng 10,5m.

32. *Phố Nguyễn Phúc Nguyên*: Từ đường Nguyễn Văn Thân đến đường Trần Khánh Dư; chiều dài 650m; chiều rộng 10,5m.

33. *Phố Nguyễn Phúc Lan*: Từ phố Thiều Thôn đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài 325m; chiều rộng 7,5m.

34. *Phố Nguyễn Phúc Khoát*: Từ phố Thiều Thôn đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài 326m; chiều rộng 7,5m.

35. *Phố Khương Công Phụ*: Từ đường Chu Văn Lương đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài 395m; chiều rộng 7,5m.

36. *Phố Hoàng Đạo Thành*: Từ đường Chu Văn Lương đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài 400m; chiều rộng 7,5m.

37. *Phố Trương Huy Dục*: Từ phố Nguyễn Văn Bích đến đường Duy Tân; chiều dài 470m; chiều rộng 7,5m.

38. *Phố Nguyễn Phúc Khê*: Từ phố Nguyễn Văn Bích đến phố Nguyễn Phúc Nguyên; chiều dài 220m; chiều rộng 7,5m.

39. *Phố Lê Ngọc*: Từ phố Nguyễn Văn Bích đến phố Nguyễn Phúc Nguyên; chiều dài 221m; chiều rộng 7,5m.

40. *Phố Hoàng Quốc Việt*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đường Đồng Lê; chiều dài 610m; chiều rộng 24m.

41. *Phố Ngô Thị Nhậm*: Từ đường Trịnh Tùng đến đường Ngô Văn Sở; chiều dài 700m; chiều rộng 7,5m.

42. *Phố Trịnh Tùng*: Từ đường Nguyễn Huy Tự đến đường Lê Nhân Tông; chiều dài 898m; chiều rộng 10,5m.

43. *Phố Thôi Hữu*: Từ đường Lê Nhân Tông đến trường THCS Nguyễn Văn Trỗi (phường Ngọc Trạo); chiều dài 920m; chiều rộng 7,5m.

44. *Phố Trịnh Doanh*: Từ Sông Nhà Lê (phường Đông Vệ) đến đường Trịnh Khả; chiều dài 680m; chiều rộng 7,5m.

45. *Phố Trịnh Cương*: Từ Sông Nhà Lê (phường Đông Vệ) đến đường Trịnh Khả; chiều dài 610m; chiều rộng 7,5m.

46. *Phố Trịnh Căn*: Từ đường Lê Nhân Tông đến đường Âu Cơ; chiều dài 505m; chiều rộng 7,5m.

47. *Phố Trịnh Tạc*: Từ đường Lê Nhân Tông đến đường Âu Cơ; chiều dài 358m; chiều rộng 7,5m.

48. *Phố Trịnh Tráng*: Từ đường Lê Nhân Tông đến đường Âu Cơ; chiều dài 505m; chiều rộng 7,5m.

49. *Phố Lê Phụ*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Lương Đắc Bằng; chiều dài 281m; chiều rộng 7,5m.

50. *Phố Nguyễn Hữu Liêu*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Lương Đắc Bằng; chiều dài 282m; chiều rộng 7,5m.

51. *Phố Hoàng Đình Ái*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 670m; chiều rộng 10,5m.

52. *Phố Lê Ngân*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Lê Trang Tông; chiều dài 720m; chiều rộng 24m.
53. *Phố Lê Trang Tông*: Từ Cầu qua sông nhà Lê (phường Đông Vệ) đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 561m; chiều rộng 7,5m.
54. *Phố Nguyễn Đình Giản*: Từ phố Hoàng Đình Ái đến đường Âu Cơ; chiều dài 431m; chiều rộng 7,5m.
55. *Phố Bùi Bị*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến phố Nguyễn Đình Giản; chiều dài 460m; chiều rộng 10,5m.
56. *Phố Đình Bô*: Từ đường Lê Dụ Tông đến đường Phạm Cuồng; chiều dài 520m; chiều rộng 7,5m.
57. *Phố Phạm Cuồng*: Từ đường Lê Dụ Tông đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 574m; chiều rộng 7,5m.
58. *Phố Lê Thiệu Dĩnh*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 450m; chiều rộng 7,5m.
59. *Phố Nguyễn Công Duẩn*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 451m; chiều rộng 7,5m.
60. *Phố Phạm Đốc*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 452m, rộng 7,5m.
61. *Phố Lê Lâm*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 453m; chiều rộng 7,5m.
62. *Phố Lê Duy Mật*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 449m; chiều rộng 7,5m.
63. *Phố Phạm Đức Kỳ*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 730m; chiều rộng 7,5m.
64. *Phố Lê Trung Giang*: Từ đường Trịnh Kiểm đến đường Quang Trung; chiều dài 707m; chiều rộng 7,5m.
65. *Phố Nguyễn Nhĩ Lãm*: Từ đường Âu Cơ đến phố Phạm Đức Kỳ; chiều dài 760m; chiều rộng 10,5m.
66. *Phố Phạm Công Trứ*: Từ phố Lê Trung Giang đến đường Quang Trung; chiều dài 667m; chiều rộng 7,5m.
67. *Phố Nguyễn Thị Anh*: Từ phố Lê Trung Giang đến đường Quang Trung; chiều dài 667m; chiều rộng 7,5m.
68. *Phố Võ Quyết*: Từ đường Lê Phụng Hiểu đến đường Đào Tấn; chiều dài 130m; chiều rộng 7,5m.
69. *Phố Minh Hiệu*: Từ phố Võ Quyết đến phố Đào Duy Từ; chiều dài 110m; chiều rộng 7,5m.
70. *Phố Nguyễn Văn Huyền*: Từ đường Lê Phụng Hiểu đến đường Đào Tấn; chiều dài 130m; chiều rộng 7,5m.
71. *Phố Yên Trường*: Từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng); chiều dài 1000m; chiều rộng 7,0m.

72. *Phố Lê Huy Toán*: Từ đường Nguyễn Phục đến phía Đông Chợ Quảng Thắng; chiều dài 970m; chiều rộng 7,0m.

73. *Phố Lý Nam Đế*: Từ đường Hàm Nghi đến đại lộ Lê Lợi; chiều dài 1.430m, chiều rộng 20,5m

74. *Phố Phan Đình Phùng*: Từ đại lộ Hùng Vương đến đường Bùi Khắc Nhất; chiều dài 687m; chiều rộng 14m.

75. *Phố Tôn Thất Thuyết*: Từ đại lộ Hùng Vương đến đường Bùi Khắc Nhất; chiều dài 580m; chiều rộng 10,5m.

76. *Phố Hoàng Hoa Thám*: Từ đại lộ Hùng Vương đến phố Hà Văn Nho; chiều dài 580m; chiều rộng 39m.

77. *Phố Hà Văn Nho*: Từ đại lộ Hùng Vương đến phố Hoàng Hoa Thám; chiều dài 530m; chiều rộng 10,5m.

78. *Phố Đinh Chương Long*: Từ đại lộ Hùng Vương đến trường Tiểu học Đông Hương (phường Đông Hương); chiều dài 458m; chiều rộng 10,5m.

79. *Phố Mai Hắc Đế*: Từ phố Đinh Chương Long đến phố Phan Đình Phùng; chiều dài 516m; chiều rộng 14m.

80. *Phố Phùng Hưng*: Từ phố Đinh Chương Long đến phố Phan Đình Phùng; chiều dài 520m; chiều rộng 14m.

81. *Phố Nguyễn Xuân Thúy*: Từ đại lộ Hùng Vương đến phố Lý Nam Đế; chiều dài 400m; chiều rộng 14m.

82. *Phố Phạm Thị Ngọc Trần*: Từ ngõ 533 Hàm Nghi đến đại lộ Lê Lợi; chiều dài 810m; chiều rộng 14m.

83. *Phố Phạm Văn Xảo*: Từ đường Nguyễn Duy Hiệu đến đường Nguyễn Tĩnh; chiều dài 780m; chiều rộng 22,5m.

84. *Phố Trần Quang Huy*: Từ đường Trịnh Khả đến đường Quang Trung; chiều dài 200m; chiều rộng 13,0m.

85. *Phố Lê Bá Giác*: Từ đường Trịnh Khả đến đường Nguyễn Sơn; chiều dài 128m; chiều rộng 10,5m.

86. *Phố Phú Liên*: Từ đường Phú Vinh đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 325m; chiều rộng 5,0m.

87. *Phố Lê Chân*: Từ phố Thế Lữ đến phố Việt Bắc; chiều dài 148m; chiều rộng 10,5m.

88. *Phố Nguyễn Bính*: Từ phố Thế Lữ đến phố Việt Bắc; chiều dài 145m; chiều rộng 10,5m.

89. *Phố Nguyễn Xiển*: Từ phố Lê Chân đến đường Bà Triệu; chiều dài 135m; chiều rộng 10,5m.

90. *Phố Triệu Quang Phục*: Từ đường Ý Lan đến ngõ 141 Lý Nhân Tông; chiều dài 249m; chiều rộng 10,5m.

91. *Phố Nguyễn Bặc*: Từ đường Trần Xuân Soạn đến đường Đặng Tiến Đông; chiều dài 301m; chiều rộng 10,5m.

92. *Phố Tú Xương*: Từ đường Lý Nhân Tông đến đường Dương Đình Nghệ; chiều dài 170m; chiều rộng 10,5m.
93. *Phố Lê Văn An*: Từ đường Trần Xuân Soạn đến phố Phan Chu Trinh; chiều dài 652m; chiều rộng 10,5m.
94. *Phố Cù Chính Lan*: Từ đường Cao Bá Quát đến phố Quán Giò; chiều dài 330m; chiều rộng 10,5m.
95. *Phố Hải Triều*: Từ đường Đội Cung đến phố Nguyễn Thái Học; chiều dài 186m; chiều rộng 7,5m.
96. *Phố Hàn Mặc Tử*: Từ đường Đội Cung đến phố Nguyễn Thái Học; chiều dài 245m; chiều rộng 7,5m.
97. *Phố Nguyễn Khắc Viện*: Từ phố Nhà Thờ đến 757 Bà Triệu; chiều dài 175m; chiều rộng 7,5m.
98. *Phố Trần Oanh*: Từ đường Mai An Tiêm đến đường Lê Hoàn; chiều dài 289m; chiều rộng 10,5m.
99. *Phố Trần Đức*: Từ khu dân cư Hòa Bình (phường Trường Thi) đến phố Võ Thị Sáu; chiều dài 156m; chiều rộng 7,5m.
100. *Phố Võ Thị Sáu*: Từ phố Trần Đức đến phố Trần Oanh; chiều dài 87m; chiều rộng 7,5m.
101. *Phố Hồng Nguyên*: Từ đường Trường Thi đến phố Lò Chum; chiều dài 140m; chiều rộng 7,5m.
102. *Phố Trần Thị Nam*: Từ đường Trường Thi đến phố Lò Chum; chiều dài 216m; chiều rộng 7,5m.
103. *Phố Nguyễn Hiệu*: Từ đường Lê Lai đến đại lộ Lê Lợi; chiều dài 520m; chiều rộng 6,0m.
104. *Phố Xuân Diệu*: Từ phố Phan Chu Trinh đến phố Triệu Quốc Đạt; chiều dài 100m; chiều rộng 10,5m.
105. *Phố Phan Đình Giót*: Từ ngõ 03 Triệu Quốc Đạt đến khách sạn Thành Công; chiều dài 172m; chiều rộng 10,5m.
106. *Phố Trịnh Thị Ngọc Lữ*: Tuyến đường từ đường Mai An Tiêm đến ngõ 99 Lê Lợi; chiều dài 250m; chiều rộng 5,0m.
107. *Phố Đinh Liệt*: Từ đại lộ Lê Lợi đến phố Tống Duy Tân; chiều dài 450m; chiều rộng 10,5m.
108. *Phố Lê Khôi*: Từ đại lộ Lê Lợi đến đường Đinh Lễ; chiều dài 200m; chiều rộng 10,5m.
109. *Phố Lê Tất Đắc*: Từ phố Ngô Sỹ Liên đến phố Phan Huy Ích; chiều dài 230m; chiều rộng 10,5m.
110. *Phố Trần Huy Liệu*: Từ phố Ngô Sỹ Liên đến phố Phan Huy Ích; chiều dài 200m; chiều rộng 10,5m.
111. *Phố Nguyễn Xuân Khoát*: Từ phố Cửa Hữu đến đường Dương Đình Nghệ; chiều dài 135,0 m; chiều rộng 10,0m.

112. *Phố Tây Ga*: Từ phố Dốc Ga đến đường Phú Vinh; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.

113. *Phố Nguyễn Sơn*: Từ đường Lạc Long Quân đến đường Kiều Đại; chiều dài 850m; chiều rộng 10,5m.

114. *Phố Nhữ Bá Sĩ*: Từ đường Ngô Sỹ Liên đến đường Lê Tất Đắc; chiều dài 150m; chiều rộng 10,5m.

115. *Phố Thế Lữ*: Từ phố Lê Hồng Sơn đến đường Bà Triệu; chiều dài 300m; chiều rộng 10,5m.

116. *Phố Việt Bắc*: Từ phố Lê Hồng Sơn đến đường Bà Triệu; chiều dài 300m; chiều rộng 10,5m.

117. *Phố Lý Đạo Thành*: Từ đường Ý Lan đến ngõ 41 Lý Nhân Tông; chiều dài 210m; chiều rộng 10,5m.

118. *Phố Đào Đức Thông*: Từ phố Trần Oanh đến đường Lê Hoàn; chiều dài 253m; chiều rộng 10,5m.

119. *Phố Nguyễn Trinh Tiếp*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Hàn Thuyên; chiều dài 250m; chiều rộng 10,5m.

120. *Phố Lê Thế Long*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Hàn Thuyên; chiều dài 251m; chiều rộng 10,5m.

121. *Phố Hồ Nguyên Trừng*: Từ phố Trần Mai Ninh đến đường Lạc Long Quân; chiều dài 135m; chiều rộng 10,5m.

122. *Phố Trịnh Thị Ngọc Trúc*: Từ đường Quang Trung đến phố Ngọc Nữ; chiều dài 310m; chiều rộng 10,5m.

123. *Phố Ngọc Nữ*: Từ đường Quang Trung đến sông Bồ Vệ (phường Đông Vệ); chiều dài 320m; chiều rộng 10,5m.

124. *Phố Kim Đồng*: Từ Khu dân cư phường Đông Vệ đến đường Mật Sơn; chiều dài 320m; chiều rộng 10,5m.

125. *Phố Chùa Đại Bi*: Từ đường Mật Sơn đến sông Bồ Vệ (phường Đông Vệ); chiều dài 300m; chiều rộng 10,5m.

126. *Phố Lai Thành*: Từ Trung tâm Triển lãm – Hội chợ - Quảng cáo tỉnh đến đường Dã Tượng; chiều dài 795m; chiều rộng 10,5m.

127. *Phố Lễ Môn*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đường Sơn Vạn; chiều dài 535m; chiều rộng 10,5m.

128. *Phố Nguyễn Thị Định*: Từ đường Đức Hậu đến địa phận phường Quảng Thành; chiều dài 784,24m; chiều rộng 10,5m.

129. *Phố Đồng Cổ*: Từ đường Long Quang đến đường đi vào cổng chính Thiền viện Trúc Lâm Hàm Rồng; chiều dài 714m; chiều rộng 10,5m.

130. *Phố Quyết Thắng*: Từ đường Bà Triệu đến Đền thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sĩ; chiều dài 430m; chiều rộng 5,5m.

131. *Phố Đông Khối*: Từ khu dân cư phố 01 (phường Đông Cương) đến đường Đại Khối; chiều dài 855m; chiều rộng 6,0m.

132. *Phố Hạc Oa*: Từ đường Đình Hương đến đường Phụng Hoàng; chiều dài 800m; chiều rộng 8,0m.
133. *Phố Đông Thổ*: Từ đường Đình Hương đến đường Hạc Oa; chiều dài 740m; chiều rộng 5,5m.
134. *Phố Chùa Tăng Phúc*: Từ đường Đình Hương đến đường Hạc Oa; chiều dài 280m; chiều rộng 5,0m.
135. *Phố Phú Thứ Đông*: Từ Ngõ 2 Phú Thứ đến Ngõ 6 Phú Thứ; chiều dài 180m; chiều rộng 7,5m.
136. *Phố Phú Thứ Tây*: Từ đường Phú Thứ đến ngõ 3 Phú Thứ; chiều dài 309m, chiều rộng 7,5m.
137. *Phố Tây Sơn*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Phú Chung; chiều dài 287m, chiều rộng 7,5m.
138. *Phố Phú Chung*: Từ đường Nguyễn Trãi đến mặt bằng quy hoạch Tân Thọ (phường Phú Sơn); chiều dài 400m, chiều rộng 7,5 m.
139. *Phố Phú Thượng*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Tây Sơn; chiều dài 270m, chiều rộng 7,5m.
140. *Phố Nguyễn Nhữ Soạn*: Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Phú Thọ 3; chiều dài 393m, chiều rộng 9m.
141. *Phố Đặng Tiến Đông*: Từ đường Minh Không đến đường Tô Vĩnh Diện; chiều dài 838m, chiều rộng 7,5m.
142. *Phố Thọ Hạc*: Từ đường Bà Triệu đến đường Minh Không; chiều dài 812 m, chiều rộng 10,5m.
143. *Phố Trần Xuân Soạn*: Từ đường Bà Triệu đến đường Minh Không; chiều dài 768m, chiều rộng 14,5m.
144. *Phố Quán Giò*: Từ đường Đội Cung đến phố Chu Văn An; chiều dài 500m, chiều rộng 15,0m.
145. *Phố Từ Đạo Hạnh*: Từ đường Trần Xuân Soạn đến Quảng trường Lam Sơn; chiều dài 500m; chiều rộng 10,5m.
146. *Phố Lý Thái Tông*: Từ đường Lý Nhân Tông đến Ga Thanh Hóa; chiều dài 900m; chiều rộng 10,5m.
147. *Phố Minh Không*: Từ đường Nguyễn Bặc đến khách sạn Phù Đồng; chiều dài 850m, chiều rộng 10,5m.
148. *Phố Trần Đại Nghĩa*: Từ phố Nguyễn Thị Thập đến đường Thành Thái; chiều dài 350m; chiều rộng 10,5m.
149. *Phố Tôn Quang Phiệt*: Từ phố Nguyễn Thị Thập đến phố Trần Đại Nghĩa; chiều dài 215m; chiều rộng 16,5m.
150. *Phố Hồ Đắc Di*: Từ đường Thành Thái đến đường Bà Triệu; chiều dài 413m; chiều rộng 13,5m.
151. *Phố Hoàng Xuân Viện*: Từ đường Thành Thái đến phố Trần Đại Nghĩa; chiều dài 240m, chiều rộng 13,0m.

152. *Phố Nguyễn Đức Thuận*: Từ đường Thành Thái đến phố Trần Đại Nghĩa; chiều dài 207m; chiều rộng 12,0m.

153. *Phố Nguyễn Thị Thập*: Từ đường Thành Thái đến đường Nguyễn Chí Thanh; chiều dài 303m; chiều rộng 12,0m.

154. *Phố Tô Hiệu*: Từ phố Cù Chính Lan đến đường Mai Xuân Dương; chiều dài 158m, chiều rộng 12,0m.

155. *Phố Lê Hồng Sơn*: Từ phố Cù Chính Lan đến đường Đội Cung; chiều dài 437m; chiều rộng 12,0m.

156. *Phố Lê Phụng Hiểu*: Từ đường Cẩm Bá Thước đến đường Trần Phú; chiều dài 460m; chiều rộng 8,0m.

157. *Phố Tân Nam*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến phố Tân Nam 10; chiều dài 350m, chiều rộng 11,0m.

158. *Phố Tân Nam 1*: Từ phố Tân Nam 2 đến phố Tân Nam 10; chiều dài 200m, chiều rộng 10,5m.

159. *Phố Tân Nam 2*: Từ phố Tân Nam đến phố Thiệu Thốn; chiều dài 155m, chiều rộng 10,5m.

160. *Phố Tân Nam 3*: Từ ngõ Nam Thượng đến phố Tân Nam 10; chiều dài 145m, chiều rộng 10,5m.

161. *Phố Tân Nam 4*: Từ phố Tân Nam 10 đến phố Tân Nam 3; chiều dài 145m, chiều rộng 10,5m.

162. *Phố Tân Nam 5*: Từ ngõ Nam Đồng đến phố Tân Nam 10; chiều dài 135m, chiều rộng 10,5m.

163. *Phố Tân Nam 6*: Từ phố Tân Nam 5 đến phố Tân Nam 3; chiều dài 147m, chiều rộng 10,5m.

164. *Phố Tân Nam 8*: Từ phố Tân Nam 5 đến phố Tân Nam 3; chiều dài 146m, chiều rộng 10,5m.

165. *Phố Tân Nam 10*: Từ phố Tân Nam 5 đến đường Chu Văn Lương; chiều dài 310m, chiều rộng 7,5 m.

166. *Phố Chu Văn Lương*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Duy Tân; chiều dài 530m, chiều rộng 10,5 m.

167. *Phố Trần Thủ Độ*: Từ đường Đồng Lễ đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 655m, chiều rộng 10,5m.

168. *Phố An Biên*: Từ ngã tư đường An Biên đến đường Phù Lưu; chiều dài 640m, chiều rộng 10,5m.

169. *Phố Tiến Lực*: Từ đường Lý Nhân Tông đến đường Phú Thứ; chiều dài 960m; chiều rộng 10,5m.

170. *Phố Vạn Tiến*: Từ đường Lý Nhân Tông đến đường Phú Thứ; chiều dài 961m; chiều rộng 10,5m.

171. *Phố Quang Vinh*: Từ đường Đào Cam Mộc đến đường Phú Thứ; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.

172. *Phố Thành Công*: Từ đường Đào Cam Mộc đến đường Vạn Hạnh; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.

173. *Phố Thắng Lợi*: Từ đường Đô Dương đến đường Phú Thứ; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.

II. ĐẶT TÊN 16 CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

1. *Vườn hoa Phan Chu Trinh*: Là công viên cộng cộng nằm tại Ngã tư Hạc Thành - Phan Chu Trinh; diện tích 2.400 m².

2. *Công viên Quảng Xá*: Là công viên cộng cộng tại khu đô thị Nam thành phố, phường Đông Vệ; diện tích 18.240 m².

3. *Công viên Bồ Vệ*: Là công viên cộng cộng tại khu đô thị Nam thành phố, phường Đông Vệ; diện tích 158.328 m².

4. *Công viên Tạnh Xá*: Là công viên cộng cộng nằm tại Khu tái định cư Đông Vệ 5, phường Đông Vệ, diện tích 20.820 m².

5. *Cầu vượt đường Nguyễn Chí Thanh*: Là cầu vượt qua đường Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ.

6. *Cầu vượt đường Trần Hưng Đạo*: Là cầu vượt qua đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Ngạn.

7. *Cầu vượt đường Lê Lai*: Là cầu vượt qua đường Lê Lai, phường Quảng Hưng.

8. *Cầu Bến Ngự*: Là cầu vượt qua sông Bến Ngự (phường Nam Ngạn), trên đại lộ Hùng Vương.

9. *Cầu Thống Nhất*: Là cầu vượt qua sông Thống Nhất (xã Quảng Phú), trên đường Nam sông Mã.

10. *Cầu Định Hòa*: Là cầu vượt qua sông Hạc (phường Đông Cương), trên đường Lê Thành.

11. *Cầu Hợp Tiến*: Là cầu vượt qua sông Hạc (phường Đông Thọ), trên đường Lý Thiên Bảo.

12. *Cầu Thọ Hạc*: Là cầu vượt qua sông Hạc (phường Đông Cương), trên đường Vạn Lại - Yên Trường.

13. *Cầu Tạnh Xá 1*: Là cầu vượt qua sông Nhà Lê (phường Đông Vệ), nối đường Lạc Long Quân và đường Lê Thánh Tông.

14. *Cầu Tạnh Xá 2*: Là cầu vượt qua sông Nhà Lê (phường Đông Vệ), trên đường Âu Cơ.

15. *Cầu An Hoạch*: Là cầu vượt qua kênh Bắc (phường An Hoạch), trên phố Trần Bảo.

16. *Cầu Đông Hương 2*: Là cầu vượt qua sông Bến Ngự (phường Đông Hương) nối đường Hàm Nghi và đường Mai An Tiêm.

III. ĐỔI TÊN PHỐ

- **Đổi tên phố Lê Văn thành phố Phạm Văn:**

Phố Phạm Văn: Từ đường Tống Duy Tân đến đường Lạc Long Quân; chiều dài 900m; chiều rộng 10,5m.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày tháng năm 2019 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực: HĐND, UBND thành phố Thanh Hóa;
- HĐND, UBND các xã, phường thuộc thành phố Thanh Hóa;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

**Dự thảo Nghị quyết về việc đặt tên, đổi tên đường, phố
và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 3218/SVHTTDL-NVVH ngày 19/9/2019 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thẩm định dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh; Nghị quyết đặt tên, đổi tên của HĐND tỉnh. Sau khi nghiên cứu dự thảo, căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Về thẩm quyền ban hành văn bản:

Tại Điều 16 Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ quy định: *"Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền quyết định đặt tên, đổi tên đường phố; công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa"*.

Căn cứ quy định trên thì Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa là phù hợp và đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung văn bản:

Dự thảo văn bản đã đặt tên cho 256 đường, phố và 16 công trình công cộng; đổi tên 01 phố trên địa bàn thành phố Thanh Hóa. Các tên này đã được Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh thống nhất tại Biên bản họp ngày 16/9/2019.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu Sở Tư pháp thấy có 09 tên đường: Vạn Lại - Yên Trường, Thủ Phác, Đức Hậu, Nhân Phong, Hưng Thuận, Đồng Bái, Duy Tiếu, Văn Thọ, Hưng Xá không có trong Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 20/12/2017. Việc lựa chọn các tên không có trong Ngân hàng tên để đặt cho các đường là chưa phù hợp với nguyên tắc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng quy định tại Điều 3 Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh. Do vậy, đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc bổ sung 09 tên đường vào Ngân hàng tên đã được HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 28/12/2017 trước khi HĐND tỉnh ban hành

Nghị quyết về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.

3. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản:

Dự thảo đã đảm bảo về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Kính chuyển Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, XDVB .

GIÁM ĐỐC



Bùi Đình Sơn

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình
công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 28/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Ngân hàng tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ kết luận tại các hội nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ nội dung tại hội nghị Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ngày 16/9/2019,

Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa trình Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch Thanh Hóa thẩm định Đề án đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa năm 2019 với nội dung như sau:

I. ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ: 256 tuyến.

Gồm: 04 đại lộ, 79 đường và 173 phố.

(Trong 256 đường, phố đề nghị đặt tên, có 247 tên của các danh nhân, các địa danh có trong Ngân hàng tên và 09 tên địa danh chưa có trong Ngân hàng tên)

1. Đặt tên 04 đại lộ (Có trong Ngân hàng tên)

1. *Đại lộ Lê Lợi:* Từ Đại lộ Hùng Vương (ngã tư BigC) đến ngã ba Nhồi; chiều dài 5.720 m; chiều rộng 43m.

2. *Đại lộ Nam Sông Mã:* Từ cầu Hàm Rồng đến địa phận thành phố Sầm Sơn; chiều dài 11.650m; chiều rộng 67m.

3. *Đại lộ Hùng Vương:* Từ đường Nguyễn Chí Thanh tại Km 320+254 (Quốc lộ 1A) đến đường Quang Trung (xã Quảng Thịnh) tại Km 330+274 (Quốc lộ 1A); chiều dài 10.020m; chiều rộng 76,0m.

4. *Đại lộ Nguyễn Hoàng:* Từ phía cầu Nguyệt Viên tại Km 324+406 (Quốc lộ 1A) đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.000m; chiều rộng 91,0m.

2. Đặt tên 79 đường

2.1. Đặt tên 70 đường (Có trong Ngân hàng tên của tỉnh)

1. *Đường Võ Nguyên Giáp*: Từ đường Nguyễn Doãn Chấp đến đường Quang Trung; chiều dài 8.510m; chiều rộng 50m.

2. *Đường Nguyễn Duy Hiệu*: Từ đại lộ Lê Lợi đến đường Lê Lai; chiều dài 1.020m; chiều rộng 42m.

3. *Đường Tây Đô*: Từ đường Trường Xuân tại Km 06+020 (Đường vành đai phía Tây) đến đường Quang Trung tại Km 14+600 (Đường Vành đai phía Tây); chiều dài 8.580m; chiều rộng 76m.

4. *Đường Trịnh Kiểm*: Từ đường Lê Lai đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 8.040m; chiều rộng 34m.

5. *Đường Lạc Long Quân*: Từ đường Lê Lai đến đường Quang Trung; chiều dài 2.500m; chiều rộng 39m.

6. *Đường Nguyễn Thiếp*: Từ đường Quang Trung đến địa phận thị trấn Rừng Thông; chiều dài 5.220m; chiều rộng 39m.

7. *Đường Âu Cơ*: Từ Lạc Long Quân đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.500m; chiều rộng 39m.

8. *Đường Nguyễn Kim*: Từ địa phận xã Hoàng Quang tại Km 322+800 (Quốc lộ 1A) đến cầu Nguyệt Viên tại Km 324+406; chiều dài 1.606m; chiều rộng 36m.

9. *Đường Văn Tiến Dũng*: Từ địa phận xã Hoàng Lý tại Km 317+463 (Quốc lộ 1A) đến cầu Hoàng Long tại Km 320+763 (Quốc lộ 1A); chiều dài 3.300m; chiều rộng 36m.

10. *Đường Quang Trung*: Từ ngã ba Tịch Điền tại Km 325+710 (Quốc lộ 1A) đến hết địa phận xã Quảng Thịnh tại Km 331+200 (Quốc lộ 1A); chiều dài 5.490m; chiều rộng 36m.

11. *Đường An Dương Vương*: Từ địa phận xã Quảng Tâm tại Km 05+450 (Quốc lộ 47) đến đường Lê Lai tại Km 10+660 (Quốc lộ 47); chiều dài 5.210m; chiều rộng 42m.

12. *Đường Nguyễn Đình Thuần*: Từ Ngã ba Nhồi tại Km 20+900 (Quốc lộ 47) đến hết địa phận xã Đông Tân tại Km 23+730; chiều dài 2.830m; chiều rộng 20.5m.

13. *Đường Trường Xuân*: Từ đường Tây Đô (cổng chào thôn Tân Cộng, xã Đông Tân) tại Km 22+620 (Quốc lộ 47) đến giáp xã Đông Thịnh và xã Đông Xuân Km 23+800 (Quốc lộ 47); chiều dài 1.180m; chiều rộng 42m.

14. *Đường Trịnh Huy Quang*: Từ ngã ba Nhồi tại Km 76+600 (Quốc lộ 45) đến đường Nguyễn Hữu Cảnh tại Km 80+350 (Quốc lộ 47); chiều dài 3.750 m; chiều rộng 13m.

15. *Đường Nguyễn Hữu Cảnh*: Từ Cầu Voi tại Km 01+693 (Quốc lộ 45) đến địa phận xã Quảng Trạch (hết địa phận thành phố) tại Km 04+533 (Quốc lộ 45); chiều dài 2.840m; chiều rộng 25m.

16. *Đường Hoàng Nghiêu*: Từ cuối địa phận phường Phú Sơn tại Km 73+150 (Quốc lộ 45) đến địa phận thị trấn Rừng Thông tại Km 71+880 (Quốc lộ 45); chiều dài 1.270m; chiều rộng 20m.

17. *Đường Nguyễn Đình Ngân*: Từ đường Văn Tiến Dũng tại Km 231+500 (Quốc lộ 10) đến cuối địa phận xã Hoàng Anh tại Km 229+550 (Quốc lộ 10); chiều dài 1.950m; chiều rộng 10,5m.

18. *Đường Dương Xá*: Từ đầu đường Đình Hương (phường Đông Cường) đến đê sông Mã (xã Thiệu Dương); chiều dài 1.200m; chiều rộng 10,5m.

19. *Đường Tư Phố*: Từ đường Dương Xá đến cuối địa phận xã Thiệu Văn; chiều dài 6.410m; chiều rộng 7,5m.

20. *Đường Nguyễn Doãn Cháp*: Từ đường An Dương Vương đến đường Võ Nguyên Giáp; chiều dài 2.000m; chiều rộng 10,5m.

21. *Đường Nguyễn Thị Lợi*: Từ phố Trần Bảo đến sông Nhà Lê (phường An Hoạch); chiều dài 2.040m; chiều rộng 10,5m.

22. *Đường Nguyễn Phúc Chu*: Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Trần Hưng Đạo; chiều dài 1.350m; chiều rộng 15m.

23. *Đường Dương Đình Nghệ*: Từ đường Bà Triệu đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 2.420m; chiều rộng 20m.

24. *Đường Lý Thiên Bảo*: Từ đường Bà Triệu đến đường Vạn Lại – Yên Trường; chiều dài 2.000m; chiều rộng 15m.

25. *Đường Lý Nhân Tông*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến phố Phan Chu Chinh; chiều dài 2.380m; chiều rộng 10,5m.

26. *Đường Đào Cam Mộc*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến đường Đô Dương; chiều dài 1.700m; chiều rộng 10,5m.

27. *Đường Đô Dương*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến phố Dốc Gà; chiều dài 1.950m; chiều rộng 10,5m.

28. *Đường Vạn Hạnh*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến phố Thắng Lợi; chiều dài 1.500m; chiều rộng 10,5m.

29. *Đường Trường Chinh*: Từ Khu đô thị Vinhomes đến đại lộ Nguyễn Hoàng; chiều dài 1.350m; chiều rộng 36m.

30. *Đường Tố Hữu*: Từ đại lộ Nguyễn Hoàng đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.900m; chiều rộng 36m.

31. *Đường Phạm Văn Đồng*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.100m; chiều rộng 36m.

32. *Đường Võ Chí Công*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.110m; chiều rộng 10,5m.

33. *Đường Lê Nhân Tông*: Từ đường Nguyễn Huy Tự đến đường Âu Cơ; chiều dài 1.030m; chiều rộng 10,5m.

34. *Đường Nguyễn Công Trứ*: Từ đường Lê Lai đến đường Âu Cơ; chiều dài 1.360m; chiều rộng 10,5m.

35. *Đường Lê Cảo*: Từ trường Đại học Hồng Đức (cơ sở 2) đến đường Âu Cơ; chiều dài 1.140m; chiều rộng 7,5m.
36. *Đường Lê Dụ Tông*: Từ đường Âu Cơ đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 1.730m; chiều rộng 10,5m.
37. *Đường Lê Hiến Tông*: Từ đường Âu Cơ đến đường Quang Trung; chiều dài 1.600m; chiều rộng 10,5m.
38. *Đường Ngô Thuyên*: Từ đường Nguyễn Phục đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 1.200m; chiều rộng 10,5m.
39. *Đường Nguyễn Chí Thanh*: Từ cầu Hoàng Long đến đường Bà Triệu; chiều dài 2.450m; chiều rộng 36,0m.
40. *Đường Lê Lai*: Từ đường Bạch Đằng đến Cầu Cốc; chiều dài 3.780m; chiều rộng 30,0m.
41. *Đường Hà Huy Tập*: Từ đường Vệ Yên đến đường Phù Lưu; chiều dài 1.250m; chiều rộng 10,5m.
42. *Đường Đỗ Huy Cư*: Từ đường Sơn Vạn đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.190m; chiều rộng 10,5m.
43. *Đường Bạch Đằng*: Từ đường Chương Dương (Cảng Lũ Môn) đến đường Lê Lai; chiều dài 1.750m; chiều rộng 13,0m.
44. *Đường Chương Dương*: Từ đường Bạch Đằng đến đường Sơn Vạn; chiều dài 1.200m; chiều rộng 13,0m.
45. *Đường Hàm Tử*: Từ đường Chương Dương đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.410m; chiều rộng 13,0m.
46. *Đường Ái Sơn*: Từ đường Hàm Nghi đến cầu Nguyệt Viên; chiều dài 1.760m; chiều rộng 10,5m.
47. *Đường Sơn Vạn*: Từ cầu Nguyệt Viên đến phố Lũ Môn; chiều dài 2.530m; chiều rộng 10,5m.
48. *Đường Đồng Lễ*: Từ nhà văn hóa Đồng Lễ (phường Đông Hải) đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.360m; chiều rộng 10,5m.
49. *Đường Trần Nhân Tông*: Từ đường Bạch Đằng đến đường Chương Dương; chiều dài 1.400m; chiều rộng 10,5m.
50. *Đường Lê Niệm*: Từ đường Hàm Tử đến đường Trần Nhân Tông; chiều dài 2.000m; chiều rộng 10,5m.
51. *Đường Nguyễn Phục*: Từ đường Quang Trung đến đường Phù Lưu; chiều dài 2.460m; chiều rộng 20,5m.
52. *Đường Vệ Đà*: Từ đường Quang Trung đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng); chiều dài 1.060m; chiều rộng 10,5m.
53. *Đường Vệ Yên*: Từ đường Vệ Đà đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng); chiều dài 1.670m; chiều rộng 10,5m.
54. *Đường Đỗ Đại*: Từ đường Nguyễn Phục đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 1.140m; chiều rộng 10,5m.

55. *Đường Lê Hưng*: Từ đường Nguyễn Phục đến đường Vệ Yên; chiều dài 1.730m; chiều rộng 10,5m.

56. *Đường Phù Lưu*: Từ sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng) đến cầu Voi (xã Quảng Thịnh); chiều dài 3.580m; chiều rộng 10,0m.

57. *Đường Yên Ngựa*: Từ đường Đức Thánh Cả đến đường Bà Triệu; chiều dài 1.150m; chiều rộng 10,5m.

58. *Đường Phương Hoàng*: Từ đường Yên Ngựa đến đường Kim Quy; chiều dài 1.520m; chiều rộng 10,5m.

59. *Đường Tiên Sơn*: Từ đường Trịnh Thế Lợi đến động Tiên Sơn (phường Hàm Rồng); chiều dài 1.000m; chiều rộng 10,5m.

60. *Đường Định Hòa*: Từ đường Đình Hương đến sông Hạc (xã Đông Lĩnh); chiều dài 2.100m; chiều rộng 12,0m.

61. *Đường Lê Thành*: Từ đường Đại Khôi đến đường Vạn Lại – Yên Trường; chiều dài 1.170m; chiều rộng 10,5m.

62. *Đường Đại Khôi*: Từ đường Đình Hương đến hết làng Đại Khôi; chiều dài 2.300m; chiều rộng 6m.

63. *Đường Thanh Chương*: Từ đường Lê Lai đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thành); chiều dài 3.400m; chiều rộng 7,5 m.

64. *Đường Chi Lăng*: Từ đường Quang Trung đến đường Võ Nguyên Giáp; chiều dài 3.190m; chiều rộng 7,5 m.

65. *Đường Ngọc Mai*: Từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Bùi Sĩ Lâm; chiều dài 1.100m; chiều rộng 6,5m.

66. *Đường Vĩnh Yên*: Từ đường Trịnh Kiểm đến đường Võ Nguyên Giáp; chiều dài 1.800m; chiều rộng 6,5m.

67. *Đường Đồng Cuốn*: Từ đường Lê Lai đến đường Đồng Khoai; chiều dài 1.600m; chiều rộng 5m.

68. *Đường Đồng Khoai*: Từ đường Thanh Chương đến đường Ngọc Mai; chiều dài 1.450m; chiều rộng 5,5m.

69. *Đường Bùi Khắc Nhất*: Từ phố Tôn Thất Thuyết đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.050m; chiều rộng 42,0m.

70. *Đường Phú Thứ*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 2.200m; chiều rộng 7,5 m.

2.2. Đặt tên 09 đường (chưa có trong Ngân hàng tên của tỉnh).

1. *Đường Vạn Lại – Yên Trường (chưa có trong Ngân hàng tên)*: Từ đường Nguyễn Chí Thanh tại Km 0+00 (Đường vành đai phía Tây) đến đường Trường Xuân tại Km 06+020 (Đường vành đai phía Tây); chiều dài 6.020m; chiều rộng 76,0m.

2. *Đường Thủ Phác*: Từ đường Lê Lai đến đường Trần Bình Trọng; chiều dài 450m; chiều rộng 4,0m.

3. *Đường Đức Hậu*: Từ làng Đức Hậu (phường Quảng Hưng) đến làng Thủ

Phác (phường Quảng Hưng); chiều dài 800m; chiều rộng 3,5m.

4. *Đường Nhân Phong*: Từ đường Dã Tượng đến làng Hưng Long (phường Quảng Hưng); chiều dài 700m; chiều rộng 4,0m.

5. *Đường Hưng Thuận*: Từ đường Chương Dương đến đại lộ Nam sông Mã; chiều dài 700m; chiều rộng 4,0m.

6. *Đường Đồng Bái*: Từ đường Hàm Tử đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 450m; chiều rộng 3,5m.

7. *Đường Duy Tiếu*: Từ đường Chương Dương đến địa phận xã Quảng Phú; chiều dài 1.200m; chiều rộng 5,0m.

8. *Đường Văn Thọ*: Từ đường Bạch Đằng đến làng Nhân Thọ (phường Quảng Hưng); chiều dài 1.100m; chiều rộng 5,0m.

9. *Đường Hưng Xá*: Từ đường Chương Dương đến đại lộ Nam sông Mã; chiều dài 1.000m; rộng 7,0m.

3. Đặt tên 173 phố (Có trong Ngân hàng tên)

1. *Phố Đặng Việt Châu*: Từ đại lộ Lê Lợi đến đường Nguyễn Thị Lợi; chiều dài 850m; chiều rộng 36,0m.

2. *Phố Trần Bảo*: Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 850m; chiều rộng 34m.

3. *Phố Nguyễn Văn Huệ*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Lê Chủ; chiều dài 530m; chiều rộng 7,5m.

4. *Phố Lưu Đô*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 895m; chiều rộng 7,5m.

5. *Phố Đặng Văn Hỷ*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 540m; chiều rộng 7,5m.

6. *Phố Trịnh Ngọc Diệt*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 895m; chiều rộng 7,5m.

7. *Phố Nguyễn Văn Hò*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 540m; chiều rộng 7,5m.

8. *Phố Ngô Đức*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 540m; chiều rộng 7,5m.

9. *Phố Bùi Đạt*: Từ đại lộ Lê Lợi đến ngõ Cao Sơn; chiều dài 630m; chiều rộng 10,5m.

10. *Phố Lê Chủ*: Từ phố Bùi Đạt đến trường THCS Đông Hưng (xã Đông Hưng); chiều dài 610m; chiều rộng 7,5m.

11. *Phố Nguyễn Đôn Tiết*: Từ đường Triệu Quốc Đạt đến phố Phan Chu Trinh; chiều dài 120m; chiều rộng 7,5m.

12. *Phố Lê Hữu Kiều*: Từ ngõ 44 Lê Hoàn đến phố Ngô Quyền; chiều dài 260m; chiều rộng 7,5m.

13. *Phố Nguyễn Cẩn*: Từ đường Lê Hoàn đến đường Trần Phú; chiều dài 255m; chiều rộng 10,5m.

14. *Phố Trần Quốc Toàn*: Từ đường Trường Thi đến phố Nguyễn Du; chiều dài 365m; chiều rộng 10,5m.
15. *Phố Nguyễn Thái Bình*: Từ phố Trần Quốc Toàn đến phố Nguyễn Cẩn; chiều dài 185m; chiều rộng 7,5m.
16. *Phố Nguyễn Trinh Cơ*: Từ phố Trần Quốc Toàn đến phố Nguyễn Thái Bình; chiều dài 120m; chiều rộng 7,5m.
17. *Phố Trần Hữu Duyệt*: Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 420m; chiều rộng 10,5m.
18. *Phố Nguyễn Hữu Dật*: Từ đường Nguyễn Phúc Chu đến phố Nguyễn Văn Thân; chiều dài 450m; chiều rộng 7,5m.
19. *Phố Đặng Thí*: Từ đường Nguyễn Phúc Chu đến đường Trần Hưng Đạo; chiều dài 625m; chiều rộng 7,5m.
20. *Phố Nguyễn Đức Nhuận*: Từ phố Ngô Đức Mậu đến phố Nguyễn Văn Thân; chiều dài 360m; chiều rộng 7,5m.
21. *Phố Nguyễn Hữu Khiếu*: Từ đường Thành Thái đến đường Nguyễn Phúc Chu; chiều dài 450m; chiều rộng 7,5m.
22. *Phố Võ Nguyên Lượng*: Từ đường Nguyễn Phúc Chu đến phố Nguyễn Văn Thân; chiều dài 735m; chiều rộng 7,5m.
23. *Phố Ngô Đức Mậu*: Từ phố Trần Hữu Duyệt đến đường Nguyễn Hữu Dật; chiều dài 489m; chiều rộng 7,5m.
24. *Phố Thành Thái*: Từ đại lộ Hùng Vương đến Cầu Hạc, đường Bà Triệu; chiều dài 1.290m; chiều rộng 17,5m.
25. *Phố Nghiêm Quý Ngãi*: Từ phố Nguyễn Đức Nhuận đến đường Nguyễn Hữu Dật; chiều dài 274m; chiều rộng 7,5m.
26. *Phố Hồ Viết Thắng*: Từ phố Nguyễn Đức Nhuận đến đường Nguyễn Hữu Dật; chiều dài 275m; chiều rộng 7,5m.
27. *Phố Nguyễn Văn Thân*: Từ phố Võ Nguyên Lượng đến phố Nam Sơn; chiều dài 421m; chiều rộng 7,5m.
28. *Phố Thiệu Thốn*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến phố Hoàng Đạo Thành; chiều dài 550m; chiều rộng 10,5m.
29. *Phố Đào Tiêu*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Chu Văn Lương; chiều dài 650m; chiều rộng 10,5m.
30. *Phố Lê Phụ Trần*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Duy Tân; chiều dài 550m; chiều rộng 10,5m.
31. *Phố Nguyễn Văn Bích*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Duy Tân; chiều dài 760m; chiều rộng 10,5m.
32. *Phố Nguyễn Phúc Nguyên*: Từ đường Nguyễn Văn Thân đến đường Trần Khánh Dư; chiều dài 650m; chiều rộng 10,5m.
33. *Phố Nguyễn Phúc Lan*: Từ phố Thiệu Thốn đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài 325m; chiều rộng 7,5m.

34. *Phố Nguyễn Phúc Khoát*: Từ phố Thiều Thôn đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài 326m; chiều rộng 7,5m.
35. *Phố Khương Công Phụ*: Từ đường Chu Văn Lương đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài 395m; chiều rộng 7,5m.
36. *Phố Hoàng Đạo Thành*: Từ đường Chu Văn Lương đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài 400m; chiều rộng 7,5m.
37. *Phố Trương Huy Dục*: Từ phố Nguyễn Văn Bích đến đường Duy Tân; chiều dài 470m; chiều rộng 7,5m.
38. *Phố Nguyễn Phúc Khê*: Từ phố Nguyễn Văn Bích đến phố Nguyễn Phúc Nguyên; chiều dài 220m; chiều rộng 7,5m.
39. *Phố Lê Ngọc*: Từ phố Nguyễn Văn Bích đến phố Nguyễn Phúc Nguyên; chiều dài 221m; chiều rộng 7,5m.
40. *Phố Hoàng Quốc Việt*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đường Đồng Lễ; chiều dài 610m; chiều rộng 24m.
41. *Phố Ngô Thị Nhậm*: Từ đường Trịnh Tùng đến đường Ngô Văn Sở; chiều dài 700m; chiều rộng 7,5m.
42. *Phố Trịnh Tùng*: Từ đường Nguyễn Huy Tụ đến đường Lê Nhân Tông; chiều dài 898m; chiều rộng 10,5m.
43. *Phố Thôi Hữu*: Từ đường Lê Nhân Tông đến trường THCS Nguyễn Văn Trỗi (phường Ngọc Trạo); chiều dài 920m; chiều rộng 7,5m.
44. *Phố Trịnh Doanh*: Từ Sông Nhà Lê (phường Đông Vệ) đến đường Trịnh Khả; chiều dài 680m; chiều rộng 7,5m.
45. *Phố Trịnh Cương*: Từ Sông Nhà Lê (phường Đông Vệ) đến đường Trịnh Khả; chiều dài 610m; chiều rộng 7,5m.
46. *Phố Trịnh Căn*: Từ đường Lê Nhân Tông đến đường Âu Cơ; chiều dài 505m; chiều rộng 7,5m.
47. *Phố Trịnh Tạc*: Từ đường Lê Nhân Tông đến đường Âu Cơ; chiều dài 358m; chiều rộng 7,5m.
48. *Phố Trịnh Tráng*: Từ đường Lê Nhân Tông đến đường Âu Cơ; chiều dài 505m; chiều rộng 7,5m.
49. *Phố Lê Phụ*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Lương Đắc Bằng; chiều dài 281m; chiều rộng 7,5m.
50. *Phố Nguyễn Hữu Liêu*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Lương Đắc Bằng; chiều dài 282m; chiều rộng 7,5m.
51. *Phố Hoàng Đình Ái*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 670m; chiều rộng 10,5m.
52. *Phố Lê Ngân*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Lê Trang Tông; chiều dài 720m; chiều rộng 24m.
53. *Phố Lê Trang Tông*: Từ Cầu qua sông nhà Lê (phường Đông Vệ) đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 561m; chiều rộng 7,5m.

54. *Phố Nguyễn Đình Giản*: Từ phố Hoàng Đình Ái đến đường Âu Cơ; chiều dài 431m; chiều rộng 7,5m.
55. *Phố Bùi Bị*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến phố Nguyễn Đình Giản; chiều dài 460m; chiều rộng 10,5m.
56. *Phố Đinh Bô*: Từ đường Lê Dụ Tông đến đường Phạm Cuồng; chiều dài 520m; chiều rộng 7,5m.
57. *Phố Phạm Cuồng*: Từ đường Lê Dụ Tông đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 574m; chiều rộng 7,5m.
58. *Phố Lê Thiếu Dĩnh*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 450m; chiều rộng 7,5m.
59. *Phố Nguyễn Công Duẩn*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 451m; chiều rộng 7,5m.
60. *Phố Phạm Đốc*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 452m, rộng 7,5m.
61. *Phố Lê Lâm*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 453m; chiều rộng 7,5m.
62. *Phố Lê Duy Mật*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 449m; chiều rộng 7,5m.
63. *Phố Phạm Đức Kỳ*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 730m; chiều rộng 7,5m.
64. *Phố Lê Trung Giang*: Từ đường Trịnh Kiểm đến đường Quang Trung; chiều dài 707m; chiều rộng 7,5m.
65. *Phố Nguyễn Nhữ Lãm*: Từ đường Âu Cơ đến phố Phạm Đức Kỳ; chiều dài 760m; chiều rộng 10,5m.
66. *Phố Phạm Công Trứ*: Từ phố Lê Trung Giang đến đường Quang Trung; chiều dài 667m; chiều rộng 7,5m.
67. *Phố Nguyễn Thị Anh*: Từ phố Lê Trung Giang đến đường Quang Trung; chiều dài 667m; chiều rộng 7,5m.
68. *Phố Võ Quyết*: Từ đường Lê Phụng Hiệu đến đường Đào Tấn; chiều dài 130m; chiều rộng 7,5m.
69. *Phố Minh Hiệu*: Từ phố Võ Quyết đến phố Đào Duy Từ; chiều dài 110m; chiều rộng 7,5m.
70. *Phố Nguyễn Văn Huyền*: Từ đường Lê Phụng Hiệu đến đường Đào Tấn; chiều dài 130m; chiều rộng 7,5m.
71. *Phố Yên Trường*: Từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng); chiều dài 1000m; chiều rộng 7,0m.
72. *Phố Lê Huy Toán*: Từ đường Nguyễn Phục đến phía Đông Chợ Quảng Thắng; chiều dài 970m; chiều rộng 7,0m.
73. *Phố Lý Nam Đế*: Từ đường Hàm Nghi đến đại lộ Lê Lợi; chiều dài 1.430m, chiều rộng 20,5m

74. *Phố Phan Đình Phùng*: Từ đại lộ Hùng Vương đến đường Bùi Khắc Nhất; chiều dài 687m; chiều rộng 14m.
75. *Phố Tôn Thất Thuyết*: Từ đại lộ Hùng Vương đến đường Bùi Khắc Nhất; chiều dài 580m; chiều rộng 10,5m.
76. *Phố Hoàng Hoa Thám*: Từ đại lộ Hùng Vương đến phố Hà Văn Nho; chiều dài 580m; chiều rộng 39m.
77. *Phố Hà Văn Nho*: Từ đại lộ Hùng Vương đến phố Hoàng Hoa Thám; chiều dài 530m; chiều rộng 10,5m.
78. *Phố Đinh Chương Long*: Từ đại lộ Hùng Vương đến trường Tiểu học Đông Hương (phường Đông Hương); chiều dài 458m; chiều rộng 10,5m.
79. *Phố Mai Hắc Đế*: Từ phố Đinh Chương Long đến phố Phan Đình Phùng; chiều dài 516m; chiều rộng 14m.
80. *Phố Phùng Hưng*: Từ phố Đinh Chương Long đến phố Phan Đình Phùng; chiều dài 520m; chiều rộng 14m.
81. *Phố Nguyễn Xuân Thúc*: Từ đại lộ Hùng Vương đến phố Lý Nam Đế; chiều dài 400m; chiều rộng 14m.
82. *Phố Phạm Thị Ngọc Trần*: Từ ngõ 533 Hàm Nghi đến đại lộ Lê Lợi; chiều dài 810m; chiều rộng 14m.
83. *Phố Phạm Văn Xảo*: Từ đường Nguyễn Duy Hiệu đến đường Nguyễn Tĩnh; chiều dài 780m; chiều rộng 22,5m.
84. *Phố Trần Quang Huy*: Từ đường Trịnh Khả đến đường Quang Trung; chiều dài 200m; chiều rộng 13,0m.
85. *Phố Lê Bá Giác*: Từ đường Trịnh Khả đến đường Nguyễn Sơn; chiều dài 128m; chiều rộng 10,5m.
86. *Phố Phú Liên*: Từ đường Phú Vinh đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 325m; chiều rộng 5,0m.
87. *Phố Lê Chân*: Từ phố Thế Lữ đến phố Việt Bắc; chiều dài 148m; chiều rộng 10,5m.
88. *Phố Nguyễn Bình*: Từ phố Thế Lữ đến phố Việt Bắc; chiều dài 145m; chiều rộng 10,5m.
89. *Phố Nguyễn Xiển*: Từ phố Lê Chân đến đường Bà Triệu; chiều dài 135m; chiều rộng 10,5m.
90. *Phố Triệu Quang Phục*: Từ đường Ý Lan đến ngõ 141 Lý Nhân Tông; chiều dài 249m; chiều rộng 10,5m.
91. *Phố Nguyễn Bặc*: Từ đường Trần Xuân Soạn đến đường Đặng Tiến Đông; chiều dài 301m; chiều rộng 10,5m.
92. *Phố Tú Xương*: Từ đường Lý Nhân Tông đến đường Dương Đình Nghệ; chiều dài 170m; chiều rộng 10,5m.
93. *Phố Lê Văn An*: Từ đường Trần Xuân Soạn đến phố Phan Chu Trinh; chiều dài 652m; chiều rộng 10,5m.

94. *Phố Cù Chính Lan*: Từ đường Cao Bá Quát đến phố Quán Giò; chiều dài 330m; chiều rộng 10,5m.
95. *Phố Hải Triều*: Từ đường Đội Cung đến phố Nguyễn Thái Học; chiều dài 186m; chiều rộng 7,5m.
96. *Phố Hàn Mặc Tử*: Từ đường Đội Cung đến phố Nguyễn Thái Học; chiều dài 245m; chiều rộng 7,5m.
97. *Phố Nguyễn Khắc Viện*: Từ phố Nhà Thờ đến 757 Bà Triệu; chiều dài 175m; chiều rộng 7,5m.
98. *Phố Trần Oanh*: Từ đường Mai An Tiêm đến đường Lê Hoàn; chiều dài 289m; chiều rộng 10,5m.
99. *Phố Trần Đức*: Từ khu dân cư Hòa Bình (phường Trường Thi) đến phố Võ Thị Sáu; chiều dài 156m; chiều rộng 7,5m.
100. *Phố Võ Thị Sáu*: Từ phố Trần Đức đến phố Trần Oanh; chiều dài 87m; chiều rộng 7,5m.
101. *Phố Hồng Nguyên*: Từ đường Trường Thi đến phố Lò Chum; chiều dài 140m; chiều rộng 7,5m.
102. *Phố Trần Thị Nam*: Từ đường Trường Thi đến phố Lò Chum; chiều dài 216m; chiều rộng 7,5m.
103. *Phố Nguyễn Hiệu*: Từ đường Lê Lai đến đại lộ Lê Lợi; chiều dài 520m; chiều rộng 6,0m.
104. *Phố Xuân Diệu*: Từ phố Phan Chu Trinh đến phố Triệu Quốc Đạt; chiều dài 100m; chiều rộng 10,5m.
105. *Phố Phan Đình Giót*: Từ ngõ 03 Triệu Quốc Đạt đến khách sạn Thành Công; chiều dài 172m; chiều rộng 10,5m.
106. *Phố Trịnh Thị Ngọc Lũ*: Tuyến đường từ đường Mai An Tiêm đến ngõ 99 Lê Lợi; chiều dài 250m; chiều rộng 5,0m.
107. *Phố Đinh Liệt*: Từ đại lộ Lê Lợi đến phố Tống Duy Tân; chiều dài 450m; chiều rộng 10,5m.
108. *Phố Lê Khôi*: Từ đại lộ Lê Lợi đến đường Đinh Lễ; chiều dài 200m; chiều rộng 10,5m.
109. *Phố Lê Tất Đắc*: Từ phố Ngô Sỹ Liên đến phố Phan Huy Ích; chiều dài 230m; chiều rộng 10,5m.
110. *Phố Trần Huy Liệu*: Từ phố Ngô Sỹ Liên đến phố Phan Huy Ích; chiều dài 200m; chiều rộng 10,5m.
111. *Phố Nguyễn Xuân Khoát*: Từ phố Cửa Hữu đến đường Dương Đình Nghệ; chiều dài 135,0 m; chiều rộng 10,0m.
112. *Phố Tây Ga*: Từ phố Dốc Ga đến đường Phú Vinh; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.
113. *Phố Nguyễn Sơn*: Từ đường Lạc Long Quân đến đường Kiều Đại; chiều dài 850m; chiều rộng 10,5m.

114. *Phố Nhữ Bá Sĩ*: Từ đường Ngô Sỹ Liên đến đường Lê Tất Đắc; chiều dài 150m; chiều rộng 10,5m.

115. *Phố Thế Lữ*: Từ phố Lê Hồng Sơn đến đường Bà Triệu; chiều dài 300m; chiều rộng 10,5m.

116. *Phố Việt Bắc*: Từ phố Lê Hồng Sơn đến đường Bà Triệu; chiều dài 300m; chiều rộng 10,5m.

117. *Phố Lý Đạo Thành*: Từ đường Ý Lan đến ngõ 41 Lý Nhân Tông; chiều dài 210m; chiều rộng 10,5m.

118. *Phố Đào Đức Thông*: Từ phố Trần Oanh đến đường Lê Hoàn; chiều dài 253m; chiều rộng 10,5m.

119. *Phố Nguyễn Trinh Tiếp*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Hàn Thuyên; chiều dài 250m; chiều rộng 10,5m.

120. *Phố Lê Thế Long*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Hàn Thuyên; chiều dài 251m; chiều rộng 10,5m.

121. *Phố Hồ Nguyên Trừng*: Từ phố Trần Mai Ninh đến đường Lạc Long Quân; chiều dài 135m; chiều rộng 10,5m.

122. *Phố Trịnh Thị Ngọc Trúc*: Từ đường Quang Trung đến phố Ngọc Nữ; chiều dài 310m; chiều rộng 10,5m.

123. *Phố Ngọc Nữ*: Từ đường Quang Trung đến sông Bồ Vệ (phường Đông Vệ); chiều dài 320m; chiều rộng 10,5m.

124. *Phố Kim Đồng*: Từ Khu dân cư phường Đông Vệ đến đường Mật Sơn; chiều dài 320m; chiều rộng 10,5m.

125. *Phố Chùa Đại Bi*: Từ đường Mật Sơn đến sông Bồ Vệ (phường Đông Vệ); chiều dài 300m; chiều rộng 10,5m.

126. *Phố Lai Thành*: Từ Trung tâm Triển lãm – Hội chợ - Quảng cáo tỉnh đến đường Dã Tượng; chiều dài 795m; chiều rộng 10,5m.

127. *Phố Lê Môn*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đường Sơn Vạn; chiều dài 535m; chiều rộng 10,5m.

128. *Phố Nguyễn Thị Định*: Từ đường Đức Hậu đến địa phận phường Quảng Thành; chiều dài 784,24m; chiều rộng 10,5m.

129. *Phố Đồng Cổ*: Từ đường Long Quang đến đường đi vào cổng chính Thiền viện Trúc Lâm Hàm Rồng; chiều dài 714m; chiều rộng 10,5m.

130. *Phố Quyết Thắng*: Từ đường Bà Triệu đến Đền thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sĩ; chiều dài 430m; chiều rộng 5,5m.

131. *Phố Đông Khối*: Từ khu dân cư phố 01 (phường Đông Cương) đến đường Đại Khối; chiều dài 855m; chiều rộng 6,0m.

132. *Phố Hạc Oa*: Từ đường Đình Hương đến đường Phụng Hoàng; chiều dài 800m; chiều rộng 8,0m.

133. *Phố Đông Thố*: Từ đường Đình Hương đến đường Hạc Oa; chiều dài 740m; chiều rộng 5,5m.

134. *Phố Chùa Tăng Phúc*: Từ đường Đình Hương đến đường Hạc Oa; chiều dài 280m; chiều rộng 5,0m.
135. *Phố Phú Thứ Đông*: Từ Ngõ 2 Phú Thứ đến Ngõ 6 Phú Thứ; chiều dài 180m; chiều rộng 7,5m.
136. *Phố Phú Thứ Tây*: Từ đường Phú Thứ đến ngõ 3 Phú Thứ; chiều dài 309m, chiều rộng 7,5m.
137. *Phố Tây Sơn*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Phú Chung; chiều dài 287m, chiều rộng 7,5m.
138. *Phố Phú Chung*: Từ đường Nguyễn Trãi đến mặt bằng quy hoạch Tân Thọ (phường Phú Sơn); chiều dài 400m, chiều rộng 7,5 m.
139. *Phố Phú Thượng*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Tây Sơn; chiều dài 270m, chiều rộng 7,5m.
140. *Phố Nguyễn Nhữ Soạn*: Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Phú Thọ 3; chiều dài 393m, chiều rộng 9m.
141. *Phố Đặng Tiến Đông*: Từ đường Minh Không đến đường Tô Vĩnh Diện; chiều dài 838m, chiều rộng 7,5m.
142. *Phố Thọ Hạc*: Từ đường Bà Triệu đến đường Minh Không; chiều dài 812 m, chiều rộng 10,5m.
143. *Phố Trần Xuân Soạn*: Từ đường Bà Triệu đến đường Minh Không; chiều dài 768m, chiều rộng 14,5m.
144. *Phố Quán Giò*: Từ đường Đội Cung đến phố Chu Văn An; chiều dài 500m, chiều rộng 15,0m.
145. *Phố Từ Đạo Hạnh*: Từ đường Trần Xuân Soạn đến Quảng trường Lam Sơn; chiều dài 500m; chiều rộng 10,5m.
146. *Phố Lý Thái Tông*: Từ đường Lý Nhân Tông đến Ga Thanh Hóa; chiều dài 900m; chiều rộng 10,5m.
147. *Phố Minh Không*: Từ đường Nguyễn Bặc đến khách sạn Phù Đồng; chiều dài 850m, chiều rộng 10,5m.
148. *Phố Trần Đại Nghĩa*: Từ phố Nguyễn Thị Thập đến đường Thành Thái; chiều dài 350m; chiều rộng 10,5m.
149. *Phố Tôn Quang Phiệt*: Từ phố Nguyễn Thị Thập đến phố Trần Đại Nghĩa; chiều dài 215m; chiều rộng 16,5m.
150. *Phố Hồ Đắc Di*: Từ đường Thành Thái đến đường Bà Triệu; chiều dài 413m; chiều rộng 13,5m.
151. *Phố Hoàng Xuân Viện*: Từ đường Thành Thái đến phố Trần Đại Nghĩa; chiều dài 240m, chiều rộng 13,0m.
152. *Phố Nguyễn Đức Thuận*: Từ đường Thành Thái đến phố Trần Đại Nghĩa; chiều dài 207m; chiều rộng 12,0m.
153. *Phố Nguyễn Thị Thập*: Từ đường Thành Thái đến đường Nguyễn Chí Thanh; chiều dài 303m; chiều rộng 12,0m.

154. *Phố Tô Hiệu*: Từ phố Cù Chính Lan đến đường Mai Xuân Dương; chiều dài 158m, chiều rộng 12,0m.
155. *Phố Lê Hồng Sơn*: Từ phố Cù Chính Lan đến đường Đội Cung; chiều dài 437m; chiều rộng 12,0m.
156. *Phố Lê Phụng Hiểu*: Từ đường Cẩm Bá Thước đến đường Trần Phú; chiều dài 460m; chiều rộng 8,0m.
157. *Phố Tân Nam*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến phố Tân Nam 10; chiều dài 350m, chiều rộng 11,0m.
158. *Phố Tân Nam 1*: Từ phố Tân Nam 2 đến phố Tân Nam 10; chiều dài 200m, chiều rộng 10,5m.
159. *Phố Tân Nam 2*: Từ phố Tân Nam đến phố Thiệu Thốn; chiều dài 155m, chiều rộng 10,5m.
160. *Phố Tân Nam 3*: Từ ngõ Nam Thượng đến phố Tân Nam 10; chiều dài 145m, chiều rộng 10,5m.
161. *Phố Tân Nam 4*: Từ phố Tân Nam 10 đến phố Tân Nam 3; chiều dài 145m, chiều rộng 10,5m.
162. *Phố Tân Nam 5*: Từ ngõ Nam Đồng đến phố Tân Nam 10; chiều dài 135m, chiều rộng 10,5m.
163. *Phố Tân Nam 6*: Từ phố Tân Nam 5 đến phố Tân Nam 3; chiều dài 147m, chiều rộng 10,5m.
164. *Phố Tân Nam 8*: Từ phố Tân Nam 5 đến phố Tân Nam 3; chiều dài 146m, chiều rộng 10,5m.
165. *Phố Tân Nam 10*: Từ phố Tân Nam 5 đến đường Chu Văn Lương; chiều dài 310m, chiều rộng 7,5 m.
166. *Phố Chu Văn Lương*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Duy Tân; chiều dài 530m, chiều rộng 10,5 m.
167. *Phố Trần Thủ Độ*: Từ đường Đồng Lễ đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 655m, chiều rộng 10,5m.
168. *Phố An Biên*: Từ ngã tư đường An Biên đến đường Phù Lưu; chiều dài 640m, chiều rộng 10,5m.
169. *Phố Tiến Lực*: Từ đường Lý Nhân Tông đến đường Phú Thứ; chiều dài 960m; chiều rộng 10,5m.
170. *Phố Vạn Tiến*: Từ đường Lý Nhân Tông đến đường Phú Thứ; chiều dài 961m; chiều rộng 10,5m.
171. *Phố Quang Vinh*: Từ đường Đào Cam Mộc đến đường Phú Thứ; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.
172. *Phố Thành Công*: Từ đường Đào Cam Mộc đến đường Vạn Hạnh; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.
173. *Phố Thắng Lợi*: Từ đường Đô Dương đến đường Phú Thứ; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.

II. ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ

Đổi tên phố Lê Văn thành phố Phạm Văn (*Có trong Ngân hàng tên*).

* Phố Lê Văn được đặt tên tại Quyết định số 1187-QĐ/UBTH ngày 24/9/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

* Lý do của việc đổi tên:

Theo ý kiến của Hội khoa học Lịch sử Thanh Hóa thì lý lịch tên Lê Văn chưa được ghi chép rõ ràng, chưa phải là nhân vật tiêu biểu của đất nước và của địa phương. Mặt khác, danh nhân Phạm Văn có nhiều công lao, công trạng lớn đối với đất nước, lý lịch danh nhân có trong Ngân hàng tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 28/12/2017.

Vì vậy, Hội đồng tư vấn đặt tên thống nhất đề nghị đổi tên phố Lê Văn thành phố Phạm Văn như sau:

Phố Phạm Văn: Từ đường Tống Duy Tân đến đường Lạc Long Quân; chiều dài 900m; chiều rộng 10,5m.

(Có lý lịch tên danh nhân Phạm Văn kèm theo).

III. ĐẶT TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (Có trong Ngân hàng tên)

Bao gồm 4 công viên, vườn hoa và 12 cầu như sau:

1. *Vườn hoa Phan Chu Trinh:* Là công viên cộng cộng nằm tại Ngã tư Hạc Thành - Phan Chu Trinh; diện tích 2.400 m².

2. *Công viên Quảng Xá:* Là công viên cộng cộng tại khu đô thị Nam thành phố (phường Đông Vệ); diện tích 18.240 m².

3. *Công viên Bồ Vệ:* Là công viên cộng cộng tại khu đô thị Nam thành phố (phường Đông Vệ); diện tích 158.328 m².

4. *Công viên Tạnh Xá:* Là công viên cộng cộng nằm tại Khu tái định cư Đông Vệ 5 (phường Đông Vệ), diện tích 20.820 m².

5. *Cầu vượt đường Nguyễn Chí Thanh:* Là cầu vượt qua đường Nguyễn Chí Thanh (phường Đông Thọ).

6. *Cầu vượt đường Trần Hưng Đạo:* Là cầu vượt qua đường Trần Hưng Đạo (phường Nam Ngạn).

7. *Cầu vượt đường Lê Lai:* Là cầu vượt qua đường Lê Lai (phường Quảng Hưng).

8. *Cầu Bến Ngự:* Là cầu vượt qua sông Bến Ngự (phường Nam Ngạn), trên đại lộ Hùng Vương.

9. *Cầu Thống Nhất:* Là cầu vượt qua sông Thống Nhất (xã Quảng Phú), trên đại lộ Nam sông Mã.

10. *Cầu Định Hòa:* Là cầu vượt qua sông Hạc (phường Đông Cương), trên đường Lê Thành.

11. *Cầu Hợp Tiến:* Là cầu vượt qua sông Hạc (phường Đông Thọ), trên đường Lý Thiên Bảo.

12. *Cầu Thọ Hạc*: Là cầu vượt qua sông Hạc (phường Đông Cương), trên đường Vạn Lại – Yên Trường.

13. *Cầu Tạnh Xá 1*: Là cầu vượt qua sông Nhà Lê (phường Đông Vệ), nối đường Lạc Long Quân và đường Lê Thánh Tông.

14. *Cầu Tạnh Xá 2*: Là cầu vượt qua sông Nhà Lê (phường Đông Vệ), trên đường Âu Cơ.

15. *Cầu An Hoạch*: Là cầu vượt qua kênh Bắc (phường An Hoạch), trên phố Trần Bảo.

16. *Cầu Đông Hương 2*: Là cầu vượt qua sông Bến Ngự (phường Đông Hương) nối đường Hàm Nghi và đường Mai An Tiêm.

IV. BỔ SUNG 09 TÊN VÀO NGÂN HÀNG TÊN ĐƯỜNG, PHỐ

Bổ sung 09 tên vào Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng làm cơ sở cho việc đặt tên đường, phố. Bao gồm:

- 08 tên đường, phố đặt sai quy định, chưa có trong Ngân hàng tên nhưng đã được sử dụng ổn định trên thực tế: Thủ Phác; Đức Hậu; Nhân Phong; Hưng Thuận; Đồng Bái; Duy Tiểu; Văn Thọ và Hưng Xá.

- 01 tên đường đặt mới: Vạn Lại – Yên Trường.

(Có tóm tắt lý lịch kèm theo)

Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch Thanh Hóa thẩm định Đề án để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT TP;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH



Lê Anh Xuân

PHỤ LỤC 1:

TÓM TẮT LÝ LỊCH TÊN PHẠM VẤN

(Kèm theo Tờ trình số: 939/TTr-UBND ngày 20/9/2019 của UBND thành phố Thanh Hóa)

1.	Phạm Vấn	Phạm Vấn (?- 1436), quê ở thôn Nguyễn Xá (nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, Đại tướng quân thời Lê sơ.	427 trang 109
----	-----------------	---	---------------

PHỤ LỤC 2:

TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁC ĐỊA DANH ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG VÀO NGÂN HÀNG TÊN

(Kèm theo Tờ trình số: 939/TTr-UBND ngày 20/9/2019 của UBND thành phố Thanh Hóa)

TT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch
1	Vạn Lại - Yên Trường	Vạn Lại – Yên Trường là kinh đô kháng chiến của nhà Lê Trung Hưng. Năm 1546, sau khi giải phóng toàn bộ phần đất đai Thanh – Nghệ, Thái sư Trịnh Kiểm tìm đến sách Vạn Lại (cách Lam Kinh gần 7km về phía Đông, nay thuộc xã Xuân Châu – Thọ Xuân) để lập hành cung, sai đào hào, đắp lũy, xây dựng hành điện, mời vua Lê Trang Tông đến đóng tại đó. Năm 1553, cho rằng Vạn Lại gần Lam Kinh, địa thế chật hẹp, thấy xã Yên (An) Trường (nay thuộc xã Thọ Lập – Thọ Xuân) “bên tả có nhiều núi, bên hữu có sông to, cảnh tượng tươi đẹp”. Trịnh Kiểm cho dời hành điện đến đó, rước vua đến ở. Là kinh đô kháng chiến, Vạn Lại – Yên Trường được xây dựng, kiến thiết, thiết lập triều nghi: có chợ búa, trường thi, đàn Nam Giao. Yên Trường cách Vạn Lại gần 4km về phía Đông cũng được xây dựng, phố xá, trại lính, giải vũ, phủ dinh...tới vòm ngàn nóc nhà. Năm 1593 dẹp tan nhà Mạc vua về Thăng Long, Vạn Lại bị bỏ phế, nhưng cung phủ Yên Trường vẫn còn. Khi nội chiến Đàng Trong – Đàng Ngoài bùng nổ, các chúa Trịnh lại xây dựng phủ khố ở Yên Trường – nơi chứa quân lương của nhà Lê Trịnh. Đây cũng là nơi các vua Lê thường về lánh nạn mỗi khi ngại vàng bị uy hiếp (nên gọi là nghi kinh). Cho đến khi Tây Sơn ra Bắc, Yên Trường bị đánh phá hết (Theo LSTH tập 3 – NXB KHXH HN 2002).
2	Thủ Phác	Đường Thủ Phác được lấy tên từ làng Thủ Phác, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Làng Thủ Phác đã có từ khi mới hình thành và được nhân dân thường dùng. Đặt tên đường Thủ Phác là để các thế hệ sau này luôn nhớ về cội nguồn.
3	Đức Hậu	Đường Đức Hậu được lấy tên từ làng Đức Hậu. Làng Đức Hậu đã có từ khi mới hình thành và được nhân dân thường dùng, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Đặt tên đường Đức Hậu là để các thế hệ sau này luôn nhớ về cội nguồn..
4	Nhân Phong	Đường Nhân Phong được lấy tên từ làng Nhân Phong, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Làng Nhân Phong đã có từ khi mới hình thành và được Nhân dân thường dùng. Đặt tên đường Nhân Phong là để các thế hệ sau này luôn nhớ về cội nguồn.
5	Hưng Thuận	Đường Hưng Thuận được lấy tên từ làng Hưng Thuận. Làng Hưng Thuận có từ khi mới hình thành, sau này làng đã đổi thành nhiều tên khác nhau, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Vì vậy, đặt tên đường Hưng Thuận là để gọi nên một làng cổ từ xưa để các thế hệ sau này luôn nhớ về cội nguồn.
6	Đồng Bái	Đường Đồng Bái được lấy tên từ một xứ đồng đã trồng trọt rau màu và đã nuôi dưỡng các thế hệ con cháu ăn học thành tài, sau này cánh đồng này đã được nhân dân đầu tư xây dựng thành một khu dân cư, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Vì vậy, đặt tên đường Đồng Bái là muốn giữ tên cánh đồng này luôn trong tâm thức của các thế hệ sau này.
7	Duy Tiểu	Đường Duy Tiểu được lấy tên từ Làng Duy Tiểu. Làng Duy Tiểu từ khi mới

TT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch
		hình thành là một làng lớn gồm làng Hưng Đồng, Làng Duy Hưng và nay là phố 6, phố 7 phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Vì vậy đặt tên đường Duy Tiểu là nguyện vọng của nhân dân của hai phố: Phố 6 và phố 7 để muốn giữ mối đoàn kết gắn chặt của hai phố. Đường Duy Tiểu được chạy qua địa bàn của hai phố.
8	Văn Thọ	Đường Văn Thọ được lấy tên của hai làng trước đây, sau này tách thành một phố đó là làng Văn Xá và Làng Hưng Thọ, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Tuyến đường này nay chạy giữa hai làng nhưng chung một phố. Đây là nguyện vọng của nhân dân của cả hai làng mà nay là một phố.
9	Hưng Xá	Đường Hưng Xá được lấy tên của hai làng trước đây, sau này tách thành một phố đó là làng Văn Xá và Làng Hưng Thọ. Tuyến đường này nay chạy qua làng Hưng Xá và Làng Hưng Thọ nhưng chung một phố, được gọi là phố 4, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Đây là nguyện vọng của nhân dân của cả hai làng.

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	
1	Sự cần thiết thành lập Đề án	1
2	Căn cứ pháp lý	1
PHẦN THỨ NHẤT	THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THANH HÓA	
I	Sơ lược lịch sử hình thành thành phố Thanh Hóa	2
II	Khái quát chung về hệ thống giao thông trên địa bàn thành phố	3
III	Thực trạng đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.	4
IV	Đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa được xây dựng theo quy hoạch đô thị, được sử dụng ổn định song chưa được đặt tên.	8
V	Những ưu điểm, hạn chế trong việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa	9
PHẦN THỨ HAI	NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	
I	Nguyên tắc	13
II	Mục tiêu, yêu cầu	14
PHẦN THỨ BA	ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	
I	Đề xuất phương án đặt tên đường, phố và công trình công cộng	15
1	Căn cứ phân nhóm	15
2	Đề xuất phương án đặt tên đường, phố trên địa bàn thành phố	16
3	Đề xuất phương án đặt tên công trình công cộng trên địa bàn thành phố	16
II	Đề xuất đổi tên đường, phố	16
III	Bổ sung vào ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng	16
PHẦN THỨ TƯ	TỔ CHỨC THỰC HIỆN	
1	Tổ chức thực hiện	18
2	Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan	18
3	Kinh phí thực hiện Đề án	20
PHẦN THỨ NĂM	KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	
1	Kết luận	21
2	Kiến nghị	21

PHẦN MỞ ĐẦU

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết thành lập Đề án

Thành phố Thanh Hóa là đô thị tỉnh lỵ tỉnh Thanh Hóa, trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh Thanh Hóa, là một trong những trung tâm kinh tế, dịch vụ, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao của vùng phía Nam Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Thành phố Thanh Hóa trải qua quá trình xây dựng và phát triển, địa giới hành chính được mở rộng, với tốc độ đô thị hóa cao, trong đó nhiều tuyến đường mới được xây dựng, hình thành, nhiều tuyến đường nhỏ được nâng cấp, mở rộng, thông tuyến; cùng với việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khang trang hơn, nhiều khu đô thị mới được hình thành phát triển với hệ thống giao thông đa dạng, phong phú. Do vậy, việc đặt tên, đổi tên các tuyến đường cần phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, phù hợp trong công tác quản lý và giao dịch hành chính xã hội. Trên địa bàn thành phố có khoảng 500 đường, phố vẫn chưa được đặt tên, hiện nay người dân vẫn gọi tên đường, phố theo thói quen hoặc theo các mặt bằng quy hoạch mà chưa được đặt tên một cách khoa học và cấp thẩm quyền cho phép, điều đó dẫn đến khó khăn trong việc kê khai hành chính, giao dịch, tìm kiếm địa chỉ của người dân.

Trong những năm qua, thành phố Thanh Hóa đã quan tâm triển khai công tác đặt tên, đổi tên các đường phố và công trình công cộng. Kể từ năm 1994 đến năm 2010 đã có 5 lần đặt tên đường, phố (lần 1 vào năm 1994; lần 2 vào năm 2000; lần 3 vào năm 2004; lần 4 vào năm 2008 và lần 5 vào năm 2010) với 523 tuyến đường, phố, ngõ. Trong đó, có 213 tuyến đường, phố và 6 ngõ đặt sai quy định, đặt tên tại các năm 2000, 2004, 2008, 2010 và 18 tên đường, phố không có trong Ngân hàng tên đường phố, công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 28/12/2017.

Vì vậy, việc lập Đề án Đặt tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa là hết sức cần thiết và cấp bách, phù hợp với sự phát triển của đô thị, đáp ứng với mong muốn của chính quyền các cấp và nguyện vọng của nhân dân.

II. Căn cứ pháp lý

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Nghị định số 37-CP, ngày 01/5/1994 của Chính phủ về việc thành lập thành phố Thanh Hóa thuộc tỉnh Thanh Hóa;
- Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 16/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;
- Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 29/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận thành phố Thanh Hóa là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thanh Hóa.
- Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

- Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hoá - Thông tin về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường; phố và công trình công cộng;

- Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 28/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Ngân hàng tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Công văn số 3768/SVHTTDL-NVVH ngày 10/12/2018 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.

- Công văn số 1479/SVHTTDL-NSVHGĐ ngày 06/5/2019 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hoàn thiện Đề án đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.

PHẦN THỨ NHẤT

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THANH HÓA

I. Sơ lược lịch sử hình thành thành phố Thanh Hóa

Thành phố Thanh Hóa hiện nay có diện tích tự nhiên 146,77 km² với 20 phường và 17 xã, dân số 435.298 người (2016). Thành phố là một trong những đô thị trực thuộc tỉnh có quy mô dân số, diện tích và có số đơn vị hành chính lớn nhất trong các đô thị trực thuộc tỉnh của Việt Nam.

- Năm 1804, vua Gia Long ra chỉ dụ dời trấn thành Thanh Hóa từ làng Dương Xá (xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa nay là xã Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa) về làng Thọ Hạc (huyện Đông Sơn), gọi là Hạc Thành;

- Ngày 22/7/1889, vua Thành Thái ký đạo dụ thành lập thị xã Thanh Hóa bao gồm 7 làng: Đức Thọ Vạn, Cẩm Bào Nội, Cốc Hạ, Phú Cốc (thuộc tổng Bồ Đức, huyện Đông Sơn); Thọ Hạc, Đông Phố, Nam Phố (thuộc tổng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn);

- Ngày 29/5/1929, người Pháp quyết định thành lập thành phố Thanh Hóa, là một thành phố cấp 3;

- Sau cách mạng tháng 8 thành công (1945), chuyển thành thị xã Thanh Hóa.

- Sau năm 1954, thị xã Thanh Hóa có 5 phường: Ba Đình, Điện Biên, Lam Sơn, Ngọc Trạo, Phú Sơn và 1 xã Đông Thọ;

- Ngày 16/3/1963, xã Đông Giang (gồm 3 làng Nghĩa Phương, Đông Sơn và Nam Ngạn) thuộc huyện Đông Sơn và xóm Núi xã Hoàng Long, huyện Hoàng Hóa sát nhập vào thị xã và chia thành 2 phường: Hàm Rồng và Nam Ngạn.

- Ngày 28/8/1971, 3 xã: Đông Vệ, Đông Hương, Đông Hải thuộc huyện Đông Sơn và xã Quảng Thắng thuộc huyện Quảng Xương sát nhập vào thị xã Thanh Hóa.

- Lần lượt năm 1991 và 1993, thị xã Thanh Hóa được xếp vào đô thị loại 4 và loại 3. Từ đó thị xã Thanh Hóa có 7 phường: Ba Đình, Điện Biên, Hàm Rồng, Lam

Son, Nam Ngạn, Ngọc Trạo, Phú Sơn và 5 xã: Đông Hải, Đông Hương, Đông Thọ, Đông Vệ, Quảng Thắng.

- Đề phát huy và nâng cao vai trò, vị thế của trung tâm tỉnh lỵ của một tỉnh thuộc hàng lớn nhất cả nước, ngày 1/5/1994, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị định số 37/CP nâng cấp thị xã Thanh Hóa lên thành phố Thanh Hóa với 15 phường, xã, tổng diện tích tự nhiên 57,8 km², dân số gần 20 vạn người. Ngày 28/6/1994, Chính phủ ra Nghị định số 55-CP thành lập một số phường thuộc thành phố Thanh Hóa, chuyển 2 xã Đông Thọ và Đông Vệ thành 2 phường có tên tương ứng; chia xã Đông Hải thành xã Đông Hải và phường Đông Sơn; chia phường Nam Ngạn thành 2 phường: Nam Ngạn và Trường Thi.

- Ngày 6/12/1995, Chính phủ ra Nghị định số 85-CP điều chỉnh địa giới để mở rộng thành phố Thanh Hóa, sáp nhập xã Đông Cương thuộc huyện Đông Sơn, các xã Quảng Thành, Quảng Hưng và một phần đất của xã Quảng Thịnh (sáp nhập vào phường Đông Vệ) thuộc huyện Quảng Xương vào thành phố, nâng tổng số phường xã lên 17 phường xã.

- Ngày 11/4 /2002, Chính phủ ra Nghị định 44/2002/NĐ-CP chia phường Phú Sơn thành 2 phường: Phú Sơn và Tân Sơn.

- Ngày 29/4/2004, thành phố Thanh Hóa được công nhận là đô thị loại II.

- Năm 2008, thành phố Thanh Hóa có diện tích 57,94 km², với 12 phường. Dân số năm 2009 là 207.698 người.

- Ngày 29/2/2012, Chính phủ ra Nghị quyết 05/NQ-CP điều chỉnh địa giới để mở rộng địa giới hành chính thành phố Thanh Hóa và thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa.

- Ngày 19/8/2013, theo Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ, quyết định thành lập các phường: Đông Cương, Đông Hương, Đông Hải, Quảng Hưng, Quảng Thành, Quảng Thắng thuộc thành phố Thanh Hóa trên cơ sở các xã tương ứng.

- Ngày 29/4/2014, thành phố Thanh Hóa được công nhận là đô thị loại I.

II. Khái quát chung về hệ thống giao thông trên địa bàn thành phố

1. Giao thông đối ngoại:

Trên địa bàn thành phố có các tuyến giao thông đối ngoại chính như:

- Quốc lộ 1A: đoạn qua thành phố dài khoảng 12km, đường tránh thành phố dài 9,9km đạt tiêu chuẩn đường cấp III; 4 làn xe, mặt BTN.

- Quốc lộ 45 từ thành phố Thanh Hóa đi Nông Cống; đạt tiêu chuẩn đường cấp III, IV; mặt láng nhựa và BTN.

- Quốc lộ 47 từ thành phố Thanh Hóa về phía Tây đi Thọ Xuân; Phía Đông đi thị xã Sầm Sơn. Đoạn Sầm Sơn - TP. Thanh Hoá (dài 15km) đạt đường đô thị, 4 làn xe; mặt đường bê tông nhựa.

- Quốc lộ 10 từ thành phố Thanh Hóa (phường Tào Xuyên đi Nga Sơn; đạt tiêu chuẩn đường cấp IV; mặt láng nhựa.

- Đường tỉnh 502: từ Đình Hương đến Thiệu Đô, dài 14,5km; đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, VI; mặt láng nhựa.

- Đường tỉnh 503: từ điểm giao với QL47 đến cảng Lễ Môn, dài 2km; đạt tiêu chuẩn đường cấp IV; mặt láng nhựa.

- Đường tỉnh 511: từ ngã ba Môi xã Quảng Tâm đến núi Chẹt, đạt cấp IV, III; mặt láng nhựa.

- Các tuyến đường giao thông đối ngoại khu vực nội thị gồm: tuyến Đại lộ Lê Lợi; Đại lộ Nam sông Mã; đường Voi Sầm Sơn; Đại lộ Đông Tây; Đường Dương Đình Nghệ...

2. Giao thông nội bộ:

Hệ thống đường giao thông khu vực nội thị chủ yếu cấu tạo dạng ô bàn cờ, theo hướng Bắc - Nam và Đông - Tây, được xây dựng tương đối hoàn chỉnh, các tuyến đường phố cũ đã được nâng cấp cải tạo, thảm bê tông nhựa, hầu hết có vỉa hè lát đá, lát gạch Block và có hệ thống chiếu sáng, tổng chiều dài các tuyến đường nội thị hơn 123km.

Các trục đường chính đô thị: Đại lộ Lê Lợi (có cầu vượt đường sắt phía Tây thành phố), đường Lê Hoàn, đường Phan Bội Châu - Hạc Thành, đường Phan Chu Trinh - Trường Thi - Trần Hưng Đạo, đường Dương Đình Nghệ, đường Minh Khai - Hàng Đồng - Triệu Quốc Đạt - Xuân Diệu - Phan Chu Trinh - Bà Triệu - Phương Hoàng. Các trục này có chiều rộng lòng đường từ (10,0-25,0)m; Chỉ giới đường đỏ từ (18,5 - 42,0)m; Vỉa hè lát đá, có hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh hoàn chỉnh, một số tuyến có giải phân cách giữa. Còn lại là các đường phân ô phố, chiều rộng đường từ (5,0 - 10,5)m chỉ giới đường đỏ từ (10,5-20,5)m.

3. Giao thông nông thôn:

Mạng đường giao thông nông thôn khu vực các xã ngoại thị gồm: các tuyến đường xã, đường thôn và có một số tuyến đường huyện, tổng chiều dài khoảng 312km. Phần lớn đường xã có kết cấu mặt đường BTXM hoặc đá dăm láng nhựa và đường cấp phối.

4. Giao thông đường sắt:

Đi qua khu vực thành phố có tuyến đường sắt Bắc - Nam dài 7,0km; Ga đường sắt Thanh Hóa là ga chính có diện tích 46.500m², năng lực thông qua khoảng 3000 lượt khách/ ngày đêm và 500 tấn hàng/ ngày đêm.

5. Giao thông đường thủy:

Thành phố có tuyến đường thủy sông Mã đi qua, phương tiện vận tải trên sông chủ yếu là sà lan, tàu trọng tải dưới 1000 tấn. Tại khu vực thành phố Thanh Hóa có cảng Lễ Môn diện tích 51.000m², khả năng tiếp nhận tàu 1000 tấn, công suất thông qua 300.000 tấn/ năm, cảng chủ yếu phục vụ KCN Lễ Môn.

III. Thực trạng đặt tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa

1. Thực trạng đường, phố trên địa bàn thành phố Thanh Hóa đã được đặt tên và đưa vào sử dụng

Tính đến thời điểm hiện nay, toàn thành phố Thanh Hóa có 523 tuyến đường, phố, ngõ đã được đặt tên gồm 426 tuyến đường phố; 96 ngõ; 01 ngách.

Trong đó:

- Trước năm 1994 có 53 đường, phố, những đường, phố.

- Đúng thẩm quyền: 218 đường, phố, ngõ đặt tại Quyết định số 1187/QĐ/UBND ngày 24/9/1994 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, có 55 đường, 105 phố, 58 ngõ.

- Chưa đúng thẩm quyền: 213 đường, phố.
- Hiện nay, còn lại khoảng gần 500 tuyến đường phố chưa được đặt tên.
- Trong số 38 ngõ và 01 ngách được đặt tên trong các năm 2004, 2008 và 2010 có 6 ngõ được đặt tên chưa đúng quy định gồm: Ngõ Lê Trọng Bích; Ngõ chùa Bạch Hạc; Ngõ Lê Công Khai; Ngõ Thủ Phác; Ngõ Đức Hậu và Ngõ Phú Thành.

* Trước khi có Quyết định số 1187-QĐ/UBTH ngày 24/9/1994 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có 53 đường, phố.

2. Việc đặt tên đường, phố trước Nghị định số 91/2005/NĐ-CP của Chính phủ

Trước khi Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ được ban hành, có 365 đường, phố và 63 ngõ được đặt tên.

Trong đó:

- 53 tuyến đường, phố đặt tên trước năm 1994 vẫn chưa xác định được.
- 160 tuyến đường, phố đặt tên đúng quy định.
- 152 đường phố chưa đúng quy định.
- 5 ngõ chưa đúng quy định.

Trên địa bàn thành phố có 02 Quyết định và 01 Nghị quyết đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng, gồm:

2.1. Quyết định số 1187-QĐ/UBTH ngày 24/9/1994 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê chuẩn việc điều chỉnh và đặt mới tên đường phố của thành phố Thanh Hóa:

Đặt tên 218 đường, phố, ngõ. Gồm có 55 đường, 105 phố, 58 ngõ.

(Các tuyến đường, phố đã đặt tên trước khi có Quyết định số 1187 QĐ/UBTH ngày 24/9/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa: 53)

2.2. Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 28/7/2000 của Hội đồng nhân dân thành phố Thanh Hóa về việc đặt tên bổ sung và điều chỉnh đường phố thành phố Thanh Hóa:

Đặt tên bổ sung 44 đường phố và kéo dài 02 tuyến đường do mở rộng địa giới hành chính. Trong đó, có 13 tuyến đường, phố chưa có trong Ngân hàng tên. Gồm:

1. Đường Lý Chính Thắng, từ Phố Dốc Ga đến cánh đồng (phường Phú Sơn).
2. Đường Nguyễn Văn Vinh, từ đường Bà Triệu (phía Nam chợ Cầu Hạc) đến cánh đồng (phường Đông Thọ).
3. Đường Bùi Viện từ phố Nhà Thờ đến Khu Dân cư mới (phường Trường Thi).
4. Đường Xiển Bột từ đường Phạm Bành đến đường Phan Bội Châu (phường Ba Đình).
5. Đường Thủ Phác từ đường Lê Lai đến làng Thủ Phác (phường Quảng Hưng).
6. Đường Đức Hậu từ đường Lê Lai đến làng Đức Hậu (phường Quảng Hưng).
7. Đường Nhân Phong từ đường Bạch Đằng đến làng Nhân Phong (phường Quảng Hưng).
8. Đường Hưng Thịnh từ đường Bạch Đằng đến làng Hưng Thịnh (phường Quảng Hưng).
9. Đường Bái Dô từ đường Bạch Đằng đến làng Bái Dô (phường Quảng Hưng).
10. Đường Duy Tiểu từ đường làng Nhân Phong đến làng Hưng Thịnh (phường Quảng Hưng).
11. Đường Nhân Thọ từ đường Bạch Đằng đến làng Nhân Thọ (phường Quảng Hưng).

12. Đường Văn Xá từ đường Bạch Đằng đến làng Văn Xá (phường Quảng Hưng).

13. Đường Vĩnh Đô từ đường Quang Trung đến KTT Cao đẳng Nông lâm (phường Quảng Thành).

2.3. Quyết định số 282/2004/QĐ-UB ngày 16/02/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án đặt tên đường phố mới tại thành phố Thanh Hóa:

Đặt tên 113 đường, phố, ngõ. Trong đó có 02 đại lộ, 59 đường, 47 phố, 05 ngõ được đặt tên.

* Trong số 108 tên đường, phố có 104 tên đường phố đã có trong Ngân hàng tên; 4 tên đường, phố chưa có trong Ngân hàng tên, gồm:

1. Đường Tân Hà, từ đường Hàm Nghi đến thôn Tân Hà (phường Đông Hương).
2. Phố Nguyễn Đình Lưu, đường Đông Hương 5 theo QH (phường Đông Hương).
3. Phố Vũ Đức Ân, đường Đông Hương 4 theo QH (phường Đông Hương).
4. Phố Nguyễn Sinh Thiên, từ đường Hàm Nghi đến đường Hùng Vương (phường Đông Hương).

* Có 05 ngõ được đặt sai quy định gồm: Ngõ Lê Trọng Bích; Ngõ chùa Bạch Hạc; Ngõ Lê Công Khai; Ngõ Thủ Phác và Ngõ Đức Hậu.

* Ngoài ra, có 02 tên đường phố được đặt tên nhưng nhân dân có ý kiến đề nghị điều chỉnh là:

1. Phố Tào Mạt, từ phố Nguyễn Gia Thiều đến phố Cửa Hữu (ngõ 5, 6 Lê Văn Hưu thông nhau, phường Tân Sơn).

2. Phố Tú Mỡ, từ Hồ Thành đến phố Cửa Hữu (ngõ 1 Lê Văn Hưu nối ngõ 41 Cửa Hữu, phường Tân Sơn)

3. Việc đặt tên đường, phố và công trình công cộng sau khi Nghị định số 91/2005/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực

Sau khi Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ được ban hành, có 61 đường, phố, 33 ngõ và 01 ngách.

Trong đó: 61 đường, phố và 01 ngõ đặt tên chưa đúng quy định.

Trên địa bàn thành phố có 02 Quyết định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng, gồm:

3.1. Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 16/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án đặt tên bổ sung đường, phố mới năm 2008 trên địa bàn thành phố Thanh Hóa:

Đặt tên 94 đường, phố, ngõ (gồm 49 đường, 33 ngõ; 01 ngách; 11 tên đường nối dài được đặt tên).

* Trong số 60 tên đường, phố có 58 tên đường phố đã có trong Ngân hàng tên, 01 tên đường, phố chưa có trong ngân hàng tên là:

1. Đường Vũ Đức Ân, từ đường Lý Nam Đế đến đường Hùng Vương, dài 275m, rộng 20,5m (phường Đông Hương).

* Trong số 33 ngõ và 01 ngách: có 01 ngõ đặt tên chưa đúng quy định là Ngõ Phú Thành.

3.2. Quyết định số 5428/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa về việc phê duyệt bổ sung tên Đại lộ Nguyễn Hoàng, thành phố Thanh Hóa.

Đặt tên tuyến đường Nguyễn Hoàng, từ nút giao QL1A - Đại lộ Lê Lợi đến cầu Nguyệt Viên, dài 2.000 m, rộng 91 m.

Tên Nguyễn Hoàng đã có trong Ngân hàng tên tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 28/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

4. Thực trạng công tác đặt tên công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Thanh Hóa các công trình công cộng thường sử dụng tên do dự án đặt hoặc tên do nhân dân tự đặt đã hình thành trong quá khứ.

Trên địa bàn thành phố có khoảng 81 công trình công cộng.

Trong đó: Công viên: 13. Quảng trường: 02. Tượng đài: 03. Nhà hát: 01. Sân vận động: 01. Cầu: 57. Bến xe, nhà ga: 04.

5. Đánh giá chung

Tính đến thời điểm 31/12/2018, trên địa bàn thành phố có các Quyết định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng như sau:

TT	Quyết định đặt tên	Số tuyến đường được đặt tên	Ghi chú
1	Trước khi có Quyết định số 1187-QĐ/UBTH ngày 24/9/1994 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	53 đường, phố	Chưa xác định được
2	Quyết định số 1187-QĐ/UBTH ngày 24/9/1994 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	218 đường, phố, ngõ. <i>Trong đó có 55 đường, 105 phố, 58 ngõ</i>	Đúng quy định về đặt tên đường, phố.
3	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 28/7/2000 của Hội đồng nhân dân thành phố Thanh Hóa	Đặt tên bổ sung 44 đường phố và kéo dài 02 tuyến đường	+ Về trình tự thủ tục đặt tên đường, phố: chưa đúng quy định. + Về tên đường, phố: có 13 tên đường, phố chưa có trong Ngân hàng tên.
4	Quyết định số 282/2004/QĐ-UB ngày 16/02/2004 của UBND thành phố Thanh Hóa	113 đường, phố, ngõ. <i>Trong đó có 02 đại lộ, 59 đường, 47 phố, 05 ngõ</i>	+ Về trình tự thủ tục đặt tên đường, phố: chưa đúng quy định. + Về tên đường, phố: có 04 tên đường, phố chưa có trong Ngân hàng tên.
5	Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 16/12/2008 của UBND thành phố Thanh Hóa	94 đường, phố, ngõ. <i>Trong đó có 49 đường, 33 ngõ; 01 ngách; 11 tên đường nối dài</i>	+ Về trình tự thủ tục đặt tên đường, phố: chưa đúng quy định. + Về tên đường, phố: có 02 tên đường, phố chưa có trong Ngân

			hàng tên.
6	Quyết định số 5428/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của UBND thành phố Thanh Hóa	01 đường, phố	+ Về trình tự thủ tục đặt tên đường, phố: chưa đúng quy định. + Về tên đường, phố: đã có trong Ngân hàng tên.

IV. Đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa được xây dựng theo quy hoạch đô thị, đã sử dụng ổn định nhưng chưa được đặt tên

1. Các đường, phố được xây dựng theo quy hoạch đô thị, sử dụng ổn định nhưng chưa được đặt tên

* Qua rà soát trên địa bàn thành phố có khoảng 361 đường, phố vẫn chưa được đặt tên nhưng được sử dụng ổn định.

Và còn khoảng hơn 100 đường, phố thuộc các mặt bằng quy hoạch của thành phố mà người dân vẫn gọi theo tên mặt bằng.

Đến nay vẫn còn 02 phường (*An Hoạch và Tào Xuyên*), 17 xã (*Đông Hưng; Đông Lĩnh; Đông Tân; Đông Vinh; Hoàng Anh; Hoàng Đại; Hoàng Long; Hoàng Lý; Hoàng Quang; Quảng Cát; Quảng Đông; Quảng Phú; Quảng Tâm; Quảng Thịnh; Thiệu Dương; Thiệu Khánh; Thiệu Vân*) chưa được đặt tên đường, phố.

* Ngoài ra, còn có một số tuyến đường được gắn biển tên nhưng chưa có Quyết định đặt tên, gồm:

1. Đường Nguyễn Duy Hiệu, Điểm đầu: Đại lộ Lê Lợi, điểm cuối: Đường Lê Lai; Dài: 1.020m; Rộng: 42,0m.

(Năm 2011, nhân kỷ niệm 50 năm kết nghĩa TP Thanh Hóa – TP Hội An, thành phố đã đề xuất đặt tên đường Nguyễn Duy Hiệu, Ông sinh tại làng Thanh Hà, huyện Duyên Phúc nay là xã Cẩm Hà, thành phố Hội An. Ông là một chí sĩ, lãnh tụ phong trào Cần Vương tại Quảng Nam).

2. Đại lộ Võ Nguyên Giáp, Điểm đầu: đường Quang Trung, điểm cuối: hết địa phận thành phố Thanh Hóa; Dài 7.300m, Rộng 50m.\

2. Công trình công cộng được xây dựng theo quy hoạch đô thị, sử dụng ổn định nhưng chưa được đặt tên.

Trên địa bàn thành phố có khoảng 81 công trình công cộng.

Trong đó: Công viên: 13; Quảng trường: 02; Tượng đài: 03; Nhà hát: 01; Sân vận động: 01; Cầu: 57 và Bến xe, nhà ga: 04.

V. Những ưu điểm, hạn chế trong việc đặt tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa

1. Ưu điểm trong việc đặt tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa

- Thành phố đã quan tâm triển khai công tác đặt tên, đổi tên các đường phố trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, kể từ năm 1994 đến năm 2010 đã có 5 lần đặt tên đường, phố (lần 1 vào năm 1994; lần 2 vào năm 2000; lần 3 vào năm 2004; lần 4 vào năm 2008 và lần 5 vào năm 2010) với 523 tuyến đường, phố, ngõ. Qua đó, đã đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin, địa chỉ, phục vụ cho việc giao dịch và quản lý hành chính của thành phố Thanh Hóa theo hướng văn minh, hiện đại.

- Việc đặt tên, đổi tên các đường phố trên địa bàn thành phố Thanh Hóa luôn nhận được sự quan tâm, hưởng ứng của các cấp, các ngành, nhà khoa học, các chuyên gia văn hóa, lịch sử và quần chúng nhân dân. Do đó đã góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, nâng cao nhận thức về tình yêu quê hương, đất nước.

2. Hạn chế trong việc đặt tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa

2.1. Trong công tác đặt tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.

Trong số 523 đường phố đã được đặt tên qua các thời kỳ có:

- Trước năm 1994 có 53 đường, phố, những đường, phố trên chưa xác định được tên, trích yếu quy mô, thuyết minh tên đường, cũng chưa xác định được quy trình đặt tên. Đây là những tuyến đường do lịch sử để lại.

- 218 đường, phố, ngõ được đặt đúng quy định (tại Quyết định số 1187-QĐ/UBND ngày 24/9/1994 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có 218 đường, phố, ngõ).

- 213 đường, phố đặt chưa đúng quy định (Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 28/7/2000 của Hội đồng nhân dân thành phố Thanh Hóa có 44 đường, phố; Quyết định số 282/2004/QĐ-UB ngày 16/02/2004 của UBND thành phố Thanh Hóa có 108 đường, phố; Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 16/12/2008 của Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa có 60 đường, phố; Quyết định số 5428/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa có 01 đường, phố). Tuy nhiên, trên thực tế mới có khoảng 119 tuyến đường, phố đã được lắp đặt biển tên và sử dụng ổn định. Có nhiều tuyến đường, phố được đặt trùng lặp trong nhiều quyết định (Nguyễn Sơn, Trần Huy Liệu, Phú Liên, Thế Lữ, Việt Bắc, Lý Đạo Thành, Đào Đức Thông, Trần Oanh, Hà Huy Tập, Lê Thế Long, Đỗ Huy Cư, Bạch Đằng, Chương

Dương, Hàm Tử, Xuân Diệu, Phan Đình Giót, Định Hòa, Hạc Oa, Trịnh Thị Ngọc Lữ, Lê Khôi, Lê Thành, Chi Lăng, Ngọc Mai...) hoặc nhiều tuyến kéo dài qua từng giai đoạn đặt tên (Nguyễn Chí Thanh, Quang Trung, Lê Lai, Dương Đình Nghệ...).

- 6 ngõ được đặt tên chưa đúng quy định. Điều 13, Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ nêu rõ: *Không đặt tên cho ngõ, ngách. Ngõ được gọi theo biển số nhà đầu ngõ, tính từ đầu phố kèm theo tên phố; ngách được gọi theo biển số nhà đầu ngách, tính từ đầu ngõ.* Tuy nhiên, theo Quyết định số 282/2004/QĐ-UB ngày 16/02/2004 của UBND thành phố Thanh Hóa đặt tên cho 05 ngõ (Ngõ Lê Trọng Bích; Ngõ chùa Bạch Hạc; Ngõ Lê Công Khai; Ngõ Thủ Phác và Ngõ Đức Hậu); theo Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 16/12/2008 của UBND thành phố Thanh Hóa đặt tên cho 01 ngõ là Ngõ Phú Thành.

- 18 tên đường, phố không có trong Ngân hàng tên đường phố, công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 28/12/2017.

- Thành phố mới quan tâm đến công tác đặt tên đường, phố. Còn đối với các công trình công cộng thường sử dụng tên do dự án đặt hoặc tên do nhân dân tự đặt đã hình thành trong quá khứ.

- Thành phố mới chú trọng đến công tác đặt tên đường, phố đến khu vực nội thành. Còn khu vực các phường mới được thành lập (*An Hoạch và Tào Xuyên*) và 17 xã (*Đông Hưng; Đông Lĩnh; Đông Tân; Đông Vinh; Hoằng Anh; Hoằng Đại; Hoằng Long; Hoằng Lý; Hoằng Quang; Quảng Cát; Quảng Đông; Quảng Phú; Quảng Tâm; Quảng Thịnh; Thiệu Dương; Thiệu Khánh; Thiệu Vân*) chưa được đặt tên đường, phố.

2.2. Trong công tác lắp đặt biển tên đường

Sau khi đường, phố được các cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định đặt tên. Trong công tác triển khai việc lắp đặt biển tên vẫn còn một số thiếu sót như:

* Nhiều tuyến đường, phố được các cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định đặt tên nhưng không được lắp đặt biển tên, không tồn tại trên thực tế.

* Sai tên danh nhân:

- Danh nhân Chu Văn Lương:

Tuyến đường Chu Nguyên Lương được đặt tên tại Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 16/12/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. Đường Chu Nguyên Lương, từ đường Trần Hưng Đạo đến hết MBQH 08, dài 530m, rộng 10,5 m (phường Nam Ngạn).

Tuy nhiên, tại Đền thờ tại địa phương đã được công nhận là di tích lịch sử cấp Quốc gia, thì tên danh nhân là Chu Văn Lương (*Người làng Nam Ngạn, Thanh Hoá, người có công đánh giặc Nguyên Mông thắng lợi. Giặc tan, ông trở về làng mở trường dạy học*).

Vì vậy, đề nghị các cấp có thẩm quyền cho điều chỉnh tên danh nhân từ Chu Nguyên Lương thành Chu Văn Lương.

- Danh nhân Lê Văn:

Phố Lê Văn được đặt tên tại Quyết định số 1187/QĐ/UBTH ngày 24/9/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Phố Lê Văn từ đường Tống Duy Tân đến đại lộ Đông Tây, dài 896m, rộng 10,5m.

Tuy nhiên, do có sự thiếu sót trong quá trình soạn thảo văn bản nên đã nhầm tên danh nhân từ Lê Văn thành Lê Văn.

- Lấp sai biến tên Đường Lê Hồng Sơn:

Theo Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 16/12/2008 của UBND thành phố Thanh Hóa, Đường Lê Hồng Sơn từ Đường Cù Chính Lan đến Đường Nguyễn Thái Học dài 100m. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay Đường Lê Hồng Sơn từ đường Cù Chính Lan đến đường Đội Cung dài 440m.

3. Nguyên nhân

* Nguyên nhân khách quan:

- Thành phố Thanh Hóa có tốc độ đô thị hóa nhanh, nhiều tuyến đường, phố được đầu tư xây dựng, nhiều Khu đô thị mới được hình thành, một số xã được nâng cấp thành phường do đó nhiều tuyến đường, phố chưa được đặt tên dẫn đến khó khăn cho việc giao dịch, tìm kiếm thông tin, địa chỉ, giao dịch và quản lý hành chính của thành phố.

- Kể từ khi Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hoá - Thông tin về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường; phố và công trình công cộng ban hành được ban hành. Sau nhiều năm, Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa mới có Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 28/12/2017 về Ngân hàng tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa mới ban hành Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 Quy định trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Do đó, có sự lúng túng trong công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.

* Nguyên nhân chủ quan:

- Lãnh đạo thành phố và cán bộ chuyên môn chưa nắm vững quy định của pháp luật về thẩm quyền đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.

PHẦN THỨ HAI

NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THANH HÓA

I. Nguyên tắc

1. Nguyên tắc lựa chọn những tên đường, phố và công trình công cộng được xây dựng theo quy hoạch đô thị, được sử dụng ổn định song chưa có tên được đề nghị đặt tên đợt này

1. Áp dụng theo nguyên tắc chung quy định tại Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hoá - Thông tin về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP;

2. Tên đặt cho đường, phố và công trình công cộng được lựa chọn trong Ngân hàng tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 28/12/2017.

3. Căn cứ vào vị trí, cấp độ, quy mô của đường, phố và công trình công cộng để đặt tên tương xứng với ý nghĩa của địa danh, tầm quan trọng của sự kiện lịch sử và công lao của danh nhân.

4. Cách chọn đặt tên đường, phố và công trình công cộng.

+ Tên các danh nhân, nhân vật lịch sử cùng thời kỳ hoặc cùng lĩnh vực hoạt động được nghiên cứu ưu tiên đặt gần nhau, tạo thành các cụm tên đường có liên quan.

+ Đường trong các khu công nghiệp, khu dân cư không phải là đường trục chính, chiều dài dưới 50m, chiều rộng dưới 3,5m thì có thể chọn số hiệu hoặc số thứ tự để đặt tên. Các số phải sắp đặt theo thứ tự từ nhỏ đến lớn; theo hướng từ Bắc đến Nam, từ Đông sang Tây.

+ Chỉ đặt một tên đôi với đường dài và thông suốt. Đường quá dài, đường liên phường, thị trấn căn cứ vào điều kiện cụ thể, có thể phân ra từng đoạn để đặt tên. Khi đường bị ngắt khúc bởi các giao lộ, vòng xoay thì đoạn kế tiếp được đặt tên khác.

2. Nguyên tắc lựa chọn đặt tên

Trên cơ sở các nguyên tắc chung theo các quy định của pháp luật, Đề án cũng đặt ra các nguyên tắc cụ thể như sau:

1. Không đặt trùng tên cùng một danh nhân, trường hợp đặc biệt phải tuân thủ điều 6, Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

2. Tên đường, phố được đặt dựa trên sự phân bổ các cụm tên đường có liên quan đã có trước đây. Đảm bảo nguyên tắc tên các danh nhân, nhân vật lịch sử cùng

thời kỳ hoặc cùng lĩnh vực hoạt động được nghiên cứu ưu tiên đặt gần nhau, tạo thành các cụm tên đường có liên quan.

3. Các đường, phố có chiều dài lớn hơn 100m, chiều rộng từ 5,0m trở lên, có dân cư sinh sống ổn định, phù hợp với quy hoạch xây dựng, trong các phường nội thành được ưu tiên đặt tên trước. Đối với các phường, xã đã có đề xuất đặt tên đường, phố nhưng tên dự kiến đặt cho các tuyến đường, phố chưa có trong Ngân hàng tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 28/12/2017 thì chưa đặt tên đường, phố lần này.

3. Nguyên tắc đề nghị đổi tên đường, phố và công trình công cộng

- Không đổi tên đường, phố và công trình công cộng đã có tên gọi quen thuộc, đã gắn bó với lịch sử - văn hoá của dân tộc, của địa phương và đã ăn sâu vào trong tiềm thức, tình cảm của nhân dân qua nhiều thế hệ.

- Trường hợp đường, phố và công trình công cộng đã đặt tên mà xét thấy không có ý nghĩa lịch sử - văn hoá, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, không phải là nhân vật tiêu biểu của đất nước hoặc của địa phương, gây ảnh hưởng, tác động xấu trong xã hội thì phải đổi tên, nhưng cần xem xét thận trọng.

II. Mục tiêu, yêu cầu

1. Mục tiêu

- Việc đặt tên đường, phố và công trình công cộng nhằm góp phần thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hóa - xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đô thị, đáp ứng yêu cầu xây dựng thành phố ngày càng văn minh, hiện đại.

- Việc đặt tên đường, phố và công trình công cộng nhằm tôn vinh, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, nâng cao nhận thức về tình yêu quê hương, đất nước và lòng tự hào dân tộc của nhân dân thành phố Thanh Hóa. Đồng thời thể hiện tình hữu nghị đoàn kết quốc tế.

2. Yêu cầu

- Việc đặt tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa phải đảm bảo các quy định của pháp luật, tính khoa học, tính xã hội và sự ổn định lâu dài.

- Lựa chọn các tên đặt phải phù hợp, tương xứng với ý nghĩa địa danh, tầm quan trọng của sự kiện lịch sử và công lao của danh nhân, phù hợp với thuần phong mỹ tục. Trong đó ưu tiên lấy tên địa danh, sự kiện lịch sử, văn hóa, danh nhân tiêu biểu của địa phương để đặt tên đường, phố và công trình công cộng (Lựa chọn tên tại Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành).

PHẦN THỨ BA

ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THANH HÓA

I. Đề xuất phương án đặt tên đường, phố và công trình công cộng

1. Căn cứ phân nhóm:

1.1. Giải thích từ ngữ:

- Đại lộ là đường phố có quy mô lớn, có ý nghĩa đặc biệt và giữ vị trí quan trọng trong mạng lưới giao thông đô thị, đáp ứng yêu cầu hạ tầng kỹ thuật, thẩm mỹ và cảnh quan đô thị.

- Đường là lối đi lại được xác định trong quy hoạch đô thị có quy mô lớn về chiều dài, chiều rộng, gồm các trục chính trên địa bàn đô thị, các tuyến vành đai, liên tỉnh.

- Phố là lối đi lại được xác định trong quy hoạch đô thị, hai bên phố thường có các công trình kế tiếp nhau như nhà ở, cửa hàng, cửa hiệu.

- Ngõ (kiệt) là lối đi lại nhỏ từ đường, phố vào các cụm dân cư đô thị.

- Ngách (hẻm) là lối đi lại hẹp từ ngõ (kiệt) vào sâu trong các cụm dân cư đô thị.

- Công trình công cộng bao gồm quảng trường, công viên, vườn hoa, cầu, bến xe, công trình văn hoá - nghệ thuật, thể dục thể thao, y tế, giáo dục, công trình phục vụ du lịch, vui chơi giải trí.

1.2. Phân nhóm các tuyến đường theo quy mô như sau:

- Nhóm Đại lộ gồm các tuyến đường:

+ Tuyến đường từ ngã 3 Voi đi Nam Sầm Sơn, điểm đầu: Ngã 3 voi (khách sạn Mường Thanh), điểm cuối: Nam Sầm Sơn, dài 11.750m, rộng 50m.

+ Tuyến đường Nam sông Mã, điểm đầu: cầu Hàm Rồng, điểm cuối: thành phố Sầm Sơn, dài 11.650m, rộng 67m.

+ Tuyến đường vành đai phía Tây thành phố, điểm đầu: đường Nguyễn Chí Thanh (phường Đông Thọ), điểm cuối: Quốc lộ 1A (xã Quảng Thịnh), dài 14.460m, rộng 76m.

+ Tuyến đường CSEDP, điểm đầu: đường Nguyễn Trãi, điểm cuối: đường Lê Lai, dài 8.040m, rộng 34m.

+ Tuyến đường vành đai Đông Tây, điểm đầu: đường Lê Lai, điểm cuối: Thị trấn Rừng Thông, dài 7.720m, rộng 39 - 45m.

+ Tuyến nhánh đường vành đai Đông Tây, điểm đầu: đường CSEDP, điểm cuối: đường Lạc Long Quân, dài 2.500m, rộng 39m.

- Nhóm Quốc lộ gồm các tuyến:

+ Quốc lộ 1A mới và cũ ở hai đầu Bắc, Nam thành phố.

+ Quốc lộ 47 ở hai đầu Đông, Tây thành phố.

+ Quốc lộ 45 trong thành phố.

- Nhóm Tỉnh lộ gồm các tuyến:

+ Đường nối phường Đông Cương đi cầu phao Thiệu Khánh (TL 502).

+ Đường nối từ Quốc lộ 47 đến hết địa phận xã Quảng Cát (TL511).

Các tuyến đường chính, đi qua địa bàn nhiều phường, xã: Lựa chọn tên các danh nhân đất nước có công trạng và tầm ảnh hưởng lớn, sự kiện tiêu biểu, nổi bật của Quốc gia, Dân tộc và của tỉnh Thanh Hóa để đặt tên cho các Đại lộ, Quốc lộ, Tỉnh lộ.

- Nhóm các tuyến đường nội thị.

Căn cứ vào hiện trạng đường đã đặt, lựa chọn tên danh nhân, nhân vật lịch sử cùng thời kỳ hoặc cùng lĩnh vực hoạt động để đặt tên đường mới cho cùng nhóm đường hiện trạng đã đặt, đảm bảo nguyên tắc tuyến đường, phố tương xứng với tầm vóc và công trạng nhân vật, sự kiện. Thành phố Thanh Hóa phân thành 7 cụm, nhóm như sau:

- Cụm Đông Nam thành phố (phường Đông Vệ).
- Cụm Khu Trung tâm hành chính mới thành phố.
- Cụm Khu đô thị Bình Minh (phường Đông Hương):
- Cụm Khu đô thị Bắc Cầu Hạc, phường Đông Thọ, phường Nam Ngạn.
- Cụm Khu công nghiệp Tây Bắc ga (phường Đông Thọ).
- Cụm Khu đô thị An Hoạch.
- Cụm Trường Chính trị tỉnh (phường Quảng Thắng).

2. Đề xuất phương án đặt tên đường, phố trên địa bàn thành phố Thanh Hóa năm 2019: 256 tuyến.

Gồm: 04 đại lộ, 79 đường và 173 phố.

(Trong 256 đường, phố đề nghị đặt tên, có 247 tên của các danh nhân, các địa danh có trong Ngân hàng tên và 09 tên địa danh chưa có trong Ngân hàng tên)

3. Đề xuất phương án đặt tên công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa

Đặt tên cho 16 công trình công cộng trên địa bàn thành phố như sau:

Công viên: 04 công trình; Cầu: 12 công trình.

II. Đổi tên đường, phố

Đổi tên phố Lê Văn thành phố Phạm Văn (Có trong Ngân hàng tên).

* Phố Lê Văn được đặt tên tại Quyết định số 1187-QĐ/UBND ngày 24/9/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

* Lý do của việc đổi tên:

Theo ý kiến của Hội khoa học Lịch sử Thanh Hóa thì lý lịch tên Lê Văn chưa được ghi chép rõ ràng, chưa phải là nhân vật tiêu biểu của đất nước và của địa phương. Mặt khác, danh nhân Phạm Văn có nhiều công lao, công trạng lớn đối với đất nước, lý lịch danh nhân có trong Ngân hàng tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 28/12/2017.

Vì vậy, Hội đồng tư vấn đặt tên thống nhất đề nghị đổi tên phố Lê Văn thành phố Phạm Văn như sau:

Phố Phạm Văn: Từ đường Tống Duy Tân đến đường Lạc Long Quân; chiều dài 900m; chiều rộng 10,5m.

III. Bổ sung 09 tên vào Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng

Bổ sung 09 tên vào Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng làm cơ

sở cho việc đặt tên đường, phố. Bao gồm:

- 08 tên đường, phố đặt sai quy định, chưa có trong Ngân hàng tên nhưng đã được sử dụng ổn định trên thực tế: Thủ Phác; Đức Hậu; Nhân Phong; Hưng Thuận; Đồng Bái; Duy Tiểu; Văn Thọ và Hưng Xá.

- 01 tên đường đặt mới: Vạn Lại – Yên Trường.

(Có tóm tắt lý lịch kèm theo)

Tóm lại, Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa đề nghị:

*** Đặt tên đường, phố: 256 tuyến.**

Gồm: 04 đại lộ, 79 đường và 173 phố.

(Trong 256 đường, phố đề nghị đặt tên, có 247 tên của các danh nhân, các địa danh có trong Ngân hàng tên và 09 tên địa danh chưa có trong Ngân hàng tên).

*** Đổi tên đường, phố: 01 tuyến**

Đổi tên phố Lê Văn thành phố Phạm Văn *(Có trong Ngân hàng tên).*

*** Đặt tên mới 16 công trình công cộng gồm: Công viên: 04 công trình; Cầu: 12 công trình.**

***Bổ sung 09 tên vào Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng**

Bổ sung 09 tên vào Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng làm cơ sở cho việc đặt tên đường, phố. Bao gồm:

- 08 tên đường, phố đặt sai quy định, chưa có trong Ngân hàng tên nhưng đã được sử dụng ổn định trên thực tế: Thủ Phác; Đức Hậu; Nhân Phong; Hưng Thuận; Đồng Bái; Duy Tiểu; Văn Thọ và Hưng Xá.

- 01 tên đường đặt mới: Vạn Lại – Yên Trường.

PHẦN THỨ TƯ

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức thực hiện

Căn cứ Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Việc tổ chức thực hiện Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa được tổ chức như sau:

1. Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Ban xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.

2. Ban xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa tổ chức khảo sát, đánh giá hiện trạng các đường, phố và công trình công cộng dự kiến đặt tên, đổi tên. Lập danh mục các tuyến đường, phố và công trình công cộng cần đặt tên hoặc đổi tên; căn cứ vào quy mô, tính chất, cấp độ của đường phố và công trình công cộng, lựa chọn tên tại Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được HĐND tỉnh quyết nghị tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 28/12/2017, đề xuất phương án dự kiến đặt tên cụ thể cho từng tuyến đường, phố và công trình công cộng; lập hồ sơ chi tiết Đề án trình UBND thành phố Thanh Hóa.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa tổ chức xin ý kiến quần chúng nhân dân, các cơ quan hữu quan cấp xã, phường nơi có tuyến đường phố và công trình công cộng dự kiến đặt; xin ý kiến tổ chức Đảng, Thường trực HĐND. Mặt trận Tổ quốc; cơ quan chuyên môn về lịch sử, văn hóa, các nhà khoa học của thành phố, công bố công khai phương án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên các phương tiện thông tin đại chúng của thành phố để nhân dân tham gia góp ý kiến trong thời hạn 10 ngày làm việc, trước khi UBND thành phố trình Hội đồng tư vấn.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa hoàn thiện hồ sơ Đề án trình xin ý kiến thẩm định của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng cấp tỉnh. Hội đồng tư vấn tiếp nhận hồ sơ, tổ chức cuộc họp xin ý kiến thẩm định của thành viên trong Hội đồng. Công bố công khai phương án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, của tỉnh để nhân dân tham gia góp ý kiến trong thời hạn 10 ngày làm việc, trước khi trình UBND tỉnh.

5. Hội đồng tư vấn hoàn thiện hồ sơ Đề án trình UBND tỉnh theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh họp xem xét Đề án, hoàn thiện, trình xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

7. Trên cơ sở ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh hoàn thiện hồ sơ, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng và ban hành Nghị quyết hoặc ban hành Quyết định theo thẩm quyền.

8. Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa tổ chức thực hiện Lễ công bố đặt tên các tuyến đường, phố và công trình công cộng. Tổ chức gắn biển tên đường, phố theo hướng dẫn tại Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường; phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP

2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

2.1. Phòng Văn hóa thông tin

Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố trong quá trình thực hiện Đề án, tham gia tổ chức công bố Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Lễ gắn biển tên các đường, phố, và công trình công cộng được đặt tên.

Hàng năm tham mưu giúp UBND thành phố Thanh Hóa sưu tầm nghiên cứu, cung cấp tư liệu về các nhân vật, sự kiện, địa danh để bổ sung vào Ngân hàng dữ liệu tên đường phố và công trình công cộng trình HĐND tỉnh xem xét.

2.2. Đài Truyền thanh Truyền hình thành phố

Tuyên truyền, giới thiệu vị trí, làm rõ ý nghĩa sự kiện lịch sử, giá trị di tích, danh lam thắng cảnh, công trạng của danh nhân được chọn để đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng để nhân dân hiểu sâu sắc hơn về nội dung, ý nghĩa tên các đường, phố và công trình công cộng.

2.3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố

Là cơ quan chủ trì, phối hợp với phòng Quản lý Đô thị, Văn hóa - Thông tin, Tài chính - Kế hoạch, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đơn vị tư vấn và các đơn vị có liên quan tham mưu giúp UBND thành phố triển khai thực hiện Đề án, công bố, thiết kế, lắp đặt biển tên đường phố và công trình công cộng đảm bảo chất lượng, đúng quy định và tiến độ sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, nhất là sau từng giai đoạn cần sơ kết, tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm làm cơ sở thực hiện hiệu quả hơn đối với giai đoạn, dự án sau liên kế.

2.4. Phòng Quản lý đô thị thành phố

Phối hợp Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố tiến hành khảo sát, xác định địa điểm đặt biển và lắp đặt biển tên đường, phố và công trình công cộng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Hàng năm phối hợp với Ủy ban nhân dân các phường, xã thường xuyên cập nhật các tuyến đường, phố và công trình công cộng xây mới trong quá trình lập, thẩm định các đồ án quy hoạch đô thị trong thành phố báo cáo Thường trực UBND thành phố.

Cung cấp các tài liệu, số liệu, các đồ án, đề án trong phạm vi nghiên cứu và các văn bản chủ trương có liên quan cho đơn vị tư vấn.

Nêu nhiệm vụ, yêu cầu và cung cấp các tài liệu số liệu có liên quan cho đơn vị tư vấn. Tham dự hội nghị tham vấn, thẩm định với các ngành, các cấp và các bên liên quan trước khi trình duyệt. Tham gia ý kiến về nội dung đề án.

2.5. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tham mưu giúp UBND thành phố bố trí nguồn vốn từ ngân sách của thành phố để thực hiện Đề án. Tạo điều kiện đảm bảo ưu tiên bố trí kinh phí và cấp đủ kinh phí cho việc lắp đặt biển tên đường phố và công trình công cộng sau khi được Hội đồng nhân dân Tỉnh ra Nghị quyết.

2.6. UBND các xã, phường

Phổ biến quần chúng nhân dân và các cơ quan hữu quan cấp xã, phường nơi có tuyến đường, phố và công trình công cộng được đặt tên. Quản lý, bảo vệ giữ gìn biển gắn tên đường, phố, công trình công cộng sau khi được lắp dựng.

Thường xuyên cập nhật các tuyến đường, phố và công trình công cộng xây mới, có quyền gửi văn bản đề xuất việc đặt mới tên đường, phố và công trình công cộng đến Thường trực Ủy ban nhân thành phố.

2.7. Ủy ban MTTQ và các tổ chức đoàn thể

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến khích nhân dân, nêu cao vai trò, trách nhiệm trong việc bảo vệ giữ gìn tài sản nhà nước nói chung và biển gắn tên đường, công trình công cộng nói riêng sau khi được lắp dựng, nâng cao nếp sống văn minh đô thị.

2.8. Trách nhiệm của đơn vị tư vấn

- Phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa, các phòng ban chức năng, các cơ quan chuyên ngành có liên quan, thu thập số liệu, tài liệu, theo quy định của nhà nước.

- Tổ chức nghiên cứu, báo cáo đề, chỉnh sửa đổi hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ Đề án đảm bảo đúng quy định và tiến độ.

3. Kinh phí thực hiện Đề án

Kinh phí thực hiện Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng được lấy từ nguồn ngân sách thành phố Thanh Hóa.

PHẦN THỨ NĂM

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Thành phố Thanh Hóa là đô thị tỉnh lỵ tỉnh Thanh Hóa, trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh Thanh Hóa, là một trong những trung tâm kinh tế, dịch vụ, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao của vùng phía Nam Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Tuy nhiên, việc đặt tên, đổi tên các tuyến đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Hiện nay, có nhiều tuyến đường, phố mới tại các mặt bằng quy hoạch khu đô thị mới người dân trên địa bàn thành phố vẫn gọi tên đường, tên phố theo thói quen, theo các MBQH mà chưa được đặt tên một cách khoa học và được cấp thẩm quyền cho phép điều đó dẫn đến khó khăn trong việc kê khai hành chính, giao dịch, tìm kiếm địa chỉ của người dân.

Vì vậy, việc đặt tên đường phố và công trình công cộng nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin, địa chỉ, phục vụ cho việc giao dịch, giao lưu, tạo điều kiện cho nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương, góp phần chỉnh trang diện mạo đô thị. Tạo điều kiện cho việc quản lý hành chính, quản lý hạ tầng kỹ thuật đạt hiệu quả đáp ứng được yêu cầu của một thành phố ngày càng văn minh, hiện đại. Ngoài ra việc đặt tên đường phố và công trình công cộng còn nhằm mục đích giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, nâng cao nhận thức về tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào của nhân dân thành phố Thanh Hóa về những danh nhân, anh hùng, các địa danh, sự kiện lịch sử tiêu biểu.

2. Kiến nghị.

Đề Đề án đặt tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa sớm được triển khai thực hiện. Ủy ban nhân dân thành phố kính đề nghị Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng, các cấp các ngành có liên quan xem xét, trình duyệt theo quy định của pháp luật./.

PHỤ LỤC 1:
PHƯƠNG ÁN ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ NĂM 2019

ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ: 256 tuyến.

Gồm: 04 đại lộ, 79 đường và 173 phố.

(Trong 256 đường, phố đề nghị đặt tên, có 247 tên của các danh nhân, các địa danh có trong Ngân hàng tên và 09 tên địa danh chưa có trong Ngân hàng tên)

1. Đặt tên 04 đại lộ (Có trong Ngân hàng tên)

1. *Đại lộ Lê Lợi:* Từ Đại lộ Hùng Vương (ngã tư BigC) đến ngã ba Nhồi; chiều dài 5.720 m; chiều rộng 43m.

2. *Đại lộ Nam Sông Mã:* Từ cầu Hàm Rồng đến địa phận thành phố Sầm Sơn; chiều dài 11.650m; chiều rộng 67m.

3. *Đại lộ Hùng Vương:* Từ đường Nguyễn Chí Thanh tại Km 320+254 (Quốc lộ 1A) đến đường Quang Trung (xã Quảng Thịnh) tại Km 330+274 (Quốc lộ 1A); chiều dài 10.020m; chiều rộng 76,0m.

4. *Đại lộ Nguyễn Hoàng:* Từ phía cầu Nguyệt Viên tại Km 324+406 (Quốc lộ 1A) đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.000m; chiều rộng 91,0m.

2. Đặt tên 78 đường

2.1. Đặt tên 70 đường (Có trong Ngân hàng tên của tỉnh)

1. *Đường Võ Nguyên Giáp:* Từ đường Nguyễn Doãn Chấp đến đường Quang Trung; chiều dài 8.510m; chiều rộng 50m

2. *Đường Nguyễn Duy Hiệu:* Từ đại lộ Lê Lợi đến đường Lê Lai; chiều dài 1.020m; chiều rộng 42m.

3. *Đường Tây Đô:* Từ đường Trường Xuân tại Km 06+020 (Đường vành đai phía Tây) đến đường Quang Trung tại Km 14+600 (Đường Vành đai phía Tây); chiều dài 8.580m; chiều rộng 76m.

4. *Đường Trịnh Kiểm:* Từ đường Lê Lai đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 8.040m; chiều rộng 34m.

5. *Đường Lạc Long Quân:* Từ đường Lê Lai đến đường Quang Trung; chiều dài 2.500m; chiều rộng 39m.

6. *Đường Nguyễn Thiếp:* Từ đường Quang Trung đến địa phận thị trấn Rừng Thông; chiều dài 5.220m; chiều rộng 39m.

7. *Đường Âu Cơ:* Từ Lạc Long Quân đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.500m; chiều rộng 39m.

8. *Đường Nguyễn Kim:* Từ địa phận xã Hoàng Quang tại Km 322+800 (Quốc lộ 1A) đến cầu Nguyệt Viên tại Km 324+406; chiều dài 1.606m; chiều rộng 36m.

9. *Đường Văn Tiến Dũng:* Từ địa phận xã Hoàng Lý tại Km 317+463 (Quốc lộ 1A) đến cầu Hoàng Long tại Km 320+763 (Quốc lộ 1A); chiều dài 3.300m; chiều rộng 36m.

10. *Đường Quang Trung:* Từ ngã ba Tịch Điền tại Km 325+710 (Quốc lộ 1A) đến hết địa phận xã Quảng Thịnh tại Km331+200 (Quốc lộ 1A); chiều dài 5.490m; chiều rộng 36m.

11. *Đường An Dương Vương:* Từ địa phận xã Quảng Tâm tại Km 05+450 (Quốc lộ 47) đến đường Lê Lai tại Km 10+660 (Quốc lộ 47); chiều dài 5.210m; chiều rộng 42m.

12. *Đường Nguyễn Đình Thuần:* Từ Ngã ba Nhồi tại Km 20+900 (Quốc lộ 47) đến hết địa phận xã Đông Tân tại Km 23+730; chiều dài 2.830m; chiều rộng 20.5m.

13. *Đường Trường Xuân:* Từ đường Tây Đô (cổng chào thôn Tân Cộng, xã Đông Tân) tại Km 22+620 (Quốc lộ 47) đến giáp xã Đông Thịnh và xã Đông Xuân Km 23+800 (Quốc lộ 47); chiều dài 1.180m; chiều rộng 42m.

14. *Đường Trịnh Huy Quang:* Từ ngã ba Nhồi tại Km 76+600 (Quốc lộ 45) đến đường Nguyễn Hữu Cảnh tại Km 80+350 (Quốc lộ 47); chiều dài 3.750 m; chiều rộng 13m.

15. *Đường Nguyễn Hữu Cảnh:* Từ Cầu Voi tại Km 01+693 (Quốc lộ 45) đến địa phận xã

Quảng Trạch (hết địa phận thành phố) tại Km 04+533(Quốc lộ 45); chiều dài 2.840m; chiều rộng 25m.

16. *Đường Hoàng Nghiêu*: Từ cuối địa phận phường Phú Sơn tại Km 73+150 (Quốc lộ 45) đến địa phận thị trấn Rừng Thông tại Km 71+880 (Quốc lộ 45); chiều dài 1.270m; chiều rộng 20m.

17. *Đường Nguyễn Đình Ngân*: Từ đường Văn Tiến Dũng tại Km 231+500 (Quốc lộ 10) đến cuối địa phận xã Hoàng Anh tại Km 229+550 (Quốc lộ 10); chiều dài 1.950m; chiều rộng 10,5m.

18. *Đường Dương Xá*: Từ đầu đường Đình Hương (phường Đông Cương) đến đê sông Mã (xã Thiệu Dương); chiều dài 1.200m; chiều rộng 10,5m.

19. *Đường Tư Phố*: Từ đường Dương Xá đến cuối địa phận xã Thiệu Vân; chiều dài 6.410m; chiều rộng 7,5m.

20. *Đường Nguyễn Doãn Cháp*: Từ đường An Dương Vương đến đại lộ Võ Nguyên Giáp; chiều dài 2.000m; chiều rộng 10,5m.

21. *Đường Nguyễn Thị Lợi*: Từ phố Trần Bảo đến sông Nhà Lê (phường An Hoạch); chiều dài 2.040m; chiều rộng 10,5m.

22. *Đường Nguyễn Phúc Chu*: Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Trần Hưng Đạo; chiều dài 1.350m; chiều rộng 15m.

23. *Đường Dương Đình Nghệ*: Từ đường Bà Triệu đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 2.420m; chiều rộng 20m.

24. *Đường Lý Thiên Bảo*: Từ đường Bà Triệu đến đường Vạn Lại – Yên Trường; chiều dài 2.000m; chiều rộng 15m.

25. *Đường Lý Nhân Tông*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến phố Phan Chu Chinh; chiều dài 2.380m; chiều rộng 10,5m.

26. *Đường Đào Cam Mộc*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến đường Đô Dương; chiều dài 1.700m; chiều rộng 10,5m.

27. *Đường Đô Dương*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến phố Dốc Ga; chiều dài 1.950m; chiều rộng 10,5m.

28. *Đường Vạn Hạnh*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến phố Thắng Lợi; chiều dài 1.500m; chiều rộng 10,5m.

29. *Đường Trường Chinh*: Từ Khu đô thị Vinhomes đến đại lộ Nguyễn Hoàng; chiều dài 1.350m; chiều rộng 36m.

30. *Đường Tố Hữu*: Từ đại lộ Nguyễn Hoàng đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.900m; chiều rộng 36m.

31. *Đường Phạm Văn Đồng*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.100m; chiều rộng 36m.

32. *Đường Võ Chí Công*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.110m; chiều rộng 10,5m.

33. *Đường Lê Nhân Tông*: Từ đường Nguyễn Huy Tự đến đường Âu Cơ; chiều dài 1.030m; chiều rộng 10,5m.

34. *Đường Nguyễn Công Trứ*: Từ đường Lê Lai đến đường Âu Cơ; chiều dài 1.360m; chiều rộng 10,5m.

35. *Đường Lê Cáo*: Từ trường Đại học Hồng Đức (cơ sở 2) đến đường Âu Cơ; chiều dài 1.140m; chiều rộng 7,5m.

36. *Đường Lê Dụ Tông*: Từ đường Âu Cơ đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 1.730m; chiều rộng 10,5m.

37. *Đường Lê Hiến Tông*: Từ đường Âu Cơ đến đường Quang Trung; chiều dài 1.600m; chiều rộng 10,5m.

38. *Đường Ngô Thuyên*: Từ đường Nguyễn Phục đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 1.200m; chiều rộng 10,5m.

39. *Đường Nguyễn Chí Thanh*: Từ cầu Hoàng Long đến đường Bà Triệu; chiều dài 2.450m; chiều rộng 36,0m.

40. *Đường Lê Lai*: Từ đường Bạch Đằng đến Cầu Cốc; chiều dài 3.780m; chiều rộng 30,0m.
41. *Đường Hà Huy Tập*: Từ đường Vệ Yên đến đường Phù Lưu; chiều dài 1.250m; chiều rộng 10,5m.
42. *Đường Đỗ Huy Cư*: Từ đường Sơn Vạn đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.190m; chiều rộng 10,5m.
43. *Đường Bạch Đằng*: Từ đường Chương Dương (Cảng Lũ Môn) đến đường Lê Lai; chiều dài 1.750m; chiều rộng 13,0m.
44. *Đường Chương Dương*: Từ đường Bạch Đằng đến đường Sơn Vạn; chiều dài 1.200m; chiều rộng 13,0m.
45. *Đường Hàm Tử*: Từ đường Chương Dương đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.410m; chiều rộng 13,0m.
46. *Đường Ái Sơn*: Từ đường Hàm Nghi đến cầu Nguyệt Viên; chiều dài 1.760m; chiều rộng 10,5m.
47. *Đường Sơn Vạn*: Từ cầu Nguyệt Viên đến phố Lũ Môn; chiều dài 2.530m; chiều rộng 10,5m.
48. *Đường Đồng Lễ*: Từ nhà văn hóa Đồng Lễ (phường Đồng Hải) đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 1.360m; chiều rộng 10,5m.
49. *Đường Trần Nhân Tông*: Từ đường Bạch Đằng đến đường Chương Dương; chiều dài 1.400m; chiều rộng 10,5m.
50. *Đường Lê Niệm*: Từ đường Hàm Tử đến đường Trần Nhân Tông; chiều dài 2.000m; chiều rộng 10,5m.
51. *Đường Nguyễn Phục*: Từ đường Quang Trung đến đường Phù Lưu; chiều dài 2.460m; chiều rộng 20,5m.
52. *Đường Vệ Đà*: Từ đường Quang Trung đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng); chiều dài 1.060m; chiều rộng 10,5m.
53. *Đường Vệ Yên*: Từ đường Vệ Đà đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng); chiều dài 1.670m; chiều rộng 10,5m.
54. *Đường Đỗ Đại*: Từ đường Nguyễn Phục đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 1.140m; chiều rộng 10,5m.
55. *Đường Lê Hưng*: Từ đường Nguyễn Phục đến đường Vệ Yên; chiều dài 1.730m; chiều rộng 10,5m.
56. *Đường Phù Lưu*: Từ sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng) đến cầu Voi (xã Quảng Thịnh); chiều dài 3.580m; chiều rộng 10,0m.
57. *Đường Yên Ngựa*: Từ đường Đức Thánh Cả đến đường Bà Triệu; chiều dài 1.150m; chiều rộng 10,5m.
58. *Đường Phượng Hoàng*: Từ đường Yên Ngựa đến đường Kim Quy; chiều dài 1.520m; chiều rộng 10,5m.
59. *Đường Tiên Sơn*: Từ đường Trịnh Thế Lợi đến động Tiên Sơn (phường Hàm Rồng); chiều dài 1.000m; chiều rộng 10,5m.
60. *Đường Định Hòa*: Từ đường Đình Hương đến sông Hạc (xã Đông Lĩnh); chiều dài 2.100m; chiều rộng 12,0m.
61. *Đường Lê Thành*: Từ đường Đại Khố đến đường Vạn Lại – Yên Trường; chiều dài 1.170m; chiều rộng 10,5m.
62. *Đường Đại Khố*: Từ đường Đình Hương đến hết làng Đại Khố; chiều dài 2.300m; chiều rộng 6m.
63. *Đường Thanh Chương*: Từ đường Lê Lai đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thành); chiều dài 3.400m; chiều rộng 7,5 m.
64. *Đường Chi Lăng*: Từ đường Quang Trung đến đại lộ Võ Nguyên Giáp; chiều dài 3.190m; chiều rộng 7,5 m.
65. *Đường Ngọc Mai*: Từ đại lộ Võ Nguyên Giáp đến đường Bùi Sĩ Lâm; chiều dài

1.100m, chiều rộng 6,5m.

66. *Đường Vĩnh Yên*: Từ đường Trịnh Kiểm đến đại lộ Võ Nguyên Giáp chiều dài 1.800m; chiều rộng 6,5m.

67. *Đường Đồng Cuốn*: Từ đường Lê Lai đến đường Đồng Khoai; chiều dài 1.600m; chiều rộng 5m.

68. *Đường Đồng Khoai*: Từ đường Thanh Chương đến đường Ngọc Mai; chiều dài 1.450m, chiều rộng 5,5m.

69. *Đường Bùi Khắc Nhất*: Từ phố Tôn Thất Thuyết đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 2.050m, chiều rộng 42,0m.

70. *Đường Phú Thứ*: Từ đường Vạn Lại – Yên Trường đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 2.200m; chiều rộng 7,5 m.

2.2. Đặt tên 09 đường (chưa có trong Ngân hàng tên của tỉnh).

1. *Đường Vạn Lại – Yên Trường (chưa có trong Ngân hàng tên)*: Từ đường Nguyễn Chí Thanh tại Km 0+00 (Đường vành đai phía Tây) đến đường Trường Xuân tại Km 06+020 (Đường vành đai phía Tây); chiều dài 6.020m; chiều rộng 76,0m.

2. *Đường Thủ Phác*: Từ đường Lê Lai đến đường Trần Bình Trọng; chiều dài 450m; chiều rộng 4,0m.

3. *Đường Đức Hậu*: Từ làng Đức Hậu (phường Quảng Hưng) đến làng Thủ Phác (phường Quảng Hưng); chiều dài 800m; chiều rộng 3,5m.

4. *Đường Nhân Phong*: Từ đường Dã Tượng đến làng Hưng Long (phường Quảng Hưng); chiều dài 700m; chiều rộng 4,0m.

5. *Đường Hưng Thuận*: Từ đường Chương Dương đến đại lộ Nam sông Mã; chiều dài 700m; chiều rộng 4,0m.

6. *Đường Đồng Bái*: Từ đường Hàm Tử đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 450m; chiều rộng 3,5m.

7. *Đường Duy Tiểu*: Từ đường Chương Dương đến địa phận xã Quảng Phú; chiều dài 1.200m; chiều rộng 5,0m.

8. *Đường Văn Thọ*: Từ đường Bạch Đằng đến làng Nhân Thọ (phường Quảng Hưng); chiều dài 1.100m; chiều rộng 5,0m.

9. *Đường Hưng Xá*: Từ đường Chương Dương đến đại lộ Nam sông Mã; chiều dài 1.000m; rộng 7,0m.

3. Đặt tên 173 phố (Có trong Ngân hàng tên)

1. *Phố Đặng Việt Châu*: Từ đại lộ Lê Lợi đến đường Nguyễn Thị Lợi; chiều dài 850m; chiều rộng 36,0m.

2. *Phố Trần Bảo*: Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 850m; chiều rộng 34m.

3. *Phố Nguyễn Văn Huệ*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Lê Chủ; chiều dài 530m; chiều rộng 7,5m.

4. *Phố Lưu Đô*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 895m; chiều rộng 7,5m.

5. *Phố Đặng Văn Hỷ*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 540m; chiều rộng 7,5m.

6. *Phố Trịnh Ngọc Diệt*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 895m; chiều rộng 7,5m.

7. *Phố Nguyễn Văn Hồ*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 540m; chiều rộng 7,5m.

8. *Phố Ngô Đức*: Từ đường Nguyễn Thị Lợi đến phố Nguyễn Văn Huệ; chiều dài 540m; chiều rộng 7,5m.

9. *Phố Bùi Đạt*: Từ đại lộ Lê Lợi đến ngõ Cao Sơn; chiều dài 630m; chiều rộng 10,5m.

10. *Phố Lê Chủ*: Từ phố Bùi Đạt đến trường THCS Đông Hưng (xã Đông Hưng); chiều dài 610m; chiều rộng 7,5m.

11. *Phố Nguyễn Đôn Tiết*: Từ đường Triệu Quốc Đạt đến phố Phan Chu Trinh; chiều dài 120m; chiều rộng 7,5m.
12. *Phố Lê Hữu Kiều*: Từ ngõ 44 Lê Hoàn đến phố Ngô Quyền; chiều dài 260m; chiều rộng 7,5m.
13. *Phố Nguyễn Cẩn*: Từ đường Lê Hoàn đến đường Trần Phú; chiều dài 255m; chiều rộng 10,5m.
14. *Phố Trần Quốc Toàn*: Từ đường Trường Thi đến phố Nguyễn Du; chiều dài 365m; chiều rộng 10,5m.
15. *Phố Nguyễn Thái Bình*: Từ phố Trần Quốc Toàn đến phố Nguyễn Cẩn; chiều dài 185m; chiều rộng 7,5m.
16. *Phố Nguyễn Trinh Cơ*: Từ phố Trần Quốc Toàn đến phố Nguyễn Thái Bình; chiều dài 120m; chiều rộng 7,5m.
17. *Phố Trần Hữu Duyệt*: Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 420m; chiều rộng 10,5m.
18. *Phố Nguyễn Hữu Dật*: Từ đường Nguyễn Phúc Chu đến phố Nguyễn Văn Thân; chiều dài 450m; chiều rộng 7,5m.
19. *Phố Đặng Thí*: Từ đường Nguyễn Phúc Chu đến đường Trần Hưng Đạo; chiều dài 625m; chiều rộng 7,5m.
20. *Phố Nguyễn Đức Nhuận*: Từ phố Ngô Đức Mậu đến phố Nguyễn Văn Thân; chiều dài 360m; chiều rộng 7,5m.
21. *Phố Nguyễn Hữu Khiếu*: Từ đường Thành Thái đến đường Nguyễn Phúc Chu; chiều dài 450m; chiều rộng 7,5m.
22. *Phố Võ Nguyên Lượng*: Từ đường Nguyễn Phúc Chu đến phố Nguyễn Văn Thân; chiều dài 735m; chiều rộng 7,5m.
23. *Phố Ngô Đức Mậu*: Từ phố Trần Hữu Duyệt đến đường Nguyễn Hữu Dật; chiều dài 489m; chiều rộng 7,5m.
24. *Phố Thành Thái*: Từ đại lộ Hùng Vương đến Cầu Hạc, đường Bà Triệu; chiều dài 1.290m; chiều rộng 17,5m.
25. *Phố Nghiêm Quý Ngãi*: Từ phố Nguyễn Đức Nhuận đến đường Nguyễn Hữu Dật; chiều dài 274m; chiều rộng 7,5m.
26. *Phố Hồ Viết Thắng*: Từ phố Nguyễn Đức Nhuận đến đường Nguyễn Hữu Dật; chiều dài 275m; chiều rộng 7,5m.
27. *Phố Nguyễn Văn Thân*: Từ phố Võ Nguyên Lượng đến phố Nam Sơn; chiều dài 421m; chiều rộng 7,5m.
28. *Phố Thiều Thốn*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến phố Hoàng Đạo Thành; chiều dài 550m; chiều rộng 10,5m.
29. *Phố Đào Tiêu*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Chu Văn Lương; chiều dài 650m; chiều rộng 10,5m.
30. *Phố Lê Phụ Trần*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Duy Tân; chiều dài 550m; chiều rộng 10,5m.
31. *Phố Nguyễn Văn Bích*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Duy Tân; chiều dài 760m; chiều rộng 10,5m.
32. *Phố Nguyễn Phúc Nguyên*: Từ đường Nguyễn Văn Thân đến đường Trần Khánh Dư; chiều dài 650m; chiều rộng 10,5m.
33. *Phố Nguyễn Phúc Lan*: Từ phố Thiều Thốn đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài 325m; chiều rộng 7,5m.
34. *Phố Nguyễn Phúc Khoát*: Từ phố Thiều Thốn đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài 326m; chiều rộng 7,5m.
35. *Phố Khương Công Phụ*: Từ đường Chu Văn Lương đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài 395m; chiều rộng 7,5m.
36. *Phố Hoàng Đạo Thành*: Từ đường Chu Văn Lương đến phố Lê Phụ Trần; chiều dài

400m; chiều rộng 7,5m.

37. *Phố Trương Huy Dục*: Từ phố Nguyễn Văn Bích đến đường Duy Tân; chiều dài 470m; chiều rộng 7,5m.

38. *Phố Nguyễn Phúc Khê*: Từ phố Nguyễn Văn Bích đến phố Nguyễn Phúc Nguyên; chiều dài 220m; chiều rộng 7,5m.

39. *Phố Lê Ngọc*: Từ phố Nguyễn Văn Bích đến phố Nguyễn Phúc Nguyên; chiều dài 221m; chiều rộng 7,5m.

40. *Phố Hoàng Quốc Việt*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đường Đồng Lễ; chiều dài 610m; chiều rộng 24m.

41. *Phố Ngô Thì Nhậm*: Từ đường Trịnh Tùng đến đường Ngô Văn Sở; chiều dài 700m; chiều rộng 7,5m.

42. *Phố Trịnh Tùng*: Từ đường Nguyễn Huy Tự đến đường Lê Nhân Tông; chiều dài 898m; chiều rộng 10,5m.

43. *Phố Thôi Hữu*: Từ đường Lê Nhân Tông đến trường THCS Nguyễn Văn Trỗi (phường Ngọc Trạo); chiều dài 920m; chiều rộng 7,5m.

44. *Phố Trịnh Doanh*: Từ Sông Nhà Lê (phường Đông Vệ) đến đường Trịnh Khả; chiều dài 680m; chiều rộng 7,5m.

45. *Phố Trịnh Cương*: Từ Sông Nhà Lê (phường Đông Vệ) đến đường Trịnh Khả; chiều dài 610m; chiều rộng 7,5m.

46. *Phố Trịnh Căn*: Từ đường Lê Nhân Tông đến đường Âu Cơ; chiều dài 505m; chiều rộng 7,5m.

47. *Phố Trịnh Tạc*: Từ đường Lê Nhân Tông đến đường Âu Cơ; chiều dài 358m; chiều rộng 7,5m.

48. *Phố Trịnh Tráng*: Từ đường Lê Nhân Tông đến đường Âu Cơ; chiều dài 505m; chiều rộng 7,5m.

49. *Phố Lê Phụ*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Lương Đắc Bằng; chiều dài 281m; chiều rộng 7,5m.

50. *Phố Nguyễn Hữu Liêu*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Lương Đắc Bằng; chiều dài 282m; chiều rộng 7,5m.

51. *Phố Hoàng Đình Ái*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 670m; chiều rộng 10,5m.

52. *Phố Lê Ngân*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Lê Trang Tông; chiều dài 720m; chiều rộng 24m.

53. *Phố Lê Trang Tông*: Từ Cầu qua sông nhà Lê (phường Đông Vệ) đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 561m; chiều rộng 7,5m.

54. *Phố Nguyễn Đình Giản*: Từ phố Hoàng Đình Ái đến đường Âu Cơ; chiều dài 431m; chiều rộng 7,5m.

55. *Phố Bùi Bị*: Từ đường Nguyễn Công Trứ đến phố Nguyễn Đình Giản; chiều dài 460m; chiều rộng 10,5m.

56. *Phố Đình Bô*: Từ đường Lê Dụ Tông đến đường Phạm Cuồng; chiều dài 520m; chiều rộng 7,5m.

57. *Phố Phạm Cuồng*: Từ đường Lê Dụ Tông đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 574m; chiều rộng 7,5m.

58. *Phố Lê Thiếu Dĩnh*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 450m; chiều rộng 7,5m.

59. *Phố Nguyễn Công Duẩn*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 451m; chiều rộng 7,5m.

60. *Phố Phạm Đốc*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 452m, rộng 7,5m.

61. *Phố Lê Lâm*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 453m; chiều rộng 7,5m.

62. *Phố Lê Duy Mật*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Lê Hiến Tông; chiều dài 449m; chiều rộng 7,5m.
63. *Phố Phạm Đức Kỳ*: Từ đường Lương Hữu Khánh đến đường Trịnh Kiểm; chiều dài 730m; chiều rộng 7,5m.
64. *Phố Lê Trung Giang*: Từ đường Trịnh Kiểm đến đường Quang Trung; chiều dài 707m; chiều rộng 7,5m.
65. *Phố Nguyễn Nhữ Lãm*: Từ đường Âu Cơ đến phố Phạm Đức Kỳ; chiều dài 760m; chiều rộng 10,5m.
66. *Phố Phạm Công Trứ*: Từ phố Lê Trung Giang đến đường Quang Trung; chiều dài 667m; chiều rộng 7,5m.
67. *Phố Nguyễn Thị Anh*: Từ phố Lê Trung Giang đến đường Quang Trung; chiều dài 667m; chiều rộng 7,5m.
68. *Phố Võ Quyết*: Từ đường Lê Phụng Hiệu đến đường Đào Tấn; chiều dài 130m; chiều rộng 7,5m.
69. *Phố Minh Hiệu*: Từ phố Võ Quyết đến phố Đào Duy Từ; chiều dài 110m; chiều rộng 7,5m.
70. *Phố Nguyễn Văn Huyền*: Từ đường Lê Phụng Hiệu đến đường Đào Tấn; chiều dài 130m; chiều rộng 7,5m.
71. *Phố Yên Trường*: Từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến sông Nhà Lê (phường Quảng Thắng); chiều dài 1000m; chiều rộng 7,0m.
72. *Phố Lê Huy Toán*: Từ đường Nguyễn Phục đến phía Đông Chợ Quảng Thắng; chiều dài 970m; chiều rộng 7,0m.
73. *Phố Lý Nam Đế*: Từ đường Hàm Nghi đến đại lộ Lê Lợi; chiều dài 1.430m, chiều rộng 20,5m
74. *Phố Phan Đình Phùng*: Từ đại lộ Hùng Vương đến đường Bùi Khắc Nhất; chiều dài 687m; chiều rộng 14m.
75. *Phố Tôn Thất Thuyết*: Từ đại lộ Hùng Vương đến đường Bùi Khắc Nhất; chiều dài 580m; chiều rộng 10,5m.
76. *Phố Hoàng Hoa Thám*: Từ đại lộ Hùng Vương đến phố Hà Văn Nho; chiều dài 580m; chiều rộng 39m.
77. *Phố Hà Văn Nho*: Từ đại lộ Hùng Vương đến phố Hoàng Hoa Thám; chiều dài 530m; chiều rộng 10,5m.
78. *Phố Đinh Chương Long*: Từ đại lộ Hùng Vương đến trường Tiểu học Đông Hương (phường Đông Hương); chiều dài 458m; chiều rộng 10,5m.
79. *Phố Mai Hắc Đế*: Từ phố Đinh Chương Long đến phố Phan Đình Phùng; chiều dài 516m; chiều rộng 14m.
80. *Phố Phùng Hưng*: Từ phố Đinh Chương Long đến phố Phan Đình Phùng; chiều dài 520m; chiều rộng 14m.
81. *Phố Nguyễn Xuân Thúy*: Từ đại lộ Hùng Vương đến phố Lý Nam Đế; chiều dài 400m; chiều rộng 14m.
82. *Phố Phạm Thị Ngọc Trân*: Từ ngõ 533 Hàm Nghi đến đại lộ Lê Lợi; chiều dài 810m; chiều rộng 14m.
83. *Phố Phạm Văn Xảo*: Từ đường Nguyễn Duy Hiệu đến đường Nguyễn Tĩnh; chiều dài 780m; chiều rộng 22,5m.
84. *Phố Trần Quang Huy*: Từ đường Trịnh Khả đến đường Quang Trung; chiều dài 200m; chiều rộng 13,0m.
85. *Phố Lê Bá Giác*: Từ đường Trịnh Khả đến đường Nguyễn Sơn; chiều dài 128m; chiều rộng 10,5m.
86. *Phố Phú Liên*: Từ đường Phú Vinh đến đường Nguyễn Trãi; chiều dài 325m; chiều rộng 5,0m.
87. *Phố Lê Chân*: Từ phố Thế Lữ đến phố Việt Bắc; chiều dài 148m; chiều rộng 10,5m.

88. *Phố Nguyễn Bính*: Từ phố Thế Lữ đến phố Việt Bắc; chiều dài 145m; chiều rộng 10,5m.
89. *Phố Nguyễn Xiển*: Từ phố Lê Chân đến đường Bà Triệu; chiều dài 135m; chiều rộng 10,5m.
90. *Phố Triệu Quang Phục*: Từ đường Ý Lan đến ngõ 141 Lý Nhân Tông; chiều dài 249m; chiều rộng 10,5m.
91. *Phố Nguyễn Bặc*: Từ đường Trần Xuân Soạn đến đường Đặng Tiến Đông; chiều dài 301m; chiều rộng 10,5m.
92. *Phố Tú Xương*: Từ đường Lý Nhân Tông đến đường Dương Đình Nghệ; chiều dài 170m; chiều rộng 10,5m.
93. *Phố Lê Văn An*: Từ đường Trần Xuân Soạn đến phố Phan Chu Trinh; chiều dài 652m; chiều rộng 10,5m.
94. *Phố Cù Chính Lan*: Từ đường Cao Bá Quát đến phố Quán Giò; chiều dài 330m; chiều rộng 10,5m.
95. *Phố Hải Triều*: Từ đường Đội Cung đến phố Nguyễn Thái Học; chiều dài 186m; chiều rộng 7,5m.
96. *Phố Hàn Mặc Tử*: Từ đường Đội Cung đến phố Nguyễn Thái Học; chiều dài 245m; chiều rộng 7,5m.
97. *Phố Nguyễn Khắc Viện*: Từ phố Nhà Thờ đến 757 Bà Triệu; chiều dài 175m; chiều rộng 7,5m.
98. *Phố Trần Oanh*: Từ đường Mai An Tiêm đến đường Lê Hoàn; chiều dài 289m; chiều rộng 10,5m.
99. *Phố Trần Đức*: Từ khu dân cư Hòa Bình (phường Trường Thi) đến phố Võ Thị Sáu; chiều dài 156m; chiều rộng 7,5m.
100. *Phố Võ Thị Sáu*: Từ phố Trần Đức đến phố Trần Oanh; chiều dài 87m; chiều rộng 7,5m.
101. *Phố Hồng Nguyên*: Từ đường Trường Thi đến phố Lò Chum; chiều dài 140m; chiều rộng 7,5m.
102. *Phố Trần Thị Nam*: Từ đường Trường Thi đến phố Lò Chum; chiều dài 216m; chiều rộng 7,5m.
103. *Phố Nguyễn Hiệu*: Từ đường Lê Lai đến đại lộ Lê Lợi; chiều dài 520m; chiều rộng 6,0m.
104. *Phố Xuân Diệu*: Từ phố Phan Chu Trinh đến phố Triệu Quốc Đạt; chiều dài 100m; chiều rộng 10,5m.
105. *Phố Phan Đình Giót*: Từ ngõ 03 Triệu Quốc Đạt đến khách sạn Thành Công; chiều dài 172m; chiều rộng 10,5m.
106. *Phố Trịnh Thị Ngọc Lữ*: Tuyến đường từ đường Mai An Tiêm đến ngõ 99 Lê Lợi; chiều dài 250m; chiều rộng 5,0m.
107. *Phố Đinh Liệt*: Từ đại lộ Lê Lợi đến phố Tống Duy Tân; chiều dài 450m; chiều rộng 10,5m.
108. *Phố Lê Khôi*: Từ đại lộ Lê Lợi đến đường Đinh Lễ; chiều dài 200m; chiều rộng 10,5m.
109. *Phố Lê Tất Đắc*: Từ phố Ngô Sỹ Liên đến phố Phan Huy Ích; chiều dài 230m; chiều rộng 10,5m.
110. *Phố Trần Huy Liệu*: Từ phố Ngô Sỹ Liên đến phố Phan Huy Ích; chiều dài 200m; chiều rộng 10,5m.
111. *Phố Nguyễn Xuân Khoát*: Từ phố Cửa Hữu đến đường Dương Đình Nghệ; chiều dài 135,0 m; chiều rộng 10,0m.
112. *Phố Tây Ga*: Từ phố Dốc Ga đến đường Phú Vinh; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.
113. *Phố Nguyễn Sơn*: Từ đường Lạc Long Quân đến đường Kiều Đại; chiều dài 850m;

chiều rộng 10,5m.

114.*Phố Nhữ Bá Sĩ*: Từ đường Ngô Sỹ Liên đến đường Lê Tất Đắc; chiều dài 150m; chiều rộng 10,5m.

115.*Phố Thế Lữ*: Từ phố Lê Hồng Sơn đến đường Bà Triệu; chiều dài 300m; chiều rộng 10,5m.

116.*Phố Việt Bắc*: Từ phố Lê Hồng Sơn đến đường Bà Triệu; chiều dài 300m; chiều rộng 10,5m.

117.*Phố Lý Đạo Thành*: Từ đường Ý Lan đến ngõ 41 Lý Nhân Tông; chiều dài 210m; chiều rộng 10,5m.

118.*Phố Đào Đức Thông*: Từ phố Trần Oanh đến đường Lê Hoàn; chiều dài 253m; chiều rộng 10,5m.

119.*Phố Nguyễn Trinh Tiếp*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Hàn Thuyên; chiều dài 250m; chiều rộng 10,5m.

120.*Phố Lê Thế Long*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Hàn Thuyên; chiều dài 251m; chiều rộng 10,5m.

121.*Phố Hồ Nguyên Trừng*: Từ phố Trần Mai Ninh đến đường Lạc Long Quân; chiều dài 135m; chiều rộng 10,5m.

122.*Phố Trịnh Thị Ngọc Trúc*: Từ đường Quang Trung đến phố Ngọc Nữ; chiều dài 310m; chiều rộng 10,5m.

123.*Phố Ngọc Nữ*: Từ đường Quang Trung đến sông Bồ Vệ (phường Đông Vệ); chiều dài 320m; chiều rộng 10,5m.

124.*Phố Kim Đồng*: Từ Khu dân cư phường Đông Vệ đến đường Mật Sơn; chiều dài 320m; chiều rộng 10,5m.

125.*Phố Chùa Đại Bi*: Từ đường Mật Sơn đến sông Bồ Vệ (phường Đông Vệ); chiều dài 300m; chiều rộng 10,5m.

126.*Phố Lai Thành*: Từ Trung tâm Triển lãm – Hội chợ - Quảng cáo tỉnh đến đường Dã Tượng; chiều dài 795m; chiều rộng 10,5m.

127.*Phố Lễ Môn*: Từ đại lộ Nam Sông Mã đến đường Sơn Vạn; chiều dài 535m; chiều rộng 10,5m.

128.*Phố Nguyễn Thị Định*: Từ đường Đức Hậu đến địa phận phường Quảng Thành; chiều dài 784,24m; chiều rộng 10,5m.

129.*Phố Đồng Cổ*: Từ đường Long Quang đến đường đi vào cổng chính Thiền viện Trúc Lâm Hàm Rồng; chiều dài 714m; chiều rộng 10,5m.

130.*Phố Quyết Thắng*: Từ đường Bà Triệu đến Đền thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sĩ; chiều dài 430m; chiều rộng 5,5m.

131.*Phố Đông Khối*: Từ khu dân cư phố 01 (phường Đông Cương) đến đường Đại Khối; chiều dài 855m; chiều rộng 6,0m.

132.*Phố Hạc Oa*: Từ đường Đình Hương đến đường Phượng Hoàng; chiều dài 800m; chiều rộng 8,0m.

133.*Phố Đông Thổ*: Từ đường Đình Hương đến đường Hạc Oa; chiều dài 740m; chiều rộng 5,5m.

134.*Phố Chùa Tăng Phúc*: Từ đường Đình Hương đến đường Hạc Oa; chiều dài 280m; chiều rộng 5,0m.

135.*Phố Phú Thứ Đông*: Từ Ngõ 2 Phú Thứ đến Ngõ 6 Phú Thứ; chiều dài 180m; chiều rộng 7,5m.

136.*Phố Phú Thứ Tây*: Từ đường Phú Thứ đến ngõ 3 Phú Thứ; chiều dài 309m, chiều rộng 7,5m.

137.*Phố Tây Sơn*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Phú Chung; chiều dài 287m, chiều rộng 7,5m.

138.*Phố Phú Chung*: Từ đường Nguyễn Trãi đến mặt bằng quy hoạch Tân Thọ (phường Phú Sơn); chiều dài 400m, chiều rộng 7,5 m.

- 139.*Phố Phú Thượng*: Từ đường Nguyễn Trãi đến phố Tây Sơn; chiều dài 270m, chiều rộng 7,5m.
- 140.*Phố Nguyễn Nhữ Soạn*: Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Phú Thọ 3; chiều dài 393m, chiều rộng 9m.
- 141.*Phố Đặng Tiến Đông*: Từ đường Minh Không đến đường Tô Vĩnh Diện; chiều dài 838m, chiều rộng 7,5m.
- 142.*Phố Thọ Hạc*: Từ đường Bà Triệu đến đường Minh Không; chiều dài 812 m, chiều rộng 10,5m.
- 143.*Phố Trần Xuân Soạn*: Từ đường Bà Triệu đến đường Minh Không; chiều dài 768m, chiều rộng 14,5m.
- 144.*Phố Quán Giò*: Từ đường Đội Cung đến phố Chu Văn An; chiều dài 500m, chiều rộng 15,0m.
- 145.*Phố Từ Đạo Hạnh*: Từ đường Trần Xuân Soạn đến Quảng trường Lam Sơn; chiều dài 500m; chiều rộng 10,5m.
- 146.*Phố Lý Thái Tông*: Từ đường Lý Nhân Tông đến Ga Thanh Hóa; chiều dài 900m; chiều rộng 10,5m.
- 147.*Phố Minh Không*: Từ đường Nguyễn Bặc đến khách sạn Phù Đồng; chiều dài 850m, chiều rộng 10,5m.
- 148.*Phố Trần Đại Nghĩa*: Từ phố Nguyễn Thị Thập đến đường Thành Thái; chiều dài 350m; chiều rộng 10,5m.
- 149.*Phố Tôn Quang Phiệt*: Từ phố Nguyễn Thị Thập đến phố Trần Đại Nghĩa; chiều dài 215m; chiều rộng 16,5m.
- 150.*Phố Hồ Đắc Di*: Từ đường Thành Thái đến đường Bà Triệu; chiều dài 413m; chiều rộng 13,5m.
- 151.*Phố Hoàng Xuân Viện*: Từ đường Thành Thái đến phố Trần Đại Nghĩa; chiều dài 240m, chiều rộng 13,0m.
- 152.*Phố Nguyễn Đức Thuận*: Từ đường Thành Thái đến phố Trần Đại Nghĩa; chiều dài 207m; chiều rộng 12,0m.
- 153.*Phố Nguyễn Thị Thập*: Từ đường Thành Thái đến đường Nguyễn Chí Thanh; chiều dài 303m; chiều rộng 12,0m.
- 154.*Phố Tô Hiệu*: Từ phố Cù Chính Lan đến đường Mai Xuân Dương; chiều dài 158m, chiều rộng 12,0m.
- 155.*Phố Lê Hồng Sơn*: Từ phố Cù Chính Lan đến đường Đội Cung; chiều dài 437m; chiều rộng 12,0m.
- 156.*Phố Lê Phụng Hiểu*: Từ đường Cẩm Bá Thước đến đường Trần Phú; chiều dài 460m; chiều rộng 8,0m.
- 157.*Phố Tân Nam*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến phố Tân Nam 10; chiều dài 350m, chiều rộng 11,0m.
- 158.*Phố Tân Nam 1*: Từ phố Tân Nam 2 đến phố Tân Nam 10; chiều dài 200m, chiều rộng 10,5m.
- 159.*Phố Tân Nam 2*: Từ phố Tân Nam đến phố Thiệu Thốn; chiều dài 155m, chiều rộng 10,5m.
- 160.*Phố Tân Nam 3*: Từ ngõ Nam Thượng đến phố Tân Nam 10; chiều dài 145m, chiều rộng 10,5m.
- 161.*Phố Tân Nam 4*: Từ phố Tân Nam 10 đến phố Tân Nam 3; chiều dài 145m, chiều rộng 10,5m.
- 162.*Phố Tân Nam 5*: Từ ngõ Nam Đồng đến phố Tân Nam 10; chiều dài 135m, chiều rộng 10,5m.
- 163.*Phố Tân Nam 6*: Từ phố Tân Nam 5 đến phố Tân Nam 3; chiều dài 147m, chiều rộng 10,5m.
- 164.*Phố Tân Nam 8*: Từ phố Tân Nam 5 đến phố Tân Nam 3; chiều dài 146m, chiều rộng

10,5m

165.*Phố Tân Nam 10*: Từ phố Tân Nam 5 đến đường Chu Văn Lương; chiều dài 310m, chiều rộng 7,5 m.

166.*Phố Chu Văn Lương*: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Duy Tân; chiều dài 530m, chiều rộng 10,5 m.

167.*Phố Trần Thủ Độ*: Từ đường Đồng Lễ đến đại lộ Hùng Vương; chiều dài 655m, chiều rộng 10,5m.

168.*Phố An Biên*: Từ ngã tư đường An Biên đến đường Phù Lưu; chiều dài 640m, chiều rộng 10,5m.

169.*Phố Tiến Lực*: Từ đường Lý Nhân Tông đến đường Phú Thứ; chiều dài 960m; chiều rộng 10,5m.

170.*Phố Vạn Tiến*: Từ đường Lý Nhân Tông đến đường Phú Thứ; chiều dài 961m; chiều rộng 10,5m.

171.*Phố Quang Vinh*: Từ đường Đào Cam Mộc đến đường Phú Thứ; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.

172.*Phố Thành Công*: Từ đường Đào Cam Mộc đến đường Vạn Hạnh; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.

173.*Phố Thắng Lợi*: Từ đường Đô Dương đến đường Phú Thứ; chiều dài 700m; chiều rộng 10,5m.

**TÓM TẮT Ý NGHĨA CỦA TÊN ĐƯỜNG, PHÓ ĐẶT MỚI 2019
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THANH HÓA**

TT	TÊN ĐƯỜNG DỰ KIẾN	Ý NGHĨA TÊN ĐƯỜNG	NQ 90/2017
1.	Lê Lợi	Lê Lợi - Lê Thái Tổ (1385 -1433), quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Anh hùng dân tộc, vị Vua sáng lập ra nhà Hậu Lê.	214 trang 78
2.	Nam Sông Mã	Sông Mã, địa danh chỉ phần đất nằm phía Nam của bờ Sông Mã, hiện ở đây có con đường chạy qua phía này nên gọi là Đường Nam Sông Mã.	9 trang 21
3.	Võ Nguyên Giáp	Võ Nguyên Giáp (1911 - 2013), Võ Nguyên Giáp, quê Quảng Bình, là <i>Đại tướng đầu tiên, Tổng tư lệnh của Quân đội Nhân dân Việt Nam, cũng là người chỉ huy đầu tiên Quân đội Nhân dân Việt Nam.</i>	108 trang 64
4.	Hùng Vương	Hùng Vương (?-?), quê tỉnh Phú Thọ, là cách gọi các vị vua nước Văn Lang của người Lạc Việt.	435 Tr110
5.	Nguyễn Hoàng	Nguyễn Hoàng (1525-1613), quê làng Gia Miêu, huyện Hà Trung, là Chúa đầu tiên của dòng họ Nguyễn	136 trang 68
6.	Nguyễn Duy Hiệu	Nguyễn Duy Hiệu (1847- 1887), quê làng Thanh Hà, huyện Duyên Phúc (nay là xã Cẩm Hà, thị xã Hội An), tỉnh Quảng Nam, là một chí sĩ và là một lãnh tụ trong phong trào Cần Vương chống Pháp ở Quảng Nam.	128 trang 67
7.	Tây Đô	Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ còn có tên là Tây Giai - Tây Đô, thuộc hai xã Vĩnh Long, Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc. Thành xây năm 1397. Thành nhà Hồ trước đây là Kinh đô của nước Đại Ngu, hiệu là Việt Nam thời nhà Hồ nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa, gần quốc lộ 45, cách Hà Nội khoảng 150 km.	20 trang4 (Thành Tây Giai)
8.	Trịnh Kiểm	Trịnh Kiểm (1503 -1570) tức Thế Tổ Minh Khang Thái Vương, quê ở làng Sóc Sơn, nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng tướng Thái quốc công thời Lê Trung hưng và cũng là người mở đầu sự nghiệp nắm quyền của Họ Trịnh	175 trang 73
9.	Lạc Long Quân	Lạc Long Quân là <i>nhân vật truyền thuyết Việt Nam.</i> Lạc Long Quân là con trai của Kinh Dương Vương, Ông được xem là vị vua của nhà nước sơ khai Xích Quỷ trước Văn Lang.	284 trang 87
10.	Nguyễn Thiếp	Nguyễn Thiếp (1723-1804), quê ở Cương Gián (Nghị Xuân, Hà Tĩnh), là <i>danh sĩ cuối đời Hậu Lê và Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam.</i>	330 trang 94
11.	Âu Cơ	Theo truyền thuyết bà Âu Cơ thuộc dòng giống tiên lấy Lạc Long Quân thuộc dòng giống Rồng.	48 trang 57
12.	Nguyễn Kim	Nguyễn Kim (1468- 1545), quê ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là An Thành hầu thời	183 trang 74

		Lê sơ, Ông Tổ dòng họ Nguyễn, người có công khôi phục Nhà Lê.	
13.	Văn Tiến Dũng	Văn Tiến Dũng (1917- 2002), quê Hà Nội, là Đại tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam.	74 trang 60
14.	Quang Trung	Quang Trung (1753 -1792), quê tỉnh Bình Định, là niên hiệu của Nguyễn Huệ, lãnh tụ kiệt xuất của phong trào Tây Sơn, nhà quân sự thiên tài, anh hùng dân tộc.	399 trang 105
15.	An Dương Vương	Thục Phán An Dương Vương (thế kỷ III TCN), quê tỉnh Cao Bằng, là thủ lĩnh bộ lạc Âu Việt đất Văn Lang, là một vị vua đã lập nên đất nước Âu Lạc và cũng là vị vua duy nhất cai trị nhà nước này.	434 trang 110
16.	Nguyễn Đình Thuần	Nguyễn Đình Thuần (1636-1672), quê làng Phù Lưu, xã Phù Lưu, tổng Quảng Chiêu, phủ Đông Sơn, nay thuộc xã Đông Tân, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Hữu Đô Đốc Thượng tướng quân Thiệu Quận công thời Lê Trung hưng.	208 trang 141
17.	Trường Xuân	Trường Xuân - Tên gọi của kinh đô xưa: Kinh đô Trường Xuân thuộc địa phận hai xã Đông Ninh và Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Năm 618 Lê Ngọc là Thái thú quận Cửu Chân đã phát động nhân dân chống lại Nhà Đường. Lê Ngọc tự xưng là Hoàng Đế, xây dựng kinh đô ở đây.	14 trang 7
18.	Trịnh Huy Quang	Trịnh Huy Quang (1909-1974), quê làng Phúc Tường, tổng Sóc Sơn, phủ Quảng Hóa (nay thuộc làng Nghĩa Kỳ, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	157 trang 135
19.	Nguyễn Hữu Cảnh	Nguyễn Hữu Cảnh (1650 – 1700), quê làng Gia Miêu, huyện Hà Trung, Thanh Hóa, là Cai cơ, Thống suất thời chúa Nguyễn.	26 trang 54
20.	Hoàng Nghiêu	Hoàng Nghiêu, là căn cứ kháng chiến của nhân dân vùng Nam Thanh Hóa, Bắc Nghệ An trong những năm 1416 đến 1421 do Nguyễn Chích lãnh đạo chống lại quân Minh xâm lược	7 trang 7
21.	Nguyễn Đình Ngân	Nguyễn Đình Ngân (1890 - 1967), bút danh Châu Nham, quê ở làng Phụng Đình, tổng Từ Quang, xã Hoàng Anh (nay là phường Tào Xuyên), thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là chí sĩ yêu nước, Hiệu trưởng trường Quốc tử giám triều Nguyễn Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Kháng chiến Liên khu IV.	133 trang 131
22.	Dương Xá	Làng Dương Xá, xã Thiệu Dương, nay thuộc thành phố Thanh Hóa, nơi lưu giữ Dấu tích thành Tư Phố, sau đó là thành Dương Xá - đô thị cổ của Thanh Hóa.	21 trang 23
23.	Tư Phố	Thành Tư Phố - Trán thành Thanh Hóa ngày xưa nay thuộc xã Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa.	102 trang 30
24.	Nguyễn Doãn Cháp	Nguyễn Doãn Cháp (1905 – 1976), Quê xã Hoàng Giang huyện Hoàng Hóa - 1 Đảng viên Đảng cộng sản của tỉnh Hà Nam, đã được xứ ủy Bắc Kỳ cử về Thanh Hóa bắt mối với một số a Tổ chức Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội cũ để tiến hành xây dựng tổ chức Đảng Cộng	22 trang 117

		sản. Từ giữa năm 1930 trở đi, đồng chí Nguyễn Doãn Cháp đã lần lượt tổ chức thành lập được 3 Chi bộ cộng sản đầu tiên ở trong tỉnh, đó là: Chi bộ Hàm Hạ (vào ngày 25/6/1930), Chi bộ Thiệu Hóa (vào ngày 10/7/1930) và Chi bộ Thọ Xuân (vào ngày 22/7/1930). Sau đó, đến ngày 29/7/1930, đồng chí đã thay mặt Thượng cấp triệu tập 11 đại biểu của 3 chi bộ trên tại làng Yên Trường (nay là xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân) để thành lập ra Đảng bộ Cộng sản tỉnh Thanh Hóa.	
25.	Nguyễn Thị Lợi	Nguyễn Thị Lợi (1911-1950), quê ở Châu Phú, Châu Đốc, tỉnh An Giang, bà là Điệp viên tham gia đánh đắm tàu Amyot D'Inville Pháp ở Sầm Sơn.	9 trang 112
26.	Nguyễn Phúc Chu	Nguyễn Phúc Chu (1675-1725), quê gốc ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là vị Chúa thứ sáu của Dòng họ Nguyễn, người có công mở cõi đất phương Nam.	44 trang 56
27.	Dương Đình Nghệ	Dương Đình Nghệ (?-937), quê ở làng Giàng, Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là người lãnh đạo Cuộc Kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược lần thứ nhất (931), giành quyền tự chủ cho đất nước, rồi tự xưng là Tiết độ sứ.	238 trang 81
28.	Lý Thiên Bảo	Lý Thiên Bảo (499?-555), quê Thái Bình, là người khôi phục lại triều Lý Nam Đế. Ông là anh trai Lý Nam Đế, sau thất bại của Lý Bí (546) Triệu Quang Phục lấy Đàm Dạ Trạch (Hưng Yên) làm căn cứ xưng Triệu Việt Vương chống giặc. Lý Thiên Bảo dẫn 1 cánh quân lui vào miền Trung, tập hợp nghĩa binh, đánh Đức Châu (Hà Tĩnh), giết Thứ sử nhà Lương là Trần Văn Giới rồi kéo quân ra vây đánh ở Ái Châu. Hoảng sợ trước sự tan rã của chính quyền đô hộ, Trần Bá Tiên kéo đại quân tiến đánh. Do quá chênh lệch lực lượng, Lý Thiên Bảo rút lên vùng Thượng Du, lấy động Dã Năng (Bàn Đào- Bá Thước nay) làm căn cứ xưng là Đào Lang Vương. Nghĩa quân được nhân dân hết lòng đùm bọc, sau khi mất được nhân dân nhiều nơi ở Bá Thước, Hoàng Hóa lập đền thờ. Năm 555, Thiên Bảo mất, Lý Phật Tử (em họ) lên thay, sử cũ gọi là Hậu Lý Nam Đế.	9 trang 52
29.	Lý Nhân Tông	Lý Nhân Tông (1066-1127), tên là Lý Càn Đức sinh tại kinh đô Thăng Long, Hà Nội. Ông là con của Lý Thánh Tông và Nguyên Phi Ỗ Lan, Ông lên ngôi khi mới 7 tuổi, làm vua đến năm 1127 thì mất, trở thành Ông vua trị vì lâu nhất trong lịch sử Việt Nam. Thời kỳ Lý Nhân Tông trị vì là thời kỳ đất nước thái bình thịnh trị vào bậc nhất trong triều Lý và cũng là của lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam.	367 trang 100
30.	Đào Cam Mộc	Đào Cam Mộc (?-1015), quê xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là Đại thần của nhà Tiền Lê, công thần khai quốc nhà Lý, được phong tước Nghĩa Tín hầu.	235 trang 81
31.	Đô Dương	Đô Dương, quê ở Thanh Hóa, Ngay từ đầu khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Ông tập hợp dân binh ở vùng dọc theo sông Mã của các huyện: Thiệu Hóa, Đông Sơn, Vĩnh Lộc	77 trang 60

		ra hội quân với Hai Bà Trưng. Khi căn cứ Cẩm Khê bị vỡ, Hai Bà hi sinh, Ông cùng Chu Bá tổ chức lực lượng còn lại của nghĩa quân vừa đánh địch, vừa lui về Cửu Chân để tiếp tục kháng chiến. Chiếm được Giao Chỉ, Mã Viện biết được nghĩa quân rút về Cửu Chân. Tháng 12/43, bèn cho đại binh theo hai đường thủy, bộ kéo vào đàn áp, chém giết, bắt bỏ hơn 500 người. Đô Dương bị giặc bắt. Mùa Xuân năm 44, sau trận quyết chiến tại núi Trịnh (Hà Trung) để bảo vệ Tư Phố (làng Giàng, Thiệu Dương), nghĩa quân của Chu Bá cũng thất bại trước đội quân thiện chiến áp đảo của quân giặc, bèn rút lui về rừng sâu phía Tây Thanh Hóa (Cửu Chân) dần tan rã.	
32.	Vạn Hạnh	Vạn Hạnh (929-1018), quê thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, là tên một vị thiền sư người Việt có nhiều đóng góp trong việc mở ra triều đại nhà Lý, một trong những triều đại nổi bật nhất trong lịch sử Việt Nam.	116 trang 65
33.	Trường Chinh	Trường Chinh (1907-1988), tên thật là Đặng Xuân Khu, quê xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, từng giữ chức Tổng bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (lần thứ nhất giai đoạn 1941-1956, lần thứ hai 1986), Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1960-1975), Chủ tịch Quốc hội (khóa V, VI).	42 trang 56
34.	Tổ Hữu	Tổ Hữu (1920- 2002), tên thật là Nguyễn Kim Thành, quê làng Phù Lai, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, từng giữ chức Bí thư Trung ương Đảng (1960), Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng... Năm 1981, Phó Chủ tịch, rồi Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng, ông từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa	150 trang 69
35.	Phạm Văn Đồng	Phạm Văn Đồng (1906 -2000), quê ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, là Thủ tướng đầu tiên của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1976 (từ năm 1981 gọi là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) cho đến khi nghỉ hưu năm 1987.	101 trang 63
36.	Võ Chí Công	Võ Chí Công (1912-2011), tên thật là Võ Toàn, quê làng Tam Mỹ, tổng Phú Quý, phủ Tam Kỳ, nay là thôn Khương Mỹ, xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Năm 1975, Ông được cử làm Phó ban Đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ở miền Nam. Đến tháng 12 năm 1976, Ông được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị, giữ chức Phó Thủ tướng, sau Ông được cử làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thường trực Ban Bí thư. Từ tháng 4 năm 1987, Ông làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng.	47 trang 57
37.	Lê Nhân Tông	Lê Nhân Tông (1441-1459), tên thật là Lê Bang Cơ, quê Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là vua thứ ba nhà Lê sơ, là vị hoàng đế thứ ba của nhà Hậu Lê trong lịch sử Việt Nam.	366 trang 100

38.	Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Công Trứ (1778 -1858), hiệu Ngô Trai, Hy Văn, quê làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông đỗ giải nguyên (1819), làm tri huyện rồi đến Tổng đốc, Thượng thư nhưng đầy chìm nổi, có lúc bị cách làm lính. Ông có tài thao lược, có công khai hoang lấn biển vùng Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình; lập ra các huyện mới: Tiền Hải, Kim Sơn... Ông còn là nhà thơ tài hoa, sáng tác nhiều bài ca trù nổi tiếng. Ông là một vị quan văn - võ song toàn, đã đóng góp nhiều công lao cho đất nước.	400 trang 105
39.	Lê Cao	Lê Cao (thế kỷ XV-XVI), quê ở Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hoa (nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), <i>là nhà thơ của Đại Việt thế kỷ XV-XVI.</i> Ông là con thứ ba của vua Lê Thánh Tông, được phong tước Đường Vương và là nhà thơ của Đại Việt thế kỷ XV-XVI. Ông để lại 5 bài thơ được chép trong Toàn Việt thi lục.	14 trang 116
40.	Lê Dụ Tông	Lê Dụ Tông (1639- 1731), tên húy là Lê Duy Đường quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), <i>là vị vua thứ mười một của nhà Lê Trung hưng.</i> Lê Dụ Tông là con trai trưởng của vua Lê Hy Tông. Ông được vua cha truyền ngôi vào tháng 4 năm 1705. Trong 24 năm (1705 - 1729) trị vì của Ông, có thể coi là thời kỳ khá ổn định, thịnh trị của nhà Lê Trung hưng. Năm 1729, vua Lê Dụ Tông bị chúa Trịnh Cương ép nhường ngôi cho Thái tử Lê Duy Phường rồi ra ở cung Kiền Thọ, xưng là Thuận Thiên thừa vận Hoàng thượng. Vua mất năm 1731. Hiện vua được an táng tại xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	365 trang 100
41.	Lê Hiến Tông	Lê Hiến Tông (1461-1504), quê Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, <i>là Vua thứ sáu nhà Lê sơ.</i> Ông ở ngôi tổng cộng 07 năm, từ năm 1497 đến năm 1504. Lê Hiến Tông kế nghiệp Lê Thánh Tông, mến chuộng văn học, tiết kiệm tiêu dùng, thận trọng hình phạt, luôn gần gũi bề tôi. Ông có tên húy Lê Tranh. Ông là người chú trọng chăm sóc bảo vệ đề điều, đào sông, khai ngòi, đắp đường, trông coi việc nông trang làm ruộng, trồng dâu nuôi tằm... Ông chú ý đến giáo dục quan lại chống thói quan liêu và tham nhũng. Trong những năm Lê Hiến Tông trị vì, đất nước yên ổn không có loạn lạc.	370 trang 100, 101
42.	Ngô Thuyền	Ngô Thuyền (1910- 1994), tức Ngô Văn Tuyền, quê quán ở làng Tân Bình, xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, <i>có giai đoạn là Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.</i>	214 trang 142
43.	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Chí Thanh (1914-1967), tên thật là Nguyễn Vịnh, quê ở làng Niệm Phò, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, là một tướng lĩnh là một tướng lĩnh có nhiều	318 Tr92

		công lao trong xây dựng Quân đội Nhân dân Việt Nam và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong tổ chức Đảng và chính quyền Việt Nam.	
44.	Lê Lai	Lê Lai (? - 1419), người thôn Dựng Tú, huyện Lương Giang (nay là làng Tép), xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, được truy tặng là Thiếu úy dưới thời Lê sơ.	186 Tr74
45.	Hà Huy Tập	Hà Huy Tập (1906 -1941), quê làng Kim Nặc, tổng Thổ Ngọa, nay là xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, là một nhà cách mạng Việt Nam, Tổng Bí thư thứ ba của Đảng Cộng sản Việt Nam.	308 trang 81
46.	Đỗ Huy Cừ	Đỗ Huy Cừ (1746 - 1828), sau đổi tên là Đỗ Huy Tuấn, người làng Đông Hương, huyện Đông Sơn (nay thuộc xã Đông Hương, thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi, niên hiệu Canh Hưng 36 (1775) đời Lê Hiến Tông, làm quan đến chức Hàn lâm viện Hiệu thảo, đi sứ sang nhà Thanh.	33 trang 118
47.	Bạch Đằng	Sự kiện Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng (938): Trận chiến Bạch Đằng là một trận quyết chiến có chiến lược lớn trong lịch sử chiến tranh Việt Nam, một bước phát triển rực rỡ của nghệ thuật quân sự Việt Nam. Kết thúc hơn 1000 năm đô hộ của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kỳ phát triển Quốc gia phong kiến độc lập.	26 trang 48
48.	Chương Dương	Chiến thắng Chương Dương: Đây là cuộc chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần 2 (1285), Trận Chương Dương – Thăng Long có 1 vị trí to lớn. Đây là trận then chốt quyết định thắng lợi của quân dân nhà Trần với quân xâm lược Mông - Nguyên ngay trên mảnh đất kinh thành Thăng Long.	09 Tr45
49.	Hàm Tử	Hàm Tử (Cửa Hàm Tử): nơi xảy ra trận Hàm Tử trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285 của quân dân Đại Việt. Trận đánh quyết chiến giữa đội quân của Chiêu Văn Vương, Trần Nhật Duật tiêu diệt và quét sạch 50 vạn quân Nguyên ra khỏi bờ cõi, giải phóng hoàn toàn Đại Việt.	07 Tr45
50.	Ái Sơn	Ái Sơn, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa.	02 Tr21
51.	Sơn Vạn	Sơn Vạn, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa.	85 Tr28
52.	Đồng Lễ	Đồng Lễ, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa.	40 Tr24
53.	Trần Nhân Tông	Trần Nhân Tông (1258-1308), quê Nam Định, là vị hoàng đế thứ ba của Vương triều Trần trong lịch sử Việt Nam, trị vì từ năm 1278 đến năm 1293, Ông được nhiều sử gia đánh giá là một vị vua anh minh, đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển bền vững của Đại Việt cuối thế kỷ XIII, cũng như việc bảo vệ nền độc lập và mở rộng cương thổ đất nước.	368 Tr100
54.	Lê Niệm	Lê Niệm (? - 1486), quê làng Dựng Tú, sách Đức Giang, huyện Lương Giang (nay là xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc,	254 Tr83

		tỉnh Thanh Hóa), Ông là Võ quan, làm quan đến chức Nhập nội Đô đốc, Đồng bình Chương sự, Tri Đông Đạo chư Vệ quân dưới thời Lê sơ.	
55.	Nguyễn Phục	Nguyễn Phục(?-?), quê xã Đoàn Tùng, huyện Trường Tân, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương (nay là Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương) quê ở tỉnh Hải Dương), đỗ Tiến sĩ năm Quý Dậu (1453), làm quan dưới thời nhà Lê sơ trong lịch sử Việt Nam.	275 Tr86
56.	Vệ Đà	Vệ Đà, tên làng cổ của phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa.	104 Tr30
57.	Vệ Yên	Vệ Yên, tên làng cổ của phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa.	105 Tr30
58.	Đỗ Đại	Đỗ Khuyển (1399 – 1459), tên húy của Ông là Đỗ Đại, còn gọi là Lê Khuyển, quê ở làng Đa Mỹ huyện Cổ Lôi (nay là thôn Thịnh Mỹ, xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân), là danh tướng của khởi nghĩa Lam Sơn làm quan đến chức Nhập nội kiểm hiệu Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự dưới thời Lê sơ.	174 Tr73
59.	Lê Hưng	Quận công Lê Hưng (thế kỷ XV), quê ấp Vệ Đà, giáp Vệ Yên, Thanh Hóa. Ông là người tham gia phò Lê diệt Mạc (thế kỷ XVI) và lập nhiều công lớn.	84 Tr125
60.	Phù Lưu	Phù Lưu, tên làng cổ, vùng đất cổ xưa của Thành phố Thanh Hóa	80 Tr28
61.	Yên Ngựa	Yên Ngựa, tên làng cổ của thành phố Thanh Hóa, chữ nho xưa là Mã Yên Sơn, nay thuộc phường Hàm Rồng.	108 Tr30
62.	Phượng Hoàng	Phượng Hoàng, tên núi nằm trong dãy núi Hàm Rồng.	81 Tr28
63.	Tiên Sơn	Động Tiên Sơn, nằm trên Núi Hàm Rồng, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa. Động có 3 - 4 tầng, thường được gọi là động 1, động 2, động 3. Ở mỗi Động có nét đẹp độc đáo riêng gắn với truyền thuyết tích Phật, tích Tiên, "Hoa quả sơn", "Hội bàn đào tiên".	98 Tr29
64.	Định Hòa	Định Hòa, là tên làng hiện nay, trước kia là Định Hương, trên đường thiên lý từ Nam ra Bắc, nay thuộc phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa.	26 Tr23
65.	Lê Thành	Lê Thành (? - 1426), người làng Đình Hương, xã Đông Khối, tổng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn (nay là xã Đông Cương, thành phố Thanh Hóa), là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, Thái úy thời Lê sơ.	319 Tr93
66.	Đại Khối	Đại Khối, là tên làng từ thế kỷ XIX, xưa có tên là Đại Côi.	22 Tr23
67.	Thanh Chương	Thanh Chương, tên gọi của làng cổ, đất cổ xưa của thành phố Thanh Hóa.	92 Tr29
68.	Chi Lăng	Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang (1427): Sau một loạt thất bại nặng nề, nhà Minh cử viện binh chia làm 2 đạo quando Liễu Thăng và Mộc Thạnh chỉ huy tiến sang Đại Việt. Khi Liễu Thăng cầm đầu 10 vạn quân vượt biên giới tiến vào vùng Lạng Sơn, quân ta vừa đánh vừa rút lui để nhử địch vào trận địa mai phục ở Ai Chi Lăng (Lạng Sơn); tại đây đội quân tiên phong của địch bị quân ta tiêu diệt gọn, tướng giặc bị chém chết bên sườn núi Mã	04 Tr44

		Yên. Cuối cùng chúng phải đóng quân tại cánh đồng Xương Giang. Tại đây, ngày 3/11/1427 quân địch đã bị quân ta bao vây tiêu diệt gọn (địa bàn Lạng Sơn).	
69.	Ngọc Mai	Ngọc Mai, tên gọi của làng cổ, đất cổ xưa nay thuộc phường Quảng Thành của thành phố Thanh Hóa.	68 Tr27
70.	Vĩnh Yên	Vĩnh Yên, tên gọi của làng cổ, đất cổ xưa của thành phố Thanh Hóa.	106 Tr30
71.	Đồng Cuốn	Đồng Cuốn, tên gọi thể hiện một tập quán canh tác đồng ruộng lần lượt từ xa đến gần.	28 Tr23
72.	Đồng Khoai	Đồng Khoai, tên vùng đất chuyên trồng khoai lang, thu hoạch nhiều chất lượng ngon. Nay thuộc xã Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa	33 Tr24
73.	Bùi Khắc Nhất	Bùi Khắc Nhất (1533-1609), người làng Bột Thái, nay là xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Võ quan Thượng thư thời Lê Trung hưng.	250 trang 83
74.	Phú Thù	Phú Thù, tên làng cổ, vùng đất cổ xưa thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa.	77 Tr28
75.	Đặng Việt Châu	Đặng Việt Châu (1914 - 1990), tên thật là Đặng Hữu Rạng, quê xã Nam Trung, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, là <i>chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa</i> . Tháng 3/1947, Ông được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian lãnh đạo tại Thanh Hóa, Ông đã yêu cầu các cấp đẩy mạnh công tác phá đường giao thông, cầu cống, nhà cửa cao tầng ở thị xã tản cư về vùng nông thôn xây dựng cuộc sống mới và tham gia kháng chiến. Từ năm 1950, Ông được Đảng và Bác Hồ giao đảm nhiệm nhiều trọng trách liên quan đến lĩnh vực kinh tế - tài chính: Thứ trưởng Bộ Công thương, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kế hoạch Nhà nước; Bộ trưởng Bộ Tài chính; Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách khối tài mậu kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước; Bộ trưởng Ngoại thương, sau làm cố vấn cấp cao của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng.	2 trang 111
76.	Trần Bảo	Trần Bảo (1908 - 1983), quê ở tỉnh Nam Định, <i>từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa</i> . Năm 1936, nhờ Mặt trận Bình dân Pháp lên cầm quyền và thực thi một số chính sách tiến bộ, Ông và nhiều bạn tù được trả tự do để tiếp tục hoạt động. Ông đã được Trung ương chỉ định tham gia Xứ ủy Bắc Kỳ để chỉ đạo các tỉnh Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình. Cuối năm 1939, đầu năm 1940 Ông bí mật vào Thanh Hóa để hoạt động tại Hoằng Hóa, rồi lên Thọ Xuân xây dựng, củng cố lại tổ chức cơ sở Đảng và cho ra tờ báo "Tự do" để tuyên truyền Cách mạng đến các cơ sở và tại đây, Ông cũng đứng ra thành lập một "Tỉnh ủy lâm thời" do Ông làm Bí thư. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, Ông được Trung ương điều động lên công tác tại Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam với cương vị Bí thư Đảng Đoàn (1976 - 1981). Năm 1971, Ông được bầu là đại biểu Quốc hội khóa IV (1971 - 1975) và giữ chức Ủy viên Ban thường vụ Quốc hội. Năm 1983, Ông từ trần, thọ 75 tuổi.	1 trang 111

77.	Nguyễn Văn Huệ	Nguyễn Văn Huệ (1910-2009), quê Vụ Bản tỉnh Nam Định, mẹ là người làng Đông Mỹ, xã Hà Tân Hà Trung, <i>là một trong số những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.</i> Sau hòa bình lập lại, Ông từng đảm nhận chức vụ Phó Chủ tịch UBHC tỉnh Thanh Hóa trong nhiều năm rồi nghỉ hưu và mất năm 2009. Tài sản lớn nhất là chiếc xe đạp và hơn 200 bài thơ cùng các bài tham huấn về xây dựng Đảng.	7 trang 112
78.	Lưu Đô	Lưu Đô (1923-1984), quê xã Nga Thắng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	54 trang 121
79.	Đặng Văn Hỷ	Đặng Văn Hỷ (1916 – 2003), quê ở làng Cao Mật (nay thuộc xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, <i>là lão thành Cách mạng, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính Kháng chiến tỉnh Thanh Hóa, Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.</i> Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 trở đi, Đặng Văn Hỷ đã từng trải qua nhiều cương vị công tác như Chủ tịch UBND lâm thời huyện Vĩnh Lộc, đại biểu Quốc hội khóa I, Cán bộ Văn phòng Trung ương Đảng, Chánh án tòa phúc thẩm Hải Phòng, Thẩm phán tòa án tối cao...	85 trang 125
80.	Trịnh Ngọc Diệt	Trịnh Ngọc Diệt (1917-1993), quê ở làng Ngọc Trung, tổng Thử Cốc, phủ Thiệu Hóa (nay thuộc xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, <i>từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là một trong số những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.</i> Đây cũng là lúc đồng chí Tổ Hữu thoát khỏi nhà tù đế quốc về Thanh Hóa hoạt động (rồi làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa từ tháng 3/1944 đến lúc chuẩn bị khởi nghĩa, sau đồng chí Tổ Hữu được Trung ương điều động vào Thừa Thiên Huế công tác, Trịnh Ngọc Diệt (khi chưa đầy 30 tuổi) đã được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa. Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Ông được giao giữ nhiều trọng trách như Xứ ủy viên Liên khu IV, Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Thanh Hóa, Phó đại diện thương mại của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Pháp. Từ 1967 - 1981 là Phó Bí thư Đảng ủy và Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải, đại biểu Quốc hội khóa II.	52 trang 121
81.	Nguyễn Văn Hồ	Nguyễn Văn Hồ (1908-1984), quê làng Phong Cốc (nay thuộc xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, <i>là một trong số những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.</i>	79 trang 125
82.	Ngô Đức	Ngô Đức (1905-1981), quê làng Ngò, tổng Xuân Lai, phủ Thiệu Hóa (nay thuộc thôn Đông Chí, xã Thiệu Minh, huyện Thiệu Hóa), tỉnh Thanh Hóa, <i>từng giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, là một trong số những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.</i>	57 trang 122
83.	Bùi Đạt	Bùi Đạt (1903- 1977), quê xã Thịnh Lộc, huyện Hậu Lộc,	48 trang

		tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là một trong những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tiêu biểu tỉnh Thanh Hóa.	120
84.	Lê Chủ	Lê Chủ (1901-1980), quê ở làng Yên Lộ, tổng Phù Chẩn, phủ Thiệu Hóa (nay thuộc xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa), tỉnh Thanh Hóa, <i>từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.</i>	32 trang 118
85.	Nguyễn Đôn Tiết	Nguyễn Đôn Tiết (1836-1886), người làng Thọ Vực, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hóa, là Tri phủ thời nhà Nguyễn và là lãnh tụ phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	Nguyễn Đôn Tiết
86.	Lê Hữu Kiều	Lê Hữu Kiều (1915 – 1989), bí danh là Tăng Ích, quê ở xã Hoằng Phúc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, <i>là Bí thư Xứ ủy lâm thời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương ở Nam Kỳ.</i>	182 trang 74
87.	Nguyễn Cẩn	Nguyễn Cẩn (1537- 1585), quê ở xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, đỗ Đệ nhất giáp Tiến sĩ xuất thân, là Hình khoa Độ cấp sự trung thời Lê Trung Hưng.	19 trang 117
88.	Trần Quốc Toàn	Trần Quốc Toàn (1267 – 1285), quê Nam Định, <i>là một tông thất nhà Trần, sống ở thời kỳ trị vì của Trần Nhân Tông.</i>	361 trang 99
89.	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Thái Bình (1948 - 1972), quê xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Là một sinh viên phản chiến Việt Nam bị bắn chết tại phi trường Tân Sơn Nhất do âm mưu của CIA vu cho tội khủng bố không chế một chiếc máy bay của Mỹ. Sau cái chết, anh trở thành một biểu tượng cho phong trào phản chiến của sinh viên miền Nam Việt Nam vào thập niên 70 của thế kỷ XX.	17 trang 53
90.	Nguyễn Trinh Cơ	Nguyễn Trinh Cơ (1915- 1985), quê ở xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, <i>là Giáo sư, Tiến sĩ Y học.</i> Trong kháng chiến chống Pháp là một trong những người có công gây dựng nền Y học trong quân đội. Ông làm Viện trưởng viện phẫu thuật Trung ương. Sau năm 1954, Ông là giáo sư, Hiệu trưởng trường đại học Y khoa Hà Nội, Chủ tịch Hội ngoại khoa Việt Nam. Ông đã góp sức đào tạo nhiều thế hệ thầy thuốc và để lại nhiều công trình khoa học quý giá về Y học đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước.	49 trang 57
91.	Trần Hữu Duyệt	Trần Hữu Duyệt (1906- 1953), quê xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Cuối năm 1952, Trần Hữu Duyệt được Trung ương điều chuyển ra Việt Bắc, công tác trong Cục Quân giới của Bộ Quốc phòng, sau đó Trung ương điều động về làm Thứ trưởng Bộ Nội thương, sau là Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là đại biểu Quốc hội khóa II. Gần 4 năm làm Bí thư Tỉnh ủy và có lúc kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thanh Hóa. Trần Hữu Duyệt đã để lại dấu ấn, niềm tin trong lòng đồng chí và nhân dân. Năm 1986, Ông mất.	3 trang 111

92.	Nguyễn Hữu Dật	Nguyễn Hữu Dật (1603–1668), quê ở làng Gia Miêu, xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là Võ tướng làm quan tới chức Bố chính dưới thời Chúa Nguyễn, có công mở rộng vùng đất phương Nam, nổi tiếng vùng Nam Bộ.	57 trang 58
93.	Đặng Thí	Đặng Thí (1921 - 2001), quê quán ở xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, <i>từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.</i> Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, V, VI, Ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và là đại biểu Quốc hội khóa I đến khóa VII. Ông mất vào ngày 16/12/2001.	21 trang 114
94.	Nguyễn Đức Nhuận	Nguyễn Đức Nhuận: quê Nghệ An, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy lâm thời ở Khu vực Thị xã Thanh Hóa, Hoàng Hóa, Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa năm 1940.	13 trang 113
95.	Nguyễn Hữu Khiếu	Nguyễn Hữu Khiếu (1915- 2004), quê quán ở thôn Tường Văn, xã Thiệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, <i>từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.</i>	8 trang 112
96.	Võ Nguyên Lượng	Võ Nguyên Lượng (1915- 1974), Võ Nguyên Lượng quê quán ở huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, <i>từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.</i>	10 trang 112
97.	Ngô Đức Mậu	Ngô Đức Mậu (1908- 1987), Ngô Đức Mậu quê xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, <i>từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là một trong những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.</i>	11 trang 112
98.	Thành Thái	Thành Thái (1879-1954) , quê gốc tại Gia Miêu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, <i>là Vua thứ mười của triều Nguyễn.</i>	313 trang 92
99.	Nghiêm Quý Ngãi	Nghiêm Quý Ngãi (1918- 1983), Nghiêm Quý Ngãi quê gốc ở làng Hòa Xá, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông (nay là thành phố Hà Nội), từ nhỏ đã theo gia đình về sống tại làng Hương Nhượng (nay thuộc xã Thọ Hải), huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa, <i>từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là một trong số những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.</i>	14 trang 113
100.	Hồ Viết Thắng	Hồ Viết Thắng (1918 -1998), quê ở xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, <i>là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, trưởng ban Nông vận, có thời gian giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.</i>	19 trang 114
101.	Nguyễn Văn Thân	Nguyễn Văn Thân (1923 - 2008), quê ở xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, <i>có giai đoạn làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.</i>	20 trang 114
102.	Thiều Thốn	Thiều Thốn (1326- 1380), người xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, <i>là Thượng tướng quân, Thượng tể kiêm Trưởng Kim Ngô vệ thời Trần.</i> Thiều Thốn là người có tư chất thông minh, đọc thông kinh sử hơn cả các nho sinh. Tuy tuổi thiếu niên mà lời nói đã anh hùng chí khí. Lớn lên, Ông theo đường "cung kiếm" dốc lòng giúp vua Trần Dụ Tông dẹp giặc, giữ	334 trang 95

		yên bờ cõi, sau được bổ dụng làm quan, trong quá trình làm quan Ông nổi tiếng là thanh liêm, công danh trù thiên hạ, trung dũng khắp triều đình.	
103.	Đào Tiêu	Đào Tiêu (?-?), quê xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ trạng Nguyên khoa Ất Hợi, niên hiệu Bảo Thái thứ 3 (1275) đời vua Trần Thánh Tông, sách Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 5 - kỷ nhà Trần chép “Ất Hợi năm thứ 3, Mùa Xuân tháng 2, mở khoa thi chọn học trò. Ban đỗ trạng Nguyên Đào Tiêu” Không rõ Ông làm quan đến chức gì, chỉ biết sau này khi chết Ông được phong Phúc thần.	357 trang 99
104.	Lê Phụ Trần	Lê Phụ Trần (?-?), quê huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là một danh tướng của triều đại nhà Trần, phục vụ các triều Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông. Ông thuộc dõi Lê Hoàn, là cha đẻ Trần Bình Trọng.	382 trang 102
105.	Nguyễn Văn Bích	Nguyễn Văn Bích (1620- 1706), quê xã Bất Quân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, nay là xã Quảng Thịnh, TP. Thanh Hóa, là người được cử đi sứ sang nhà Thanh. Năm 42 tuổi, Ông đỗ Bảng Nhãn khoa Kỷ Hợi. Ông từng đi sứ sang nhà Thanh, làm quan đến chức Lễ bộ, Tả Thị lang, Nhập thị kinh diện, tước Tử. Sau khi mất, Ông được truy tặng Công bộ Thượng thư, tước Thọ Xương hầu.	7 trang 115
106.	Nguyễn Phúc Nguyên	Nguyễn Phúc Nguyên (1563 - 1635), người làng Gia Miêu Ngoại Trang nay thuộc xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là vị Chúa thứ hai của dòng họ Nguyễn.	247 trang 82
107.	Nguyễn Phúc Lan	Nguyễn Phúc Lan (1601- 1648), quê ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung (nay là Hà Long, huyện Hà Trung) tỉnh Thanh Hóa, là vị chúa thứ ba của dòng họ Nguyễn.	190 trang 75
108.	Nguyễn Phúc Khoát	Nguyễn Phúc Khoát (1714- 1765), quê gốc Gia Miêu, huyện Tống Sơn, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa), là Chúa thứ tám của dòng họ Nguyễn.	168 trang 72
109.	Khương Công Phụ	Khương Công Phụ (731-805), người làng Sơn Ôi, xã Cổ Hiền(nay là làng Tường Vân, xã Định Thành), huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là Giám nghị Đại phu, Đồng trung thư môn hạ Bình chương sự đời Đường.	261 trang 84
110.	Hoàng Đạo Thành	Hoàng Đạo Thành (?-1908), tên thật là Cung Đạo Thành, hiệu Cúc Lữ quê ở làng Kim Lũ, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, nay là quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, là một sử gia Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và là một chí sĩ hoạt động trong Phong trào Duy Tân. Ông là cha của nhà văn hóa Hoàng Đạo Thúy. Ông đỗ Cử nhân, ra làm giáo thụ ở các huyện rồi làm tri huyện, tri phủ và thương tá tỉnh Bắc Ninh.	320 trang 93
111.	Trương Huy	Trương Huy Dực (1761 - 1832), quê ở xóm Xoang, xã Khúc Phụ, tổng Ngọc Chuế (nay là làng Phú Xuân, xã	44 trang

	Dực	Hoàng Đông, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa), là <i>Tổng đốc thời Nguyễn</i> . Năm 1832, vua Minh mệnh mở yến tiệc ban thưởng, phong Ông giữ chức Tổng đốc Hà Ninh. Nhưng sau khi dự yến tiệc, Ông bị đột tử ngay đêm đó tại hoàng cung.	120
112.	Nguyễn Phúc Khê	Nguyễn Phúc Khê (1589 - 1646), quê Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là <i>Tổng trấn Chính dinh thời chúa Nguyễn</i> .	91 trang 126
113.	Lê Ngọc	Lê Ngọc (?-?), còn có tên là Lê Cốc, quê tỉnh Thanh Hóa. Tổ tiên của Lê Ngọc làm quan từ đời Tấn. Đời Tùy được bổ Thái úy quận Cửu Chân. Cuối đời Tùy nổi lên cát cứ, xây thành trì ở Đông Phố (Đông Hòa, Đông Sơn nay) cho xây sinh phần, dựng bia ở làng Trường Xuân (xã Đông Ninh nay). Bia dựng năm 618 ca ngợi Lê Cốc. Khi nhà Tùy bị nhà Đường tiêu diệt, Ông lập căn cứ ở Đồng Pho, xưng Hoàng Đế, cùng 3 con trai, 1 gái kháng chiến chống nhà Đường. Khi mất, Ông cùng vợ và các con được tôn làm phúc thần nhiều làng ở Đông Sơn, Nông Cống. Trong đó, con thứ hai là Tham xưng tá quốc – tức chàng Út (Át), đại vương bị tử trận, được tôn là Đức Thánh Lưỡng.	6 trang 50
114.	Hoàng Quốc Việt	Hoàng Quốc Việt (1905-1992), tên thật là Hạ Bá Cang, quê Đáp Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (ngay nay là phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh), là một chính khách, đảm nhiệm các vai trò Bí thư Tổng bộ Việt Minh, Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ.	431 trang 109
115.	Ngô Thì Nhậm	Ngô Thì Nhậm (1746-1803), còn gọi là Ngô Thời Nhiệm, tự là Hy Doãn, hiệu là Đạt Hiên, người làng Tả Thanh Oai, ngày nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội, là <i>danh sĩ, nhà văn đời Hậu Lê- Tây Sơn, người có công lớn trong việc giúp triều Tây Sơn đánh lui quân Thanh</i> .	249 trang 83
116.	Trịnh Tùng	Trịnh Tùng (1550- 1623), quê ở làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là <i>vị Chúa đầu tiên của dòng họ Trịnh</i> .	414 trang 107
117.	Thôi Hữu	Thôi Hữu (1919-1950), có tên Nguyễn Đắc Giới, quê huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa.	151 trang 70
118.	Trịnh Doanh	Trịnh Doanh (1720- 1767), quê ở làng Sóc Sơn (nay là xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa), là <i>vị chúa thứ bảy của dòng họ Trịnh</i> .	66 trang 59
119.	Trịnh Cương	Trịnh Cương (1686–1729), người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là <i>vị chúa thứ năm của dòng họ Trịnh</i> .	55 trang 58
120.	Trịnh Căn	Trịnh Căn (1633–1709), người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là <i>vị chúa thứ tư của dòng họ Trịnh</i> .	31 trang 55
121.	Trịnh Tạc	Trịnh Tạc (1606 - 1682), quê ở làng Sóc Sơn (nay thuộc huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là <i>vị chúa thứ ba của dòng họ Trịnh</i> .	177 trang 137

122.	Trịnh Tráng	Trịnh Tráng (1577 - 1657), quê ở làng Sóc Sơn (nay thuộc xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa), <i>là vị chúa thứ hai của dòng họ Trịnh.</i>	381 trang 102
123.	Lê Phụ	Lê Phụ (1446-1525), quê Thanh Hóa. Ông sinh ra trong một gia đình quan lại dưới triều Lê. Ông thông minh học hành đỗ đạt và được bổ nhiệm làm quan dưới triều Lê Thánh Tông, giữ chức Thượng thư bộ binh coi việc tùy binh, dân binh kiêm thái sử, thái sự. Ông có 7 người con trai tham gia triều chính cùng góp sức cùng cố xây dựng nhà Lê.	153 trang 134
124.	Nguyễn Hữu Liêu	Nguyễn Hữu Liêu (thế kỷ XVIII), quê gốc ở làng Nguyệt Viên (nay thuộc xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa), <i>là Thái úy thời Lê Trung hưng.</i>	110 trang 128. 129
125.	Hoàng Đình Ái	Hoàng Đình Ái (1527-1607), quê làng Biện Thượng, huyện Vĩnh Phúc (nay thuộc xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa), <i>là tướng có công giúp nhà Lê Trung hưng.</i> Ông là con nhà cậu của Lương Quốc Công Trịnh Kiểm, là người có học thức, thông binh pháp. Trong thời gian nhà Lê Trung hưng ở Thanh Hóa chống Mạc Ông lập nhiều công lớn, được phong Quảng Tây Hầu. Năm 1577, đời Lê Thế Tông Ông được phong Thái Phó. Cũng trong năm này, quân Mạc do Mạc Kính Điển chỉ huy lại vào đánh phá, Ông tham gia và phá tan được giặc ở Cẩm Thủy, Đường Sơn. Năm 1581, tướng Mạc Đôn Nhượng thống lĩnh các đạo quân kéo vào đánh phá, vượt đường biển đến huyện Quảng Xương, đóng quân ở núi Đường Nang. Ông được cử thống lĩnh các tướng đem quân chống giặc. Ông họp các tướng chia làm ba đạo, cùng dẫn quân tiến đánh, còn mình tự đốc đại quân, ra hiệu lệnh tiến quân giáp trận với quân Mạc và thắng lớn. Năm 1599, Lê Kính Tông lên ngôi, Ông được gia phong làm Đồng bình chương sự, cho tham dự việc triều chính. Ông mất năm 1607, thọ 81 tuổi, được truy phong Mậu Nghĩa Công, ban tên thụy là Hậu Đức, cho khắc bia " thần đạo " để ghi công.	1 trang 51
126.	Lê Ngân	Lê Ngân (?-1437), quê ở xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa, <i>là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Đại Tư đồ dưới thời Lê sơ.</i>	132 trang 131
127.	Lê Trang Tông	Lê Trang Tông (1514- 1548), có tên là Lê Duy Ninh, quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, <i>là vị Vua đầu tiên của nhà Lê Trung hưng.</i>	377 trang 101, 102
128.	Nguyễn Đình Giản	Nguyễn Đình Giản (thế kỷ XVIII), quê ở làng Vĩnh Trị, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, <i>là võ tướng Thượng thư dưới thời Lê Trung hưng.</i>	59 trang 122
129.	Bùi Bị	Bùi Bị (khoảng thế kỷ XV), quê ở Hào Lương, huyện Lương Giang (nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), <i>là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, được ban tước Huyện hầu dưới thời Lê sơ.</i>	14 trang 53
130.	Đinh Bồ	Đinh Bồ (?-1427), quê tại sách Thủy Cối nay thuộc xã	18 trang

		Minh Tiên, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Danh tướng cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, là Thượng tướng quân thời Lê sơ.</i> Ông là em Đinh Lễ, anh Đinh Liệt, là cháu bên ngoại của Lê Lợi.	53
131.	Phạm Cuồng	Phạm Cuồng (1367-?), quê ở huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, là người có mặt từ buổi đầu Lam Sơn khởi nghĩa.	53 trang 58
132.	Lê Thiếu Dĩnh	Lê Thiếu Dĩnh (thế kỷ XV), quê ở hương Lão Lạt, huyện Thống Bình, châu Ái, trấn Thanh Đô (nay thuộc huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa), là <i>An phủ sứ và là nhà ngoại giao thời Lê sơ.</i>	65 trang 59
133.	Nguyễn Công Duẩn	Nguyễn Công Duẩn (thế kỷ XV), quê ở làng Gia Miêu Ngoại Trang, nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là <i>danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, là Thái bảo Hoành công dưới thời Lê sơ.</i>	70 trang 60
134.	Phạm Đốc	Phạm Đốc (1514 - 1559), quê ở Thọ Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là <i>võ quan làm quan đến chức Thượng thư dưới thời Lê Trung hưng.</i>	98 trang 63
135.	Lê Lâm	Lê Lâm (1428 -1433), quê ở xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, là <i>con Trung Túc vương Lê Lai, ông từng lập nhiều công lớn nên được xếp vào hạng thứ ba trong số các vị Khai Quốc Công thần.</i>	195 trang 76
136.	Lê Duy Mật	Lê Duy Mật (1738- 1770), quê ở Lam Sơn, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là <i>thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa nông dân (khởi nghĩa Lê Duy Mật) chống lại chúa Trịnh vào giữa thế kỷ XVIII.</i>	230 trang 80
137.	Phạm Đức Kỳ	Phạm Đức Kỳ (thế kỷ XVI), quê ở thôn Trụ, Tào Xuyên xã Hoằng Lý, Hoằng Hóa, Thanh Hóa, là <i>một võ tướng, Thủy quân hầu thời Lê Trung hưng.</i>	94 trang 126,127
138.	Lê Trung Giang	Lê Trung Giang (? - 1600), quê ở xã Hoằng Ngọc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là <i>Phụ quốc Thượng tướng quân, Đề đốc Tĩnh quận công thời Lê Trung hưng.</i> Ông là người có tài thao lược, với ý tưởng bảo vệ sự thống nhất Quốc gia nhà Lê. Ông giữ nhiều trọng trách dưới 4 triều vua. Là người có công với vua, với nước được thể hiện bằng tấm lòng “ Trung quân ái quốc”.	60 trang 122
139.	Nguyễn Nhữ Lãm	Nguyễn Nhữ Lãm (1378- 1437), quê ở xã Văn Xá, huyện Thanh Liêm, phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Hà Nam), sau dời đến làng Thịnh Mỹ huyện Cổ Lôi (nay thuộc Thọ Diên, huyện Thọ Xuân), Thanh Hóa, là <i>Thượng thư lệnh, Hữu Bộc xạ, tước Kiểm giáo Thái bảo Đình thượng hầu thời Lê sơ.</i>	187 trang 74,75
140.	Phạm Công Trứ	Phạm Công Trứ (1600 - 1675), quê làng Liêu Xuyên, tổng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương, (nay thuộc thôn Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên), là <i>tể tướng nhà Lê Trung hưng trong lịch sử Việt Nam.</i> Ông là một công thần, một nhà chính trị tài năng của	401 trang 105

		chúa Trịnh, là một trong 39 người "phò tá có công lao tài đức" thời Trung hưng, làm đến chức Quốc lão, Thái bảo Yên Quận công.	
141.	Nguyễn Thị Anh	Nguyễn Thị Anh (1422 -1459), quê xã Bồ Vệ, huyện Đông Sơn, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa, <i>là phi tần của hoàng đế Lê Thái Tông, mẹ đẻ của hoàng đế Lê Nhân Tông, là Thần phi, Thái hậu nhiếp chính thời Lê Sơ.</i>	5 trang 51,52
142.	Võ Quyết	Võ Quyết (1921-1979), tên thật là Vũ Đình Thôn, quê thôn Mỹ Xuyên, tổng Cao Mật, phủ Quảng Hóa (nay là xã Vĩnh yên, huyện Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, <i>là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.</i> Năm 1950, trực tiếp làm Bí thư Liên chi bộ cơ xưởng tỉnh Thanh Hóa. Tháng 1 năm 1956, là Ủy viên Ủy ban Hành chính và là Ủy viên Thường trực Ủy ban. Năm 1959, Võ Quyết là Chủ tịch Hội Văn nghệ, Trưởng ty Văn hóa và Thông tin. Ông là Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh từ năm 1969 đến lúc qua đời năm 1979 tại Thanh Hóa.	167 trang 136
143.	Minh Hiệu	Minh Hiệu (1924-2000), quê huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, <i>là nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu văn hóa lớn của tỉnh Thanh Hóa, được tặng giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật.</i>	70 trang 123
144.	Nguyễn Văn Huyền	Nguyễn Văn Huyền (1908-1975), hiệu Huy Vân quê thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Nội); <i>là một Giáo sư, Tiến sĩ, nhà sử học, nhà dân tộc học, nhà giáo dục, nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam. Ông cũng là người giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Việt Nam.</i>	145 trang 69
145.	Yên Trường	Làng Yên Trường, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, là nơi thành lập Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa (29/7/1930).	15 trang 3
146.	Lê Huy Toán	Lê Huy Toán (1890-1942), quê quán ở làng Mao Xá, xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, <i>từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là một trong số những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.</i>	225 trang 143
147.	Lý Nam Đế	Lý Nam Đế (503 – 548), còn gọi là Lý Bôn, quê Thái Bình, là vị vua đầu tiên của nhà Tiền Lý và nước Vạn Xuân.	90 trang 62
148.	Phan Đình Phùng	Phan Đình Phùng (1847 -1895), hiệu Châu Phong, quê làng Đông Thái, huyện La Sơn nay là xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, là nhà thơ, lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh).	227 trang 86
149.	Tôn Thất Thuyết	Tôn Thất Thuyết (1839 - 1913), quê ở tỉnh Thừa Thiên Huế, là quan phụ chính đại thần dưới triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam, là một trong những quan nhà Nguyễn chống Pháp tiêu biểu nhất, cùng vua Hàm Nghi phát động phong trào Cần Vương.	346 trang 97
150.	Hoàng Hoa Thám	Hoàng Hoa Thám (1845-1913), thường gọi là Đề Thám, quê Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Thế chống Pháp (1885–1913).	315 trang 92

151.	Hà Văn Nho	Hà Văn Nho (? – 1892), quê xã Văn Nho, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, là Cai tổng thời nhà Nguyễn, Lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	143 trang 133
152.	Đinh Chương Long	Đinh Chương Long (?-?), quê ở thôn Lộc Tiên, xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, từng tham gia Phong trào Cần Vương chống Pháp và Khởi nghĩa Ba Đình	113 trang 129
153.	Mai Hắc Đế	Mai Hắc Đế (? – 722), tên thật là Mai Thúc Loan, quê Hà Tĩnh, là vị vua người Việt thời Bắc thuộc, anh hùng dân tộc, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống lại sự chiếm đóng của nhà Đường ở Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ VIII.	89 trang 62
154.	Phùng Hưng	Phùng Hưng (? – 789), người làng Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây (nay thuộc xã Đường lâm, thành phố Sơn Tây, Hà Nội), là lãnh tụ một cuộc nổi dậy chống lại sự đô hộ của nhà Đường thời Bắc thuộc lần thứ ba (602 - 905) trong lịch sử Việt Nam,	146 trang 69
155.	Nguyễn Xuân Thúy	Nguyễn Xuân Thúy (1900-1989), quê làng Phong Cốc, tổng Thử Cốc, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	210 trang 141
156.	Phạm Thị Ngọc Trần	Phạm Thị Ngọc Trần (? - 1425), quê ở sách Quần Đới, huyện Lôi Dương (nay thuộc xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, bà là vợ vua Lê Thái Tổ, chăm lo hậu cần cho khởi nghĩa Lam Sơn trong những năm đầu và là người dâng minh cho thần nhân giúp vua Lê Thái Tổ hoàn thành sự nghiệp lớn.	383 trang 102
157.	Phạm Văn Xảo	Phạm Văn Xảo (?-?), quê ở Hà Nội, là Khai quốc công thần nhà Hậu Lê.	436 trang 110
158.	Trần Quang Huy	Trần Quang Huy (1922 - 1995), quê ở làng Quảng Xá, tổng Bồ Đức, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Quốc hội.	82 Tr125
159.	Lê Bá Giác	Lê Bá Giác(thế kỷ XV- XVI), người làng Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, nay thuộc thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng giáp năm Mậu Thìn(1508), là Đô Ngự sử thời Lê sơ.	58 Tr122
160.	Phú Liên	Phú Liên, tên làng cổ, vùng đất cổ xưa của Thành phố Thanh Hóa, nay là tên đường thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa.	75 Tr28
161.	Lê Chân	Lê Chân (?-?), quê làng An Biên, Đông Triều, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương (nay thuộc thôn An Biên, xã Thủy An, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh), là nữ tướng của Hai Bà Trưng, là người có nhan sắc, giỏi võ nghệ lại có tài thơ phú nên tiếng đồn đến tai Thái thú nhà Hán là Tô Định	35 Tr55
162.	Nguyễn Bính	Nguyễn Bính (1918-1966), tên thật là Nguyễn Trọng Bính, quê ở tỉnh Nam Định, là một nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam.	16 Tr53
163.	Nguyễn Xiển	Nguyễn Xiển (1907-1997), quê ở tỉnh Nghệ An, là một	438

		nhà khoa học, đồng thời cũng là một chính khách Việt Nam, giữ chức Chủ tịch Ủy ban Hành chính Bắc bộ, Tổng Thư ký Đảng Xã hội Việt Nam (1956-1988), Phó Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam (1960 - 1987).	Tr110
164.	Triệu Quang Phục	Triệu Quang Phục (? – 571), hay Triệu Việt Vương, người huyện Chu Diên thuộc vùng đất phía Đông Hà Nội giáp ranh các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, là vị Vua cai trị từ năm 548 đến năm 571.	276 Tr86
165.	Nguyễn Bặc	Nguyễn Bặc (thế kỷ X), quê gốc ở Gia Viễn - Ninh Bình, là Thủy Tổ họ Nguyễn ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn (nay thuộc xã Hà Long, huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng của Đinh Bộ Lĩnh, có công giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, là Đinh Quốc Công.	10 Tr52
166.	Tú Xương	Trần Tế Xương (1870-1907), còn có tên Tú Xương, quê huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, là nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam.	441 Tr111
167.	Lê Văn An	Lê Văn An (1384–1437), quê ở làng Mục Sơn (nay là xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là Danh tướng của Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, là Nhập đội Đại Tư mã, Đô đốc Tổng quản thời Lê sơ.	03 Tr51
168.	Cù Chính Lan	Cù Chính Lan (1930-1952), quê xã Quỳnh Lôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, có công trong trận tấn công cứ điểm Giang Mô, anh đã một mình đuổi theo xe tăng Pháp, nhảy lên thành xe, ném lựu đạn vào buồng lái để tiêu diệt xe, được phong danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân của Việt Nam.	188 Tr75
169.	Hải Triều	Hải Triều (1908- 1954), làng An Cựu, xã Thủy An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Ông là một trong những chiến sĩ xuất sắc của Đảng trên mặt trận Văn hóa - Văn nghệ. Ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (1962).	389 Tr103
170.	Hàn Mặc Tử	Hàn Mặc Tử (1912-1940), tên thật là Nguyễn Trọng, quê làng Lệ Mỹ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, lớn lên ở Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Ông là nhà thơ nổi tiếng, khởi đầu cho dòng thơ lãng mạn hiện đại Việt Nam.	420 Tr108
171.	Nguyễn Khắc Viện	Nguyễn Khắc Viện (1913 - 1997), quê xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, là một bác sĩ Nhi khoa nhà nghiên cứu văn hóa và tâm lý- Y học- Giáo dục nổi tiếng của Việt Nam. Ông là người lãnh đạo phong trào Việt kiều yêu nước tại Pháp, được giải thưởng Nhà nước Việt Nam của Viện Hàn lâm Khoa học Pháp.	430 Tr109
172.	Trần Oanh	Trần Oanh (1927-1986), quê ở Làng Ngọc Đường, xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa, là cố xạ thủ bắn súng giỏi nhất Thế giới ở thế kỷ XX tổ chức tại Tiệp Khắc, đã được phong Danh nhân Thể thao Quốc tế.	146 Tr133
173.	Trần Đức	Trần Đức (1917-1950), quê ở xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.	03 Tr150

174.	Võ Thị Sáu	Võ Thị Sáu (1933 -1952), quê tại xã Phước Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa nay thuộc xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, là nữ du kích trong Kháng chiến chống Pháp ở Việt Nam, người nhiều lần thực hiện các cuộc mưu sát nhắm vào các sĩ quan Pháp và những người Việt cộng tác đắc lực với chính quyền thực dân Pháp tại miền Nam Việt Nam.	290 Tr88
175.	Hồng Nguyên	Hồng Nguyên (1924 -1951), tên khai sinh là Nguyễn Văn Vượng, quê xã Đông Thọ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là nhà Cách mạng, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam.	246 Tr82
176.	Trần Thị Nam	Trần Thị Nam (1876- 1966), quê Hưng Yên. Bà là thành viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh Niên, từng là Ủy viên Ủy ban Cách mạng Lâm thời tỉnh Thanh Hóa.	12 Tr113
177.	Nguyễn Hiệu	Nguyễn Hiệu (1674-1735), quê làng Lan Khê, huyện Nông Công, (nay là thôn Phương Khê, xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư, Tham tụng thời Lê Trung hưng.	127 Tr67
178.	Xuân Diệu	Ngô Xuân Diệu (1916-1985), bút danh là Xuân Diệu, quê huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, là một trong những nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam.	63 Tr59
179.	Phan Đình Giót	Phan Đình Giót (1922-1954), quê quán làng Tam Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, là một trong 16 anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân được tuyên dương vì thành tích trong Chiến dịch Điện Biên Phủ.	109 Tr64
180.	Trịnh Thị Ngọc Lữ	Trịnh Thị Ngọc Lữ (?-?), quê xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là Thần phi (vợ của Lê Lợi), giúp Lê Lợi trong việc lo toan chuẩn bị hậu cần, tiếp đãi tân khách, tập hợp nghĩa sĩ bốn phương dưới ngọn cờ khởi nghĩa do Lê Lợi khởi xướng.	217 Tr78
181.	Đinh Liệt	Đinh Liệt (?-1471), người vùng Lam Sơn, huyện Thọ Xuân Thanh Hóa, là công thần khai quốc nhà Lê, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Bình chương quân quốc trọng sự dưới thời Lê sơ.	200 Tr76
182.	Lê Khôi	Lê Khôi (?- 1447), quê ở Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng xuất sắc trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Thiếu úy, Tư không dưới thời Lê sơ.	170 Tr72
183.	Lê Tất Đắc	Lê Tất Đắc (1906- 1999), quê xã Bút Sơn, tổng Bút Sơn, phủ Hoằng Hóa (nay thuộc xã Hoằng Phúc, huyện Hoằng Hóa), tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	50 Tr121
184.	Trần Huy Liệu	Trần Huy Liệu (1901-1969), quê huyện Vụ Bản, Nam Định, là một nhà văn, nhà hoạt động Cách mạng, nhà sử học, nhà báo Việt Nam.	202 Tr77
185.	Nguyễn Xuân Khoát	Nguyễn Xuân Khoát (1910-1993), quê Hà Nội, là nhạc sĩ và là Chủ tịch đầu tiên của Hội Nhạc sĩ Việt Nam. Ông	169 Tr72

		được coi là Người anh cả, là Cánh chim đầu đàn của nền âm nhạc mới Việt Nam.	
186.	Tây Ga	Tây Ga, khu vực phía Tây nhà Ga Thanh Hóa	90 trang 29
187.	Nguyễn Sơn	Nguyễn Sơn (1908-1956), tên thật là Vũ Nguyên Bác, quê tại làng Kiều Ky, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Là một trong những người được phong quân hàm tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam đợt đầu tiên vào năm 1948. Ông cũng được Trung Quốc phong quân hàm tướng vào năm 1955 nên còn được gọi là Lương quốc tướng quân (Tướng quân hai nước).	299 Tr90
188.	Nhữ Bá Sĩ	Nhữ Bá Sĩ (1788 – 1867), quê ở làng Cát, xã Cát Xuyên, nay là Hoàng Cát, Hoàng Hóa, Thanh Hóa, là Lang trung, giáo thụ, nhà thơ, nhà văn, nhà giáo, sĩ phu yêu nước thời Nguyễn	291 Tr88
189.	Thế Lữ	Thế Lữ (1907- 1989), tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ, quê Hà Nội, là nhà thơ, nhà văn, nhà hoạt động sân khấu Việt Nam.	216 Tr78
190.	Việt Bắc	Việt Bắc, là căn cứ địa vùng chiến khu gồm 6 tỉnh (Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên) trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954).	08 Tr1
191.	Lý Đạo Thành	Lý Đạo Thành (?-1081), quê làng Cổ Pháp, huyện Đông Ngàn (nay là phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh), là quan Tể tướng, đại thần phụ chính dưới hai triều vua nhà Lý là Lý Thánh Tông và Lý Nhân Tông.	321 Tr93
192.	Đào Đức Thông	Đào Đức Thông (1921- 1947), quê Thanh Hóa, là kỹ sư nông học, Đại biểu Quốc hội khóa I, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng Dân chủ Việt Nam. Ông là hiệu trưởng Trường Đào Đức Thông Thanh Hóa.	336 Tr95
193.	Nguyễn Trinh Tiếp	Nguyễn Trinh Tiếp (1924-1967), quê ở Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ông là một trong những nhà tham gia sáng chế ra súng SKZ - 60, được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học - Công nghệ.	355 Tr98
194.	Lê Thế Long	Lê Thế Long (1893 – 1936), quê làng Hàm Hạ, tổng Kim Khê (nay thuộc xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa, từng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, là Chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	115 Tr129
195.	Hồ Nguyên Trùng	Hồ Nguyên Trùng (thế kỷ XIV - XV), quê ở làng Đại Lại (nay là xã Hà Đông, huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là con trưởng của Hồ Quý Lý, là Tả Tướng quốc thời Hồ.	405 Tr106
196.	Trịnh Thị Ngọc Trúc	Trịnh Thị Ngọc Trúc (1595- 1660), quê ở xã Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Hoàng hậu của Lê Thần Tông và là nữ văn sĩ của Việt Nam thế kỷ XVII.	396 Tr104
197.	Ngọc Nữ	Ngọc Nữ, ngọn núi nhỏ ở phía Nam núi Mật Sơn có hình dáng giống người con gái đẹp nên gọi là núi Ngọc Nữ, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.	69 Tr27
198.	Kim Đồng	Kim Đồng (1929-1943), tên thật là Nông Văn Dền, dân	102 Tr63

		tộc Nùng, quê ở bản Nà Mạ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng gần hang Pác Bó, là người Đội trưởng đầu tiên của tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.	
199.	Chùa Đại Bi	Chùa Đại Bi ở thôn Mật Sơn xã Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, do vua Lê Huyền Tông lập lên để thờ vua cha và các vị Thánh Mẫu.	10 Tr22
200.	Lai Thành	Lai Thành, có từ thời vua Lê Thế Tông (1573 – 1599), nơi đây trước gọi là thôn Quốc Thích thuộc xã Đông Hương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa; đến thời Nhà Nguyễn gọi là Lai Thành.	56 Tr26
201.	Lễ Môn	Lễ Môn, ban đầu có tên là Lễ Xá, sau mới đổi tên là Lễ Môn, khẳng định vị trí “Cửa dòng Sông Lễ”. thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa	57 Tr26
202.	Nguyễn Thị Định	Nguyễn Thị Định (1920-1992), còn gọi là Ba Định, quê xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, là Nữ tướng đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam.	93 Tr62
203.	Đồng Cổ	Đồng Cổ, là tên một ngôi đền nổi tiếng thuộc làng Đan Nê, xã Yên Thọ, huyện Yên Định, nơi đây thờ thần Đồng Cổ hay còn gọi là thần trống đồng, thần đã theo giúp vua Hùng đánh giặc ở Hồ Tồn. Khi thắng trận trở về, Vua Hùng vào Đền làm lễ tạ ơn, cho đúc trống đồng và phong cho thần là "Đồng Cổ Đại Vương".	07 Tr36
204.	Quyết Thắng	Đồi Quyết Thắng, trước kia có tên là núi Cánh Tiên, trên đỉnh núi có bố trí một trận địa phòng không để bảo vệ cầu Hàm Rồng, từ trên cao lưới lửa phòng không giăng đầy trời, khiến những “Thần Sấm, Con Ma” của Mỹ bị cháy tan xác.	31 Tr24
205.	Đồng Khôi	Đồng Khôi, nơi có Di chỉ khảo cổ học tại thôn Đồng Khôi, xã Đông Cương, thành phố Thanh Hóa, là công xưởng chế tác đồ đá có niên đại thuộc hậu kỳ thời đại đồ đá mới.	34 Tr24
206.	Hạc Oa	Hạc Oa, tên làng có từ thế kỷ XIX, nay là xã Đông Cương, thành phố Thanh Hóa	44 Tr25
207.	Đồng Thổ	Đồng Thổ, tên cổ xưa của làng. Thành ngữ 'Đồng Thổ cứng đầu' nói lên tính cách của người làng từ xa xưa chống lại bọn quan lại phong kiến, hương lý cường hào áp bức dân chúng.	39 Tr24
208.	Chùa Tăng Phúc	Chùa Tăng Phúc, chùa có phong cảnh đẹp, nằm trên địa bàn phường Đông Cương, Thành phố Thanh Hóa.	13 Tr22
209.	Tây Sơn	Tây Sơn, là phong trào khởi nghĩa chống chúa Nguyễn ở Đàng Trong vào cuối thế kỷ XVIII và cũng là một triều đại phong kiến Việt Nam từ năm 1771 đến năm 1802.	24 trang 48
210.	Phú Chung	Phú Chung, tên đường thuộc phường Phú Sơn thành phố Thanh Hóa	73 trang 28
211.	Phú Thượng	Phú Thượng, tên đường thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa.	78 trang 28
212.	Nguyễn Nhữ Soạn	Nguyễn Nhữ Soạn (1391- 1448), quê huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nam đạo Hành khiển dưới	295 trang 89

		thời Lê sơ.	
213.	Đặng Tiến Đông	Đặng Tiến Đông (1738-1803), quê ở làng Lương Xá, huyện Chương Mỹ, Hà Nội, làm quan thời Lê-Trịnh, sau đầu quân Tây Sơn và trở thành danh tướng của Nguyễn Huệ.	100 trang 63
214.	Thọ Hạc	Thọ Hạc, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa.	96 trang 29
215.	Trần Xuân Soạn	Trần Xuân Soạn (1849- 1923), người làng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn, nay thuộc thành phố Thanh Hóa, là Đề đốc thời Nguyễn, Lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa.	296 trang 89
216.	Quán Giò	Làng Quán Giò được thành lập vào cuối thế kỷ XVII, làng có nghề làm hương truyền thống. Nay thuộc phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa.	82 trang 28
217.	Từ Đạo Hạnh	Từ Đạo Hạnh (1072-1116), tục gọi là Đức thánh Láng, quê Bắc Ninh, là một Thiền sư nổi tiếng thời nhà Lý.	115 trang 65
218.	Lý Thái Tông	Lý Thái Tông (1000-1054), tên là Phật Mã, sinh tại kinh đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, là vị Hoàng đế thứ 2 của Triều đại nhà Lý ở ngôi 26 năm (1028 - 1054), được đánh giá là vị hoàng đế tài giỏi, thời đại của Ông được xem là khởi đầu sự thịnh vượng của nhà Lý.	372 trang 101
219.	Minh Không	Minh Không (1066–1141), tên hiệu Nguyễn Minh Không, còn có tên gọi là Lý Quốc Sư, quê làng Đàm Xá, phủ Tràng An (nay là làng Diên Xá, xã Gia Thắng, Gia Viễn, Ninh Bình), là một vị cao tăng đứng đầu tổ chức Phật giáo của triều đại nhà Lý trong lịch sử, được xem là vị thiền sư sáng lập nên nhiều ngôi chùa nhất ở Việt Nam và được tôn vinh là Ông tổ nghề đúc đồng.	171 trang 72
220.	Trần Đại Nghĩa	Trần Đại Nghĩa (1913–1997), tên thật Phạm Quang Lễ, quê xã Chánh Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, là kỹ sư quân sự, một nhà khoa học lớn, nhà quản lý khoa học kỹ thuật cấp cao, “cha đẻ” của ngành Công nghiệp quốc phòng Việt Nam.	243 trang 82
221.	Tôn Quang Phiệt	Tôn Quang Phiệt (1900- 1973), quê xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, là nhà hoạt động chính trị, nhà sử học, nhà thơ, nhà giáo, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thanh Hóa, là chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa.	272 trang 86
222.	Hồ Đắc Di	Hồ Đắc Di (1900-1984), sinh ra tại Hà Tĩnh, quê ở làng An Truyền, xã Phú An, huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế, là một bác sĩ nổi tiếng ở Việt Nam.	58 trang 58
223.	Hoàng Xuân Viện	Hoàng Xuân Viện (1871- 1936), người làng Bồ Đầu, xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là sĩ phu yêu nước tiến bộ. làm Phó tướng phụ trách Đồn Mỹ Khê trong Cuộc khởi nghĩa Ba Đình.	267 trang 149
224.	Nguyễn Đức Thuận	Nguyễn Đức Thuận (1916-1985), tên thật là Bùi Phong Tư, quê làng Bàn Ngũ, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, là nhà Cách mạng Việt Nam, nguyên là Phó Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.	341 trang 96

225.	Nguyễn Thị Thập	Nguyễn Thị Thập (1908-1996), quê xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang), là một nhà Cách mạng nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (1956-1974).	326 trang 94
226.	Tô Hiệu	Tô Hiệu (1912-1944), quê thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, là một nhà Cách mạng Cộng sản Việt Nam.	129 trang 67
227.	Lê Hồng Sơn	Lê Hồng Sơn (1899 - 1933), tên thật Lê Văn Phan, quê làng Xuân Hồ, tổng Xuân Liễu, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, là nhà Cách mạng chống Pháp, người hỗ trợ cho Phạm Hồng Thái trong kế hoạch mưu sát toàn quyền Đông dương Merlin.	298 trang 89
228.	Lê Phụng Hiểu	Lê Phụng Hiểu (Thế kỷ XI), quê ở làng Bằng Sơn (nay là Hoàng Sơn), huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Đô thống Thượng tướng quân thời Lý.	126 trang 67
229.	Tân Nam	Tân Nam, khu nhà tái định cư của các gia đình thuộc diện giải phóng mặt bằng Thành phố để xây dựng công trình giao thông, văn hóa, dân sinh. Nằm trên địa bàn phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa.	83 Tr29
230.	Chu Văn Lương	Chu Văn Lương (1233 - 1293), quê Ông ở phường Nam Ngạn, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, có công trong kháng chiến chống Mông - Nguyên lần hai (1285) và lần ba (1287 - 1288), được phong chức Liệt hầu Đồng binh chương sự thời Trần.	218 Tr78
231.	Trần Thủ Độ	Trần Thủ Độ (1194-1264), quê huyện Hưng Hà, Thái Bình, là một nhà chính trị Đại Việt cuối thời Lý đầu thời Trần. Ông đóng vai trò quan trọng trong các sự kiện, lập nên nhà Trần, thu phục các thế lực người Man làm phản loạn và trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ nhất.	97 trang 63
232.	An Biên	An Biên, tên làng cổ, vùng đất cổ của Thành phố Thanh Hóa.	1 trang 21
233.	Tiến Lực	Tiến Lực, tên Hợp tác xã Thủ công nghiệp ở thị xã Thanh Hóa. Hợp tác xã được thành lập năm 1960 (sau đổi là Tiến Thịnh), chuyên sản xuất đồ mộc dân dụng và xe gỗ làm cày bừa, xe cải tiến phục vụ sản xuất nông nghiệp	99 trang 30
234.	Vạn Tiến	Vạn Tiến, tên Hợp tác xã Thủ công nghiệp ở thị xã Thanh Hóa, được thành lập vào năm 1960, chuyên làm đồ da như thắt lưng, ví, quai dép, dây đồng hồ.	103 trang 30
235.	Quang Vinh	Quang Vinh, tên hợp tác xã vận tải ở thị xã Thanh Hóa. Hợp tác xã được thành lập năm 1959.	83 trang 28
236.	Thành Công	Thành Công, tên Hợp tác xã thủ công nghiệp ở thị xã Thanh Hóa, được thành lập năm 1959.	94 trang 29
237.	Thắng Lợi	Thắng Lợi, tên Hợp tác xã của thị xã Thanh Hóa, chuyên làm bún và chăn nuôi lợn.	95 trang 29

PHỤ LỤC 2:
PHƯƠNG ÁN ĐẶT TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG NĂM 2019

Đề nghị đặt tên cho 16 công trình công cộng trên địa bàn thành phố gồm:

Bao gồm 4 công viên, vườn hoa và 12 cầu như sau:

1. *Vườn hoa Phan Chu Trinh*: Là công viên công cộng nằm tại Ngã tư Hạc Thành - Phan Chu Trinh; diện tích 2.400 m².
2. *Công viên Quảng Xá*: Là công viên công cộng tại khu đô thị Nam thành phố, phường Đông Vệ; diện tích 18.240 m².
3. *Công viên Bồ Vệ*: Là công viên công cộng tại khu đô thị Nam thành phố, phường Đông Vệ; diện tích 158.328 m².
4. *Công viên Tạnh Xá*: Là công viên công cộng nằm tại Khu tái định cư Đông Vệ 5, phường Đông Vệ; diện tích 20.820 m².
5. *Cầu vượt đường Nguyễn Chí Thanh*: Là cầu vượt qua đường Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ.
6. *Cầu vượt đường Trần Hưng Đạo*: Là cầu vượt qua đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Ngạn.
7. *Cầu vượt đường Lê Lai*: Là cầu vượt qua đường Lê Lai, phường Quảng Hưng.
8. *Cầu Bến Ngự*: Là cầu vượt qua sông Bến Ngự (phường Nam Ngạn), trên đại lộ Hùng Vương.
9. *Cầu Thống Nhất*: Là cầu vượt qua sông Thống Nhất (xã Quảng Phú), trên đại lộ Nam sông Mã.
10. *Cầu Định Hòa*: Là cầu vượt qua sông Hạc (phường Đông Cương), trên đường Lê Thành.
11. *Cầu Hợp Tiến*: Là cầu vượt qua sông Hạc (phường Đông Thọ), trên đường Lý Thiên Bảo.
12. *Cầu Thọ Hạc*: Là cầu vượt qua sông Hạc (phường Đông Cương), trên đường Vạn Lại – Yên Trường.
13. *Cầu Tạnh Xá 1*: Là cầu vượt qua sông Nhà Lê (phường Đông Vệ), nối đường Lạc Long Quân và đường Lê Thánh Tông.
14. *Cầu Tạnh Xá 2*: Là cầu vượt qua sông Nhà Lê (phường Đông Vệ), trên đường Âu Cơ.
15. *Cầu An Hoạch*: Là cầu vượt qua kênh Bắc (phường An Hoạch), trên phố Trần Bảo.
16. *Cầu Đông Hương 2*: Là cầu vượt qua sông Bến Ngự (phường Đông Hương) nối đường Hàm Nghi và đường Mai An Tiêm.

TÓM TẮT Ý NGHĨA CỦA TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG NĂM 2019

TT	TÊN CTCC DỰ KIẾN	Ý NGHĨA TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	NQ 90/2017
1	Phan Chu Trinh	Phan Chu Trinh (1872- 1926), quê ở Tam Kỳ, Quảng Nam. Ông là nhà thơ, nhà văn và là chí sĩ thời cận đại trong lịch sử Việt Nam.	392 trang 104
2	Quảng Xá	Quảng Xá, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.	84 trang 28
3	Bố Vệ	Bố Vệ, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.	7 trang 22
4	Tạnh Xá	Tạnh Xá, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa	86 trang 28
5	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Chí Thanh (1914-1967), tên thật là Nguyễn Vịnh, quê ở làng Niệm Phò, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, là một tướng lĩnh là một tướng lĩnh có nhiều công lao trong xây dựng Quân đội Nhân dân Việt Nam.	318 trang 93
6	Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo (? - 1300), tên thật là Trần Quốc Tuấn, còn được gọi là Hưng Đạo đại Vương, quê tỉnh Nam Định, là danh tướng, một anh hùng dân tộc kiệt xuất, một nhà chính trị, nhà văn cũng như là Tư lệnh tối cao chỉ huy quân đội thời nhà Trần	84 trang 61
7	Lê Lai	Lê Lai (? - 1419), người thôn Dục Tú, huyện Lương Giang (nay là làng Tép), xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, được truy tặng là Thiếu úy dưới thời Lê sơ.	186 trang 75
8	Bến Ngự	Tên địa danh thân quen, đã đi sâu vào tiềm thức nhân dân	5 trang 21
9	Thống Nhất	Tên địa danh thân quen, đã đi sâu vào tiềm thức nhân dân	8 trang 39
10	Định Hòa	Định Hòa, là tên làng hiện nay, trước kia là Định Hương, trên đường thiên lý từ Nam ra Bắc, nay thuộc phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa.	26 trang 23
11	Hợp Tiến	Hợp Tiến, hợp tác xã tôn thiếp Hợp Tiến, nơi đây tập hợp thợ thủ công tôn thiếp toàn thị xã và đào tạo nghề trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.	53 trang 26
12	Thọ Hạc	Thọ Hạc, tên làng Việt cổ, nay thuộc phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa.	96 trang 29
13	An Hoạch	Núi Nhồi tên chữ là núi An Hoạch cách trung tâm thành phố Thanh Hóa khoảng 3km về phía Tây, thuộc địa phận hai xã Đông Hưng và Đông Tân, thành phố Thanh Hóa. Bao quanh núi Nhồi gồm các núi quần tụ liền nhau, đó là núi Đống (phía Tây), núi Chân Thần (phía Tây Nam), núi Nấp (Quảng Nấp phía Nam), núi Chồng Mâm (núi Đình Thượng – phía Bắc).	13 trang 42
14	Đông Hương	Đông Hương, là một phường thuộc thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	32 trang 24

PHỤ LỤC 3:
TÓM TẮT LÝ LỊCH TÊN PHẠM VẤN

	Phạm Vấn	Phạm Vấn (?- 1436), quê ở thôn Nguyễn Xá (nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, Đại tướng quân thời Lê sơ.	427 trang 109
--	-----------------	---	---------------

PHỤ LỤC 4:
TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁC ĐỊA DANH ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG VÀO NGÂN HÀNG TÊN

TT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch
1	Vạn Lại - Yên Trường	Vạn Lại – Yên Trường là kinh đô kháng chiến của nhà Lê Trung Hưng. Năm 1546, sau khi giải phóng toàn bộ phần đất đai Thanh – Nghệ, Thái sư Trịnh Kiểm tìm đến sách Vạn Lại (cách Lam Kinh gần 7km về phía Đông, nay thuộc xã Xuân Châu – Thọ Xuân) để lập hành cung, sai đào hào, đắp lũy, xây dựng hành điện, mời vua Lê Trang Tông đến đóng tại đó. Năm 1553, cho rằng Vạn Lại gần Lam Kinh, địa thế chật hẹp, thấy xã Yên (An) Trường (nay thuộc xã Thọ Lập – Thọ Xuân) “bên tả có nhiều núi, bên hữu có sông to, cảnh tượng tươi đẹp”. Trịnh Kiểm cho dời hành điện đến đó, rước vua đến ở. Là kinh đô kháng chiến, Vạn Lại – Yên Trường được xây dựng, kiến thiết, thiết lập triều nghi: có chợ búa, trường thi, đàn Nam Giao. Yên Trường cách Vạn Lại gần 4km về phía Đông cũng được xây dựng, phố xá, trại lính, giải vũ, phủ dinh...tới vãn ngàn nóc nhà. Năm 1593 dẹp tan nhà Mạc vua về Thăng Long, Vạn Lại bị bỏ phế, nhưng cung phủ Yên Trường vẫn còn. Khi nội chiến Đảng Trong – Đảng Ngoài bùng nổ, các chúa Trịnh lại xây dựng phủ khố ở Yên Trường – nơi chứa quân lương của nhà Lê Trịnh. Đây cũng là nơi các vua Lê thường về lánh nạn mỗi khi ngai vàng bị uy hiếp (nên gọi là nghi kinh). Cho đến khi Tây Sơn ra Bắc, Yên Trường bị đánh phá hết (<i>Theo LSTH tập 3 – NXB KHXH HN 2002</i>).
2	Thủ Phác	Đường Thủ Phác được lấy tên từ làng Thủ Phác, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Làng Thủ Phác đã có từ khi mới hình thành và được nhân dân thường dùng. Đặt tên đường Thủ Phác là để các thế hệ sau này luôn nhớ về cội nguồn.
3	Đức Hậu	Đường Đức Hậu được lấy tên từ làng Đức Hậu. Làng Đức Hậu đã có từ khi mới hình thành và được nhân dân thường dùng, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Đặt tên đường Đức Hậu là để các thế hệ sau này luôn nhớ về cội nguồn..
4	Nhân Phong	Đường Nhân Phong được lấy tên từ làng Nhân Phong, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Làng Nhân phong đã có từ khi mới hình thành và được Nhân dân thường dùng. Đặt tên đường Nhân phong là để các thế hệ sau này luôn nhớ về cội nguồn.
5	Hung Thuận	Đường Hưng Thuận được lấy tên từ làng Hưng Thuận. Làng Hưng Thuận có từ khi mới hình thành, sau này làng đã đổi thành nhiều tên khác nhau, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Vì vậy, đặt tên đường Hưng Thuận là để gọi nên một làng cổ từ xưa để các thế hệ sau này luôn nhớ về cội nguồn.
6	Đồng Bái	Đường Đồng Bái được lấy tên từ một xứ đồng đã trồng trọt rau màu và đã nuôi dưỡng các thế hệ con cháu ăn học thành tài, sau này cánh đồng này đã được nhân dân đầu tư xây dựng thành một khu dân cư, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Vì vậy, đặt tên đường Đồng Bái là muốn giữ tên cánh đồng này luôn trong tâm thức của các thế hệ sau này.
7	Duy Tiểu	Đường Duy Tiểu được lấy tên từ Làng Duy Tiểu. Làng Duy Tiểu từ khi mới hình thành là một làng lớn gồm làng Hưng Đồng, Làng Duy Hưng và nay là phố 6, phố 7 phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Vì vậy đặt tên đường Duy Tiểu là nguyện vọng của nhân dân của hai phố: Phố 6 và phố 7 để muốn giữ mối đoàn kết gắn chặt của hai phố. Đường Duy Tiểu được chạy qua địa bàn của hai phố.
8	Văn Thọ	Đường Văn Thọ được lấy tên của hai làng trước đây, sau này thắp thành

TT	Tên địa danh	Tóm tắt lý lịch
		một phố đó là làng Văn Xá và Làng Hưng Thọ, nay thuộc phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Tuyến đường này nay chạy giữa hai làng nhưng chung một phố. Đây là nguyện vọng của nhân dân của cả hai làng mà nay là một phố.
9	Hung Xá	Đường Hưng Xá được lấy tên của hai làng trước đây, sau này tách thành một phố đó là làng Văn Xá và Làng Hưng Thọ. Tuyến đường này nay chạy qua làng Hưng Xá và Làng Hưng Thọ nhưng chung một phố, được gọi là phố 4, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa. Đây là nguyện vọng của nhân dân của cả hai làng.